

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

-----

**LÊ THỊ LOAN**

**PHỐI HỢP THU THUẾ NỘI ĐỊA  
GIỮA CƠ QUAN THUẾ - KHO BẠC – NGÂN HÀNG  
THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH**

**Hà Nội –2014**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

-----

**LÊ THỊ LOAN**

**PHỐI HỢP THU THUẾ NỘI ĐỊA  
GIỮA CƠ QUAN THUẾ - KHO BẠC – NGÂN HÀNG  
THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Quản lý kinh tế**

**Mã số: 603401**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. NGUYỄN CÚC**

**Hà Nội –2014**

## MỤC LỤC

Danh mục các từ viết tắt.....	i
Danh mục các hình vẽ.....	ii
Danh mục các bảng biểu.....	iv
Phần mở đầu.....	1
Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - Kho bạc nhà nước - Ngân hàng thương mại .....	8
1.1. Thuế nội địa.....	8
1.1.1. Khái niệm thuế nội địa.....	8
1.1.2. Đặc điểm của thuế nội địa.....	11
1.1.3. Chức năng, vai trò của thuế nội địa:.....	11
1.2. Phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại.....	13
1.2.1. Khái niệm thu thuế nội địa.....	13
1.2.2. Đặc điểm thu thuế nội địa.....	13
1.2.3. Nguồn thu thuế nội địa.....	13
1.2.4. Tổ chức bộ máy thu thuế nội địa, vai trò của 3 cơ quan trong thu thuế nội địa: .....	14
1.2.5. Sự cần thiết phải phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại.....	18
1.2.6. Mô hình phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại.....	19
1.2.7. Nguyên tắc phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại.....	20
1.2.8. Các hình thức phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại.....	24
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại.....	26

1.3.1. Nhân tố khách quan .....	26
1.3.2. Nhân tố chủ quan .....	28
1.4. Kinh nghiệm phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm	29
1.4.1. Kinh nghiệm của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa .....	29
1.4.2. Kinh nghiệm của Cộng hòa Pháp .....	31
1.4.3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam .....	33
Chương 2. Thực trạng phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - Kho bạc nhà nước - Ngân hàng thương mại .....	35
2.1.1. Phân cấp quản lý thu thuế nội địa .....	35
2.1.2. Tổ chức thu thuế nội địa .....	36
2.1.3. Những kết quả chủ yếu .....	39
2.2. Thực trạng phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - Kho bạc nhà nước – Ngân hàng thương mại .....	44
2.2.1. Phối hợp thu thuế nội địa bằng tiền mặt qua KBNN .....	48
2.2.2. Phối hợp thu thuế nội địa bằng tiền mặt qua Ngân hàng thương mại .....	52
2.2.3. Phối hợp thu thuế nội địa bằng tiền mặt qua cơ quan Thuế .....	56
2.2.4. Phối hợp thu thuế nội địa bằng chuyển khoản qua KBNN .....	57
2.2.5. Phối hợp thu thuế nội địa bằng chuyển khoản qua Ngân hàng thương mại .....	59
2.2.6. Trao đổi số liệu, kiểm tra, đối chiếu thông tin trong thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại .....	59
2.3. Đánh giá phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - Kho bạc nhà nước – Ngân hàng thương mại .....	64
2.3.1. Những kết quả đạt được trong phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - Kho bạc nhà nước – Ngân hàng thương mại .....	64
2.3.2. Hạn chế phối hợp thu thuế nội địa vào NSNN .....	70
2.3.3 Những nguyên nhân chủ yếu của hạn chế phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại .....	75

Chương 3. Giải pháp đổi mới phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - Kho bạc nhà nước - Ngân hàng thương mại .....	80
3.1. Mục tiêu và những cơ hội, thách thức đặt ra cho phối hợp thu thuế nội địa giai đoạn 2010 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 .....	80
3.1.1. Mục tiêu: .....	80
3.1.2. Cơ hội và thách thức .....	80
3.2. Phương hướng đổi mới phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại.....	82
3.3. Một số giải pháp đổi mới phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại.....	83
3.3.1. Xây dựng phương pháp mới trong phối hợp thu thuế nội địa .....	83
3.3.2. Xây dựng một số tiêu chí đánh giá sự phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại. ....	90
3.3.3. Xây dựng cơ chế giám sát việc thực thi trách nhiệm của cơ quan Thuế, KBNN và Ngân hàng thương mại trong phối hợp thu thuế nội địa.....	94
3.3.4. Kiến nghị đối với Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính.....	94
Kết luận .....	97
Tài liệu tham khảo.....	99

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Nguyên nghĩa</b>
1	CNTT	Công nghệ thông tin
2	GNT	Giấy nộp tiền
3	KBNN	Kho bạc nhà nước
4	MLNS	Mục lục ngân sách
5	NHTM	Ngân hàng thương mại
6	NNT	Người nộp thuế
7	NSNN	Ngân sách nhà nước
8	TMCP	Thương mại cổ phần
9	TW	Trung ương

## DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

STT	Ký hiệu	Diễn giải	Trang
1	Hình 1.1	Mô hình phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế-KBNN-NHTM	
2	Hình 2.1	Phân cấp quản lý thu thuế nội địa	
3	Hình 2.2	Quy trình phối hợp thu do thủ quỹ thu bằng mặt qua KBNN	
4	Hình 2.3	Quy trình phối hợp thu do kế toán thu bằng mặt qua KBNN	
5	Hình 2.4	Quy trình phối hợp thu thuế nội địa bằng mặt qua cơ quan Thuế	
6	Hình 2.5	Quy trình phối hợp thu thuế nội địa bằng chuyển khoản qua KBNN	
7	Hình 2.6	Quy trình trao đổi danh mục NNT	
8	Hình 2.7	Quy trình trao đổi số thuế nội địa phải nộp	
9	Hình 2.8	Quy trình trao đổi bản kê chứng từ thu thuế nội địa	
10	Hình 2.9	Biểu đồ tỷ lệ phối hợp thu thuế	
11	Hình 2.10	Số lượng số thuế phải nộp của NNT truyền chậm	
12	Hình 2.11	Số lượng chứng từ bị sai thông tin	
13	Hình 3.1	Mô hình tổng thể phối hợp thu theo phương pháp mới	

14	Hình 3.2	Quy trình nhận chứng từ từ ngân hàng	
15	Hình 3.3	Quy trình đối chiếu, tra soát	



## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>Trang</b>
1	Bảng 2.1	Tỷ lệ thu gián tiếp và thu trực tiếp trong tổng thu thuế nội địa	
2	Bảng 2.2	Kết quả thu theo phương thức thu	
3	Bảng 2.3	Quy mô thu và cơ cấu thu thuế nội địa giai đoạn 1997- 2012	
4	Bảng 2.4	Thu thuế nội địa theo khu vực kinh tế	
5	Bảng 2.5	Hệ phối hợp thu	
6	Bảng 2.6	Tổng kết thu thuế nội địa qua các cơ quan	

## PHẦN MỞ ĐẦU

### *1. Tính cấp thiết của đề tài*

Với mục tiêu đổi mới cơ chế chính sách quy trình, thủ tục thu, nộp ngân sách nhà nước theo hướng đơn giản, công khai và minh bạch nên công tác tổ chức thu, nộp thuế nội địa cũng cần phải cải cách theo hướng tăng cường phối hợp, kết nối và trao đổi thông tin, dữ liệu thu thuế nội địa vào ngân sách nhà nước (NSNN) giữa Kho bạc (Kho bạc nhà nước, viết tắt là KBNN), cơ quan Thuế và các Ngân hàng thương mại (NHTM). Điều này nhằm thống nhất số liệu thu thuế nội địa giữa các cơ quan, đảm bảo xử lý dữ liệu thu và hạch toán số thuế đã thu vào NSNN kịp thời, chính xác và tránh thất thoát tiền thuế của đất nước, của nhân dân. Đồng thời, nó cũng tạo thuận lợi, giảm thiểu thời gian, thủ tục nộp tiền cho Người nộp thuế (NNT) nộp tiền thuế vào NSNN bằng việc ứng dụng công nghệ thông tin, đa dạng hóa các phương thức nộp thuế hiện đại như nộp thuế qua mạng internet, qua thẻ tín dụng, nộp thuế bằng tiền mặt tại các điểm giao dịch của ngân hàng, bưu điện và các đại lý khác, dịch vụ ủy nhiệm thu không chờ chấp thuận của chủ tài khoản, góp phần nâng cao hiệu quả thu thuế nội địa.

Tuy nhiên, thực tiễn công tác tổ chức thu, nộp NSNN trong thời gian qua cho thấy giữa KBNN, cơ quan Thuế và NHTM chưa có sự phối hợp tốt, chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh về thu thuế nội địa vào NSNN để dùng chung và còn bộc lộ một số hạn chế như:

- Quy trình thủ tục và thời gian thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN của các đối tượng nộp thuế còn phức tạp và rất chậm, đặc biệt là tại thời gian cuối tháng và cuối năm.

- Thông tin về quản lý số liệu thu NSNN giữa cơ quan Thuế, KBNN và các NHTM còn chưa thống nhất, có sự sai lệch, không khớp nhau; khối lượng nhập liệu tại các KBNN và cơ quan Thuế rất lớn gây mất nhiều thời gian và công sức.

- Áp dụng công nghệ thông tin trong quá trình thu NSNN còn hạn chế.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn này và từ những lý luận thu được từ môn học Phân tích chính sách, quản lý nhà nước, các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô,...trong chuyên ngành đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế,tác giả chọn đề tài nghiên cứu: “***Phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - Kho bạc - Ngân hàng thương mại ở Việt Nam***”.

Qua đề tài này, tác giả muốn trả lời câu hỏi nghiên cứu đặt ra của đề tài:

- Sự cần thiết phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế, KBNN, NHTM và vai trò của ba cơ quan trong tổ chức, phối hợp thu thuế nội địa gồm những nội dung gì? Các yếu tố nào ảnh hưởng đến phối hợp thu thuế nội địa? Các tiêu chí nào để đánh giá phối hợp thu thuế nội địa giữa ba cơ quan?

- Việc phối hợp thu thuế nội địa hiện nay giữa Thuế - KBNN - NHTM đạt được những kết quả như thế nào? Việc phối hợp thu thuế nội địa giữa ba cơ quan hiện nay đang tồn tại những vấn đề gì? Nguyên nhân của những tồn tại trong phối hợp thu thuế nội địa là gì?

- Làm thế nào để nâng cao hiệu quả phối hợp thu thuế nội địa giữa Thuế - KBNN- NHTM, góp phần giảm thiểu các thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả thu thuế nội địa?

## ***2. Tình hình nghiên cứu***

Từ khi Luật NSNN (1996) được ban hành, công tác quản lý thu thuế nội địa vào NSNN được chuyển đổi theo Luật NSNN (1996), đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đến quản lý thu NSNN. Có thể nêu một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như:

- Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp thu NSNN giữa các cơ quan Thuế – Hải quan- Kho bạc Nhà nước – Nguyễn Hữu Hiệp – Tạp chí quản lý Ngân quỹ Quốc gia, số 33 tháng 3/2005. Bài viết đã đề cập đến việc phối hợp công tác thu NSNN giữa các cơ quan thu với KBNN. Tuy nhiên những vấn đề về phối hợp ở mức cao hơn như qua mạng diện rộng, có sự tham gia phối hợp thu NSNN của Ngân hàng thương mại, hợp nhất kế toán thu NSNN trong

phối hợp thu NSN, cũng chưa được đề cập đầy đủ và có hệ thống.

- Đổi mới công tác quản lý thu ngân sách nhà nước qua hệ thống Kho bạc Nhà nước – Luận văn Thạc sĩ kinh tế của Nguyễn Thị Thanh Hương – năm 2006. Luận văn đã làm rõ cơ sở lý luận, thực trạng và nêu giải pháp về thu NSNN qua KBNN. Tuy nhiên, đề tài chỉ dừng lại giải quyết công tác quản lý thu NSNN tại nội bộ của KBNN, chưa nêu được quản lý thu NSNN thông qua sự phối hợp trong công tác thu NSNN qua KBNN của cơ quan Thuế và ngân hàng thương mại.

- Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tập trung, quản lý thu ngân sách qua Kho bạc Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội – Đề tài nghiên cứu khoa học của Đậu Thị Thùy Hương tại KBNN thành phố Hà Nội – năm 2008. Đề tài đã làm rõ cơ sở lý luận, thực trạng quy trình thu NSNN qua KBNN. Tuy nhiên, đề tài cũng mới chỉ khảo sát trên địa bàn Hà Nội, chưa có phân tích, đánh giá một cách tổng thể trên bình diện cả nước, chưa có sự so sánh cần thiết giữa các địa phương, khu vực để rút ra những đặc điểm chung làm cơ sở đề xuất các giải pháp toàn diện.

- Đổi mới cơ cấu thu ngân sách đảm bảo bền vững Ngân sách Nhà nước – Luận văn Thạc sĩ kinh tế của Trịnh Khánh Huyền – năm 2010. Luận văn đã làm rõ lý luận chung về thu NSNN, về cơ cấu, tổ chức thu NSNN. Tuy nhiên, đề tài không nêu chi tiết lý luận về thu thuế nội địa vào NSNN và sự phối hợp thu thuế giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại.

- Đổi mới quy trình thu ngân sách nhà nước giữa Kho bạc nhà nước và cơ quan Thuế - Luận văn Thạc sĩ kinh tế của Nguyễn Hồng Hà – năm 2011. Luận văn đã làm rõ cơ sở lý luận, thực trạng và đề xuất một số giải pháp để đổi mới quy trình thu ngân sách nhà nước giữa Kho bạc nhà nước và cơ quan Thuế. Tuy nhiên, đề tài chưa đề cập đến công tác phối hợp thu ngân sách giữa ba cơ quan KBNN – cơ quan Thuế - Ngân hàng Thương Mại.

- Xây dựng mô hình quản lý chất lượng toàn diện trong quản lý thuế- Nghiên cứu tình huống Chi cục Thuế quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ

Chí Minh - Luận văn Thạc sĩ kinh tế của Nguyễn Thành Danh – năm 2011. Luận văn đã làm rõ cơ sở lý luận về thuế nội địa, quản lý thuế nội địa, thực trạng quản lý thuế nội địa ở Chi cục Thuế quận Phú Nhuận và đề xuất một số giải pháp để xây dựng mô hình quản lý chất lượng toàn diện trong quản lý thuế ở Chi cục Thuế quận Phú Nhuận. Tuy nhiên, đề tài chưa đề cập đến quan điểm, giải pháp phối hợp thu ngân sách giữa Thuế với các cơ quan khác nhằm nâng cao chất lượng toàn diện trong quản lý thuế trên địa bàn. Hơn nữa, đề tài chỉ nghiên cứu trên một địa bàn, chưa đánh giá một cách tổng thể trên bình diện cả nước, chưa có sự so sánh cần thiết giữa các địa phương để rút ra những đặc điểm chung làm cơ sở đề xuất các giải pháp toàn diện.

- Hoàn thiện mô hình phối hợp thu thuế xuất nhập khẩu giữa Ngành Thuế - Kho bạc Nhà nước – Hải quan – Tài chính của Bộ Tài chính - Luận văn Thạc sĩ kinh tế của Phạm Thượng Tình – năm 2012. Luận văn đã làm rõ cơ sở lý luận, thực trạng và đề xuất một số giải pháp để đổi mới mô hình phối hợp thu thuế xuất nhập khẩu giữa Thuế, Kho bạc nhà nước, Hải quan, Tài chính. Tuy nhiên, đề tài chỉ đề cập đến công tác phối hợp thu thuế xuất nhập khẩu, không đề cập phối hợp thu thuế nội địa. Hơn nữa, đề tài chưa chia vai trò của Ngân hàng thương mại trong phối hợp thu thuế.

Ngoài những công trình nghiên cứu, bài viết tiêu biểu nêu trên, tác giả đã nghiên cứu thêm giáo trình quản lý thuế, các luận văn tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, công trình nghiên cứu khoa học, dự án Hiện đại hoá quy trình thu nộp thuế giữa Thuế - KBNN - Hải quan – Tài chính của Bộ Tài chính về công tác quản lý thu thuế vào NSNN, quy trình phối hợp thu thuế trên báo điện tử của Bộ tài chính, cơ quan Thuế, KBNN nhằm tìm hiểu, nghiên cứu thêm lý luận quản lý thuế, công tác thu thuế nội địa, quy trình thu, nộp thuế giữa Thuế và các cơ quan khác.

*Tóm lại:* Phần lớn các công trình nghiên cứu và bài viết trên đều tập trung làm rõ quản lý NSNN qua KBNN, quy trình thu NSNN giữa KBNN và cơ quan Thuế, hoặc phối hợp thu thuế xuất nhập khẩu giữa cơ quan Thuế -

KBNN - Hải quan – Tài chính hoặc làm rõ quản lý thuế nội địa nói riêng tại một số địa phương, từ đó có một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu NSNN, phối hợp thu NSNN qua KBNN và phối hợp thu thuế xuất nhập khẩu. Hiện chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ và hệ thống về phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - Kho bạc Nhà nước – Ngân hàng thương mại. Hơn thế nữa với thời đại công nghệ thông tin bùng nổ và ngày càng hiện đại nên việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại vào công tác phối hợp thu thuế nội địa là một tất yếu khách quan. Vì lý do đó tác giả đã lựa chọn đề tài trên với hy vọng có cái nhìn xác thực, hệ thống trên bình diện cả nước về phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế, KBNN và các Ngân hàng thương mại nhằm đưa ra những biện pháp để đổi mới công tác quản lý thu thuế nội địa nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

### ***3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu***

- **Mục đích:** Phân tích phối hợp thu thuế nội địa hiện tại giữa cơ quan Thuế, KBNN và các Ngân hàng thương mại, từ đó đề xuất giải pháp đổi mới phối hợp này nhằm nâng cao hiệu quả thu thuế nội địa.

- **Nhiệm vụ :**

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phối hợp thu thuế nội địa.
- Đánh giá thực trạng phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại.
- Đề xuất các giải pháp đổi mới phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại

### ***4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu***

- **Đối tượng nghiên cứu của luận văn:** Thực tiễn phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại.

- **Phạm vi nghiên cứu:** nghiên cứu phối hợp thu thuế nội địa trong phạm vi Dự án hiện đại hóa quy trình thu nộp thuế giữa ngành Thuế - Kho bạc nhà nước – Hải quan – Tài chính của Việt Nam. Về thời gian nghiên cứu tập trung vào giai đoạn 3 năm trở lại đây (2011-2013), để có cái nhìn sâu sắc,

trong khi phân tích tác giả sẽ so sánh với các giai đoạn trước.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

### **- Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:**

○ Phương pháp phân tích: nghiên cứu lý thuyết, thực tiễn, về thu thuế nội địa, phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại.

○ Phương pháp thống kê so sánh: Thu thập số liệu thứ cấp so sánh với các tiêu chí đánh giá nhằm đánh giá thực trạng phối hợp thu thuế nội địa ở Việt Nam.

○ Phương pháp tổng hợp: Dựa trên số liệu thống kê tổng hợp bảng số liệu và từ việc phân tích thực tiễn khái quát mô hình phối hợp thu thuế nội địa nhằm đánh giá thực trạng phối hợp thu thuế nội địa, từ đó đưa ra được giải pháp để đổi mới phối hợp này.

○ Phương pháp dự báo: Với những phân tích, so sánh dữ liệu trong thực tiễn, từ đó đưa ra đề xuất đổi mới phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại và dự báo những kết quả, đề xuất đổi mới.

- **Nguồn số liệu được sử dụng:** thu thập từ các báo cáo thường niên của Bộ Tài chính, các tài liệu về thu thuế nội địa, các số liệu chi tiết về thu thuế nội địa qua KBNN, Ngân hàng thương mại tại cơ quan Thuế cũng như các thông tin đăng tải trên phương tiện truyền thông đại chúng như báo mạng, báo viết,...

## **6. Những đóng góp của luận văn**

Luận văn đã đạt được một số kết quả sau đây:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phối hợp thu thuế nội địa giữa 3 cơ quan Thuế, KBNN và Ngân hàng thương mại.

- Phân tích thực trạng phối hợp thu thuế nội địa giữa 3 cơ quan, kết quả, tồn tại và nguyên nhân

- Đề xuất một số giải pháp tiếp tục đổi mới sự phối hợp giữa 3 cơ quan Thuế - KBNN- NHTM: phương pháp phối hợp, mô hình trao đổi thông tin,

xây dựng tiêu chí đánh giá sự phối hợp.

### **7. *Kết cấu của luận văn***

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được bố cục thành 3 chương:

**Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - Kho bạc nhà nước – Ngân hàng thương mại.**

**Chương 2: Thực trạng phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - Kho bạc nhà nước – Ngân hàng thương mại.**

**Chương 3: Giải pháp đổi mới phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - Kho bạc nhà nước – Ngân hàng thương mại.**



# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHỐI HỢP THU THUẾ NỘI ĐỊA GIỮA CƠ QUAN THUẾ - KHO BẠC NHÀ NƯỚC – NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

### 1.1. Thuế nội địa

#### 1.1.1. Khái niệm thuế nội địa

##### 1.1.1.1. Khái niệm

Để tạo lập những khoản chi ngân sách đó, có 5 nguồn thu chính gồm: bằng thuế; bằng cách phát hành tiền tệ; bằng cách phát hành công trái; nhận viện trợ hoàn lại và vay, nợ của nước ngoài; nhận viện trợ không hoàn lại của nước ngoài. Trong đó thuế giữ vai trò quan trọng hơn cả, vì thuế có sự điều tiết chia sẻ và công bằng giữa người có thu nhập cao và người có thu nhập thấp đồng thời nói lên sức mạnh tự chủ về tài chính của một quốc gia. Phát hành tiền sẽ gây ra mức độ lạm phát nào đó. Các nhà kinh tế tài chính đều thận trọng về phương diện áp dụng lối tài trợ này. Phát hành công trái rộng rãi cho công chúng và vay, nợ nước ngoài thì tại các nước có nền kinh tế phát triển, tiền tệ có giá trị ổn định thì sẽ thu được kết quả tốt. Tuy nhiên đối với các nước chậm hay đang phát triển thì nguồn tài trợ này có thể gây hậu quả tương tự như phát hành tiền. Sự ra đời của thuế là một tất yếu khách quan gắn liền với sự ra đời, tồn tại và phát triển của nhà nước.

Tuy nhiên, quan niệm về thuế và việc sử dụng công cụ thuế có những cách tiếp cận khác nhau. Theo nhà kinh tế học Gaston Jeze trong cuốn “Tài chính công” đưa ra một định nghĩa tương đối cổ điển về thuế: “Thuế là một khoản trích nộp bằng tiền, có tính chất xác định, không hoàn trả trực tiếp do các công dân đóng góp cho nhà nước thông qua con đường quyền lực nhằm bù đắp những chi tiêu của Nhà Nước”. Đây là khái niệm cổ nhất và nổi tiếng nhất về thuế nhưng thuế không chỉ để bù đắp chi tiêu mà còn dùng để phát triển kinh tế, xã hội.

Bàn về mối liên hệ giữa thuế và Nhà nước C.Mác đã viết: “Thuế là có sở kinh tế của bộ máy nhà nước là thủ đoạn đơn giản để kho bạc thu được tiền hay tài sản của dân dùng vào việc chi tiêu của Nhà nước” [21]. Ăng Ghen cũng đã viết: “Để duy trì quyền lực công cộng, cần có sự đóng góp của công dân cho Nhà nước, đó là thuế má” [1]. Cả Mác và Ăng-ghen đều chỉ đề cập tới vai trò đóng thuế của nhân dân như một sự bóc lột và coi đó là “thủ đoạn đơn giản” của Nhà nước. Khi thuế đã được sử dụng một cách phù hợp và vai trò của thuế ngày càng được khẳng định thì đứng trên các góc độ, lập trường khác nhau người ta cũng có

Trên góc độ phân phối thu nhập, người ta đưa ra quan niệm thuế như sau: “Thuế là hình thức phân phối và phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân nhằm hình thành lên quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của nhà nước (Quỹ ngân sách nhà nước) để đáp ứng nhu cầu chi tiêu cho thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước” [2]. Trên góc độ kinh tế học: “Thuế là biện pháp đặc biệt theo đó, Nhà nước sử dụng quyền lực của mình để chuyển một phần nguồn lực từ khu vực tư sang khu vực công nhằm thực hiện các chức năng kinh tế xã hội của nhà nước”.

Những quan niệm về thuế nêu trên đều là những nhận xét đúng. Nhưng đứng trên lập trường của mỗi quan điểm là một khía cạnh về thuế và thiếu trọn vẹn khi lấy các quan điểm ấy trở thành khái niệm chung về thuế. Từ các quan niệm trên, ta có thể đưa ra khái niệm chung nhất về thuế như sau: Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc từ các thể nhân và pháp nhân cho Nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật qui định nhằm sử dụng cho mục đích công cộng [15]. Đối với tổ chức, cá nhân hoạt động bên trong quốc gia, lãnh thổ thì phải đóng góp bắt buộc theo quy định của chính quốc gia, lãnh thổ đó. Từ đó, ta có thể định nghĩa Thuế nội địa: là thuế đánh vào công dân, hoạt động, tài sản trong nước là nguồn thu từ nội bộ nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, có một số hàng hóa nhập khẩu vừa chịu thuế nhập khẩu khi đi qua biên

giới, vừa phải chịu thuế nội địa khi được bán lại ở thị trường bên trong quốc gia, lãnh thổ.

#### *1.1.1.2. Phân biệt thuế nội địa với lệ phí, phí*

Lệ phí là khoản thu vừa mang tính chất phục vụ cho đối tượng nộp lệ phí về việc thực hiện một số thủ tục hành chính vừa mang tính chất động viên sự đóng góp cho ngân sách Nhà nước. Phí là khoản thu mang tính chất bù đắp chi phí thường xuyên hoặc bất thường như phí về xây dựng, bảo dưỡng, duy tu của Nhà nước đối với những hoạt động phục vụ người nộp phí.

Thuế nội địa và lệ phí, phí đều là nguồn thu cho ngân sách Nhà nước và đều mang tính pháp lý nhưng giữa chúng có sự khác biệt như sau:

- Xét về mặt giá trị pháp lý: Thuế nội địa có giá trị pháp lý cao hơn lệ phí, phí. Thuế được ban hành dưới dạng văn bản pháp luật như: Luật. Trong khi đó lệ phí, phí được ban hành dưới dạng Nghị định, Quyết định của chính phủ; cấp tỉnh, thành phố.

- Xét về mục đích và mức độ ảnh hưởng đối với nền kinh tế - xã hội thì thuế nội địa có 3 tác dụng lớn:

- + Tạo nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước.
- + Điều chỉnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý và định hướng phát triển kinh tế.
- + Đảm bảo sự bình đẳng giữa những chủ thể kinh doanh và công bằng xã hội.

Phí không có những tác dụng nói trên, nó chỉ có tác dụng tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước chủ yếu dùng để bù đắp các chi phí hoạt động của các cơ quan cung cấp cho xã hội một số dịch vụ công cộng như: dịch vụ công chứng, dịch vụ đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản, dịch vụ cầu đường,..

- *Xét về tên gọi và mục đích:*

Đa số các sắc thuế có tên gọi không phản ánh đúng mục đích sử dụng, mà thường phản ánh đối tượng tính thuế. Nói chung mục đích của việc sử dụng của các loại thuế thường là tạo nguồn quỹ ngân sách Nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu chi ngân sách Nhà nước, thực hiện chức năng quản lý xã hội của Nhà nước.

Mục đích của từng loại lệ phí, thường phù hợp với tên gọi của nó. Nói một cách chính xác hơn, tên gọi của loại lệ phí nào phản ánh khá đầy đủ mục đích sử dụng loại lệ phí đó.

### **1.1.2. Đặc điểm của thuế nội địa**

- Thuế nội địa luôn gắn liền với quyền lực Nhà nước. Vì Thuế nội địa là một công cụ tài chính có tính pháp lý cao, được quyết định bởi quyền lực chính trị của nhà nước và quyền lực ấy được thể hiện bằng pháp luật.

- Thuế nội địa là một phần thu nhập của các tầng lớp dân cư bắt buộc phải nộp cho Nhà nước. Tính bắt buộc là thuộc tính cơ bản vốn có của thuế nội địa để phân biệt giữa thuế với các hình thức động viên tài chính khác của ngân sách nhà nước. Hành động đóng thuế nội địa (hay thuế xuất, nhập khẩu) là hành động thực hiện nghĩa vụ của người công dân.

- Thuế nội địa là hình thức chuyển giao thu nhập không mang tính chất hoàn trả trực tiếp. Nó được thể hiện ở chỗ: thuế nội địa được hoàn trả gián tiếp cho người nộp thuế thông qua việc cung cấp các dịch vụ công cộng của nhà nước. Sự không hoàn trả trực tiếp được thể hiện kể cả trước và sau thu thuế nội địa. Trước khi thu thuế, nhà nước không hề cung ứng trực tiếp một dịch vụ công cộng nào cho người nộp thuế. Sau khi nộp thuế, nhà nước cũng không có sự bồi hoàn trực tiếp nào cho người nộp thuế.

### **1.1.3. Chức năng, vai trò của thuế nội địa**

- Thứ nhất, một nền tài chính quốc gia lành mạnh và vững chắc phải dựa chủ yếu vào nguồn thu từ nội bộ nền kinh tế quốc dân. Ngay từ lúc hình thành, thuế nội địa luôn luôn có công dụng “là công cụ tập trung chủ yếu nguồn thu cho NSNN” [2, Tr.17]. Nhờ chức năng này, quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước được hình thành, qua đó đảm bảo cơ sở vật chất cho sự tồn tại và hoạt động của nhà nước, tạo ra những tiền đề để nhà nước tiến hành phân phối lại tổng sản phẩm của xã hội và thu nhập quốc dân trong xã hội, góp phần tích cực giảm bội chi ngân sách, giảm lạm phát, từng bước góp phần ổn định trật tự xã hội và phát triển kinh tế bền vững.

- *Thứ hai*, chức năng “tham gia vào việc điều tiết kinh tế vĩ mô” [2, Tr.20] của thuế nội địa được thực hiện thông qua việc quy định các hình thức thu thuế khác nhau, xác định đúng đắn đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế, xây dựng chính xác các mức thuế phải nộp có tính đến khả năng của NNT, sử dụng linh hoạt các ưu đãi và miễn giảm thuế. Trên cơ sở đó, nhà nước kích thích các hoạt động kinh tế đi vào quỹ đạo chung, phù hợp lợi ích của xã hội. Dựa vào công cụ thuế, nhà nước có thể thúc đẩy hoặc hạn chế việc tích lũy đầu tư, khuyến khích xuất khẩu...

Giữa chức năng huy động nguồn lực tài chính và chức năng điều tiết kinh tế có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau. Chức năng huy động nguồn lực tài chính càng tăng lên nhằm đảm bảo nguồn thu nhập cho nhà nước đã tạo ra những điều kiện để nhà nước tác động một cách sâu rộng đến các quá trình phát triển kinh tế và xã hội. Cùng với sự thống nhất đó, thì giữa hai chức năng này cũng không loại trừ những mặt mâu thuẫn. Sự tăng cường chức năng huy động tập trung tài chính làm cho mức thu nhập của nhà nước tăng lên. Mặt khác, việc tăng cường chức năng huy động một cách quá mức sẽ làm tăng gánh nặng thuế và hậu quả của nó là giảm động lực phát triển kinh tế và làm xói mòn vai trò điều tiết kinh tế.

*Thứ ba*, hệ thống thuế nội địa “là công cụ để điều hòa thu nhập, thực hiện công bằng xã hội trong phân phối” [2, Tr.22]. Sự bình đẳng và công bằng xã hội được thể hiện thông qua chính sách động viên giống nhau giữa các đơn vị, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có những điều kiện hoạt động giống nhau, đảm bảo sự bình đẳng về nghĩa vụ đối với mọi công dân, không có đặc quyền, đặc lợi cho bất kỳ đối tượng nào. Người có thu nhập cao phải đóng thuế nhiều hơn người có thu nhập thấp. Tuy nhiên phải để người có thu nhập cao chính đáng được hưởng thành quả lao động của mình thì mới khuyến khích họ phát triển sản xuất kinh doanh, tránh lạm thu, trùng lấp để đảm bảo công bằng và bình đẳng xã hội. Phải có những biện pháp chống thất thu về thuế đối với Người nộp thuế, về căn cứ tính thuế, về tổ chức quản lý thu thuế, về chế

độ miễn giảm thuế, về kiểm tra, xử lý nghiêm minh đối với các vụ vi phạm trốn thuế...

## **1.2. Phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại**

### **1.2.1. Khái niệm thu thuế nội địa**

Thu thuế nội địa là quá trình Nhà nước dùng quyền lực về chính trị, kinh tế, ngoại giao để tập trung một phần nguồn tài chính quốc gia, hình thành quỹ NSNN nhằm đáp ứng các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong quản lý và điều hành nền kinh tế xã hội.

### **1.2.2. Đặc điểm thu thuế nội địa**

Thu thuế nội địa có những đặc điểm chủ yếu sau đây:

- *Thứ nhất*, thu thuế nội địa phản ánh các mối quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình phân chia các nguồn tài chính quốc gia giữa Nhà nước với các chủ thể trong xã hội. Sự phân chia đó là một tất yếu khách quan, xuất phát từ yêu cầu tồn tại và phát triển của bộ máy Nhà nước cũng như yêu cầu thực hiện các chức năng kinh tế - xã hội của Nhà nước.

- *Thứ hai*, thu thuế nội địa có phạm vi rộng trong nước, liên quan đến hầu hết các đối tượng trong xã hội. Thực chất của thu thuế nội địa là lấy về cho Nhà nước một phần thu nhập của các tổ chức và cá nhân trong nước.

- *Thứ ba*, thu thuế nội địa được thực hiện với nhiều phương thức khác nhau như: Tự nguyện - bắt buộc; ngang giá - không ngang giá; có đối khoản - không có đối khoản trực tiếp; kinh tế - phi kinh tế. Trong đó: bắt buộc, không ngang giá, không có đối khoản trực tiếp, phi kinh tế là rất phổ biến.

- *Thứ tư*, thu thuế nội địa gắn chặt với thực trạng kinh tế và sự vận động của các phạm trù giá trị như giá cả, lãi suất, thu nhập... Sự vận động của các phạm trù đó vừa tác động đến sự tăng giảm mức thu, vừa đặt ra yêu cầu nâng cao tác dụng điều tiết của các công cụ thu thuế nội địa.

### **1.2.3. Nguồn thu thuế nội địa**

Nguồn thu thuế nội địa là tất cả các loại thuế nội địa hình thành trong

quá trình sản xuất, lưu thông, phân phối và tiêu dùng trong nước có khả năng động viên vào NSNN để hình thành quỹ NSNN.

Tùy theo nhu cầu của việc phân tích, đánh giá phục vụ cho công tác quản lý cũng như phục vụ cho việc điều chỉnh các chính sách động viên, người ta có thể phân loại nguồn thu thuế nội địa theo các tiêu thức khác nhau, bao gồm các nguồn thu từ:

-Đánh vào cá nhân (thuế thu nhập, thuế tiêu thụ), đánh vào công ty (thuế pháp nhân, thuế môn bài, thuế tài nguyên môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thu đặc biệt...).

-Đánh vào các hoạt động (thuế giao dịch tài chính, thuế mua bán nhà đất, thuế thừa kế, ...)

-Đánh vào đồ vật (thuế tài sản, phí phòng cháy chữa cháy, phí đăng ký ô tô xe máy, phí công chứng, ...).

#### ***1.2.4. Tổ chức bộ máy thu thuế nội địa, vai trò của 3 cơ quan trong thu thuế nội địa:***

##### ***1.2.4.1. Tổ chức bộ máy thu thuế nội địa:***

Để đảm bảo công tác thu thuế nội địa đạt hiệu quả trên cơ sở căn cứ vào sự hình thành hệ thống các cấp chính quyền, tổ chức bộ máy cần đảm bảo một số những yêu cầu nhất định:

*Thứ nhất*, phải đảm bảo thống nhất, tập trung dân chủ. Tức là phải làm sao để vừa phát huy được sức mạnh sáng tạo của mọi cấp vừa đảm bảo thống nhất, tập trung nguồn tài lực quốc gia. Yêu cầu này đòi hỏi việc phân chia trách nhiệm, quyền hạn trong quản lý thu thuế nội địa phải rõ ràng, mang lại hiệu quả cao nhất. Chính quyền các cấp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, điều chỉnh, đảm bảo thực hiện nghiêm túc các chính sách, chế độ thu thuế nội địa.

*Thứ hai*, tổ chức bộ máy thu thuế nội địa phải đảm bảo kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ, tức là phải phát huy tính tích cực sáng tạo của địa phương trên cơ sở có tính đến nét đặc trưng của

từng ngành.

*Thứ ba*, cũng giống mọi hoạt động quản lý, hoạt động kinh tế khác, công tác thu thuế nội địa cũng là công việc của con người, do con người thực hiện. Bởi vậy, nhân tố con người có ý nghĩa quyết định. Nhân tố con người được xem xét trên hai khía cạnh; năng lực và đạo đức. Do vậy, để thực hiện tốt công việc của mình, các cán bộ chuyên trách rất cần có năng lực cao.

Qua những phân tích trên, có thể khẳng định, quá trình thu thuế nội địa vừa là hiện thực hóa các cơ chế chính sách huy động nguồn lực tài chính vào NSNN, vừa là sự kiểm nghiệm tính đúng đắn của các chính sách đó, để rồi thông qua những nảy sinh trong thực tiễn mà có những gợi mở để hoàn thiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực thu. Tổ chức bộ máy quản lý thu thuế nội địa cùng với tổ chức hành thu là hai nội dung chủ yếu của việc tổ chức quản lý thu thuế nội địa. Tổ chức bộ máy quản lý thu bao gồm việc hình thành cơ cấu tổ chức và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ. Cơ cấu tổ chức quản lý thu NSNN được hình thành từ Trung ương (TW) đến địa phương hợp thành hệ thống thu thống nhất.

#### *1.2.4.2. Vai trò của 3 cơ quan trong thu thuế nội địa*

Cơ quan Thuế nhà nước là cơ quan dự báo thu, trực tiếp quản lý thu được Chính phủ cho phép hoặc uỷ quyền phối hợp với Kho bạc nhà nước tổ chức quản lý, tập trung nguồn thu thuế nội địa vào NSNN, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc bảo đảm mọi khoản thu thuế phải được tập trung đầy đủ, kịp thời vào NSNN. Vì vậy, để thu thuế nội địa đạt hiệu quả, vai trò cụ thể của các cơ quan như sau:

+ Cơ quan Thuế: là một trong các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thu ngân sách nhà nước và trực tiếp thu thuế nội địa. Và cơ quan Thuế có vai trò chủ đạo trong một số nội dung thu thuế nội địa như sau:

▪ *Một là*, xây dựng các chính sách, chế độ về quản lý thuế nội địa; xây dựng chiến lược, quy hoạch, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hành động, đề án, dự án quan trọng về quản lý thuế nội địa; Dự toán thu thuế



nội địa hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- *Hai là*, Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế nội địa đối với người nộp thuế: đăng ký thuế, cấp mã số thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, tính thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, xoá nợ thuế, tiền phạt, lập sổ thuế, thông báo thuế, phát hành các lệnh thu thuế và thu khác theo quy định của pháp luật thuế; phối hợp với Kho bạc nhà nước, Ngân hàng thương mại tổ chức quản lý nguồn thu thuế nội địa như: cập nhật và cung cấp thông tin danh mục cơ quan Thuế, danh bạ NNT (các thông tin về NNT), số thuế phải nộp của từng NNT cho KBNN, NHTM, ủy nhiệm thu để sử dụng thống nhất trong hệ thống phối hợp thu; Hạch toán, tổng hợp, đối chiếu số thuế nội địa đã nộp, số thuế hoàn trả của NNT, giải quyết các vướng mắc trong phối hợp thu.

- *Ba là*, Tổ chức thực hiện thống kê, kế toán thuế nội địa, quản lý biên lai, ấn chỉ thuế; lập báo cáo về tình hình kết quả thu thuế nội địa và báo cáo khác phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành của nhà nước.

- *Bốn là*, Tổ chức thực hiện kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế nội địa và khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thi hành công vụ của công chức, viên chức thuế. Xử lý vi phạm hành chính về thuế nội địa, lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền khởi tố các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật thuế theo quy định.

+ Cơ quan Kho bạc: là một cơ quan trong hệ thống bộ máy quản lý thu thuế nội địa. Cụ thể, KBNN có vai trò chủ đạo trong một số nội dung thu thuế nội địa như sau:

- *Một là*, KBNN thực hiện tập trung đầy đủ, kịp thời các khoản thu thuế nội địa và phân chia chính xác các khoản thu này cho NSNN các cấp theo đúng tỷ lệ được cấp có thẩm quyền quyết định đối với từng khoản thu. KBNN tổ chức thu trực tiếp bằng tiền mặt từ NNT, thu qua cơ quan thuế, qua NHTM ủy nhiệm thu và thu bằng chuyển khoản qua hệ thống ngân hàng chưa ủy nhiệm thu đảm bảo thu nhanh, đúng, đủ và theo nguyên tắc tất cả các

khoản thu đều được tập trung vào quỹ NSNN tại hệ thống KBNN.

- *Hai là*, thực hiện phân tích, đánh giá, tổng hợp số liệu, lập báo cáo thu NSNN theo từng địa bàn, từng cấp ngân sách, từng loại nguồn thu chủ yếu gửi các cơ quan theo chế độ quy định giúp nhà nước quản lý và điều hành NSNN.

- *Ba là*, phối hợp kiểm tra và đối chiếu số liệu thu thuế nội địa vào NSNN với cơ quan thuế, NHTM ủy nhiệm thu bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời; xác nhận số liệu thu thuế nội địa theo yêu cầu nhà nước, thực hiện hoàn trả các khoản thu thuế nội địa theo quy định. Phối hợp với cơ quan Thuế, NHTM ủy nhiệm thu tổ chức các điểm thu, lịch thu, đảm bảo nộp kịp thời các khoản thu thuế nội địa vào NSNN.

+ Ngân hàng thương mại: là cơ quan cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính với nghiệp vụ cơ bản là nhận tiền gửi, cho vay và cung ứng các dịch vụ thanh toán. Ngoài ra, NHTM còn cung cấp nhiều dịch vụ khác nhằm thoả mãn tối đa nhu cầu về sản phẩm dịch vụ của xã hội. NHTM có những chức năng chủ đạo sau:

- *Thứ nhất*, thực hiện chức năng trung gian tín dụng theo quy định, NHTM vừa đóng vai trò là người đi vay, vừa đóng vai trò là người cho vay và hưởng lợi nhuận là khoản chênh lệch giữa lãi suất nhận gửi và lãi suất cho vay và góp phần tạo lợi ích cho tất cả các bên tham gia: người gửi tiền và người đi vay...Nên NHTM tham gia thu thuế nội địa để tạo thêm nguồn vốn thực hiện chức năng này.

- *Thứ hai*, NHTM đóng vai trò là thủ quỹ cho các doanh nghiệp và cá nhân, thực hiện các thanh toán với nhiều phương tiện thanh toán như thẻ rút tiền (ATM), thẻ thanh toán, thẻ tín dụng, qua internet banking...theo yêu cầu của khách hàng để trích tiền từ tài khoản tiền gửi của họ để thanh toán tiền nộp thuế hoặc nhập vào tài khoản tiền hoàn thuế và các khoản thu khác theo lệnh của họ.

- *Thứ ba*, trong phối hợp thu thuế nội địa, NHTM cập nhật thông tin thống nhất như danh bạ NNT, số thuế phải thu, danh mục cơ quan thuế, danh

mục KBNN. Đồng thời, cập nhật và cung cấp thông tin về danh mục chi nhánh NHTM. Hàng ngày có trách nhiệm tổng hợp dữ liệu thu thuế nội địa và số thuế nội địa đã nộp, đã hoàn trả trực tiếp cho NNT qua NHTM trên địa bàn. Phối hợp với cơ quan Thuế, KBNN trên địa bàn tổ chức các điểm thu, lịch thu, thanh toán 24/24 giờ giữa 2 bên KBNN, NHTM đảm bảo nộp kịp thời các khoản thu thuế nội địa vào NSNN.

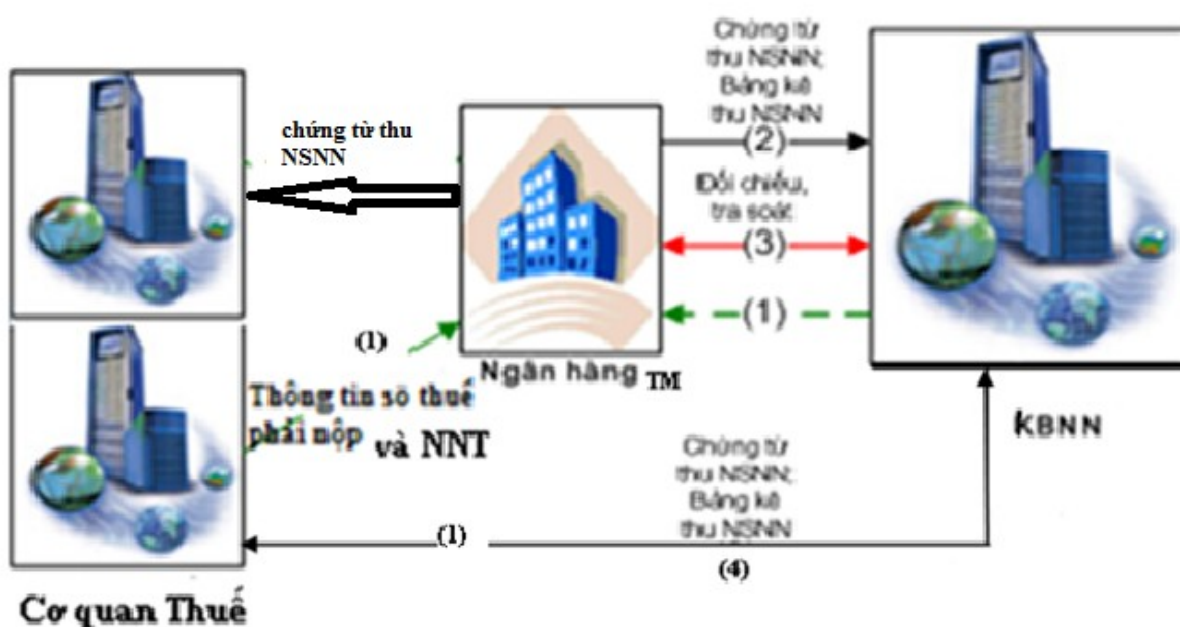
#### ***1.2.5. Sự cần thiết phải phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại***

Với mỗi chức năng riêng biệt của 3 cơ quan được nêu trên, ta thấy: KBNN có nhiệm vụ cơ bản tập trung và phản ánh các khoản thu thuế nội địa vào NSNN, thực hiện điều tiết số thuế đã nộp của NNT cho nhà nước. Cơ quan Thuế có chức năng cơ bản tổ chức và điều hành các hoạt động khai thác các nguồn thu thuế nội địa cho NSNN. Còn NHTM có chức năng cơ bản là thanh toán tiền nộp thuế của NNT theo yêu cầu. Mỗi cơ quan đều quản lý những thông tin riêng biệt của NNT theo chức năng của mình. Trong công tác điều hành quản lý vĩ mô của nhà nước, chính phủ cần biết nhanh, chính xác, thống nhất số thuế nội địa đã thu của NNT nhưng mỗi cơ quan lập báo cáo tổng hợp các số đã thu từ NNT cho nhà nước theo các tiêu chí riêng của mình dẫn đến số thuế nội địa đã thu từ NNT không thống nhất, có sự chênh lệch dẫn đến rất khó khăn trong công tác điều tiết số thu để thực hiện nhiệm vụ quản lý kinh tế vĩ mô của mình. Ngoài ra, ba cơ quan đều cần những thông tin của cơ quan kia đang quản lý như thông tin số thuế cần phải nộp, mã số thuế, tên NNT, địa chỉ NNT, số tiền gửi của NNT, số thuế đã nộp, số tiền cần điều tiết NSNN và đều muốn những lợi thế của cơ quan khác là lợi thế của cơ quan mình nhằm giảm thời gian, cường độ làm việc, nhân lực, công sức quản lý.

Đối với NNT, họ đến KBNN, NHTM nộp tiền thuế nội địa nhưng do KBNN, NHTM không có các thông tin về số thuế cần phải nộp, MST,... nên NNT phải kê khai rất nhiều thông tin gây phiền hà cho họ, đôi khi thông tin họ kê khai bị thiếu, không chính xác.

Chính vì vậy, cần phải có sự phối hợp giữa cơ quan Thuế - KBNN và NHTM để phân tích những dữ liệu liên quan đến NNT mà ngành Thuế sẽ cung cấp cho KBNN, NHTM và ngược lại. Việc ứng dụng công nghệ tin học trong việc truyền nhận dữ liệu như thế nào để sử dụng chung những thông tin đã có trong hệ thống máy tính của ba cơ quan, bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn của từng ngành, bảo đảm sự thống nhất về thông tin, tính an toàn và bảo mật dữ liệu.

### 1.2.6. Mô hình phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại



Hình 1.1: Mô hình phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế-KBNN-NHTM

(1) Ngân hàng thương mại, KBNN truy vấn dữ liệu về người nộp thuế nhudanh mục dùng chung, danh bạ NNT, sổ thuế nộiđịa phải nộp từ cơ quan Thuế, KBNN.

(2) Ngân hàng thương mại thực hiện thu thuế nộiđịa vào NSNN (chứng từ thu NSNN) và truyền dữ liệu chứng từ thu NSNN cho KBNN.

(3) Ngân hàng thương mại đối chiếu, tra soát với KBNN về chứng từ thu NSNN.

(4) KBNN thực hiện thu thuế nội địa vào NSNN (chứng từ thu NSNN) và truyền, đối chiếu dữ liệu chứng từ thu NSNN với cơ quan Thuế.

**Điều kiện để triển khai mô hình phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế, KBNN và NHTM, bao gồm:**

- Tổ chức bộ máy thu thuế nội địa của 3 cơ quan phải đảm bảo thống nhất từ cấp trung ương đến cấp địa phương (tỉnh/thành phố, quận/huyện), tập trung dân chủ, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ, các cán bộ chuyên trách của 3 cơ quan phải có năng lực cao

- Cơ quan Thuế, KBNN và KBNN khi phối hợp thu thuế nội địa phải dựa trên các nguyên tắc thống nhất: Cơ quan Thuế ra quyết định nội dung khoản thu thuế nội địa, số tiền nội địa phải thu và chịu trách nhiệm với quyết định của mình, KBNN, NHTM căn cứ quyết định thu thuế nội địa của cơ quan Thuế thực hiện thu tiền vào NSNN. Đồng thời, 3 cơ quan thường xuyên kiểm tra, đôn đốc NNT bảo đảm mọi khoản thu thuế nội địa phải được tập trung đầy đủ, kịp thời vào NSNN.

- Ba cơ quan thực hiện phối hợp thu thuế nội địa theo 2 phương thức thu: Thu trực tiếp: NNT mang tiền nộp trực tiếp vào KBNN, NHTM, hoặc chuyển khoản cho NHTM hoặc KBNN và Thu gián tiếp: NNT nộp tiền thuế nội địa qua cơ quan thuế. Định kỳ, cơ quan thuế nộp tiền tại trụ sở KBNN, NHTM.

#### ***1.2.7. Nguyên tắc phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại***

Nguyên tắc phối hợp thu thuế nội địa giữa Thuế - KBNN - NHTM thể hiện ở một số nội dung sau:

**Thứ nhất**, Cơ quan Thuế làm đúng vai trò là người ra quyết định nội dung khoản thu thuế nội địa, số tiền nội địa phải thu và chịu trách nhiệm với quyết định của mình.

**Thứ hai**, KBNN, NHTM căn cứ quyết định thu thuế nội địa của cơ quan Thuế (phản ánh rõ NNT nộp, nội dung khoản nộp, số tiền phải nộp...)

thực hiện thu tiền vào NSNN.

**Thứ ba**, cơ quan Thuế, KBNN, NHTM phối hợp với nhau tổ chức quản lý, tập trung nguồn thu thuế nội địa, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc bảo đảm mọi khoản thu thuế nội địa phải được tập trung đầy đủ, kịp thời vào NSNN.

**Thứ tư**, toàn bộ các khoản thu thuế nội địa phải chuyển vào NSNN qua KBNN. Đối với một số khoản thuế của NNT không cố định và một số khoản thu thuế nội địa ở địa bàn mà việc nộp trực tiếp vào KBNN, NHTM khó khăn, thì cơ quan thuế được trực tiếp thu, sau đó định kỳ nộp vào KBNN theo quy định.

Trong đó, trách nhiệm và quyền lợi của 3 cơ quan phải được quy định rõ dựa trên các nguyên tắc trên nhằm đảm bảo phối hợp thu thuế nội địa hiệu quả.

**Cụ thể về trách nhiệm, quyền lợi của cơ quan Thuế trong phối hợp thu thuế nội địa thể hiện ở một số nội dung chính sau:**

***Về trách nhiệm:***

Thứ nhất, xác định sắc thuế nội địa phải nộp cho từng NNT, chịu trách nhiệm điều chỉnh sắc thuế nội địa của NNT khi phát hiện việc xác định sắc thuế cho NNT có sai sót.

Thứ hai, cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về mã số thuế, tên NNT, sắc thuế nội địa, số thuế nội địa phải thu của từng NNT cho KBNN, NHTM.

Thứ ba, phối hợp với KBNN, NHTM tổ chức các điểm thu thuế nội địa đảm bảo thu đầy đủ, nhanh chóng, an toàn và thuận lợi cho NNT.

Thứ tư, phát hành, quản lý các loại chứng từ thu thuế nội địa.

***Về quyền lợi:***

- Cơ quan thuế được thừa hưởng thông tin số thuế đã nộp của NNT: mã số thuế, tên, địa chỉ, địa bàn thu, về số thuế nội địa đã nộp vào NSNN của NNT theo từng nội dung kinh tế (tiểu mục). Nên cơ quan Thuế không phải nhập lại thông tin này vào hệ thống quản lý thuế của mình mà xác định ngay số thuế đã nộp để tính phạt, chậm nộp, nợ của NNT, tổng hợp

ngay số liệu về số thuế đã thu vào NSNN để báo cáo cấp trên, xác định nhanh nhiệm vụ thu của mình theo từng ngày, từng tháng, từng quý, từng năm. Đồng thời, số đã thu vào NSNN thống nhất với KBNN nên công tác điều hành nền kinh tế vĩ mô dựa trên số thuế đã thu vào NSNN được thuận lợi.

- NHTM tham gia phối hợp thu như đơn vị thu của KBNN nên NNT có nhiều lựa chọn địa điểm nộp thuế, nộp thuế đúng thời hạn giúp cho công tác đơn đốc thu nộp thuế của cơ quan Thuế gặp thuận lợi, đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ nhà nước đã giao.

**Trách nhiệm, quyền lợi của KBNN trong phối hợp thu thuế nội địa thể hiện ở một số nội dung chính sau:**

***Về trách nhiệm:***

Thứ nhất, KBNN có trách nhiệm tổ chức các điểm thu thuế nội địa, phối hợp với NHTM, cơ quan Thuế tổ chức thu thuế nội địa, đảm bảo thu đầy đủ, nhanh chóng, an toàn và thuận lợi cho NNT.

Thứ hai, thực hiện in, quản lý chứng từ đã thu thuế nội địa phục vụ cho việc nộp tiền trực tiếp của NNT tại KBNN và các tổ chức được KBNN ủy nhiệm thu.

Thứ ba, nhận thông tin về danh bạ NNT, số thuế nội địa phải thu từ cơ quan thuế. Nhận thông tin về số thuế nội địa đã thu từ NHTM để tổng hợp, hạch toán vào NSNN. Cung cấp thông tin về số thuế nội địa đã thu cho cơ quan Thuế. Gửi bảng kê chứng từ về số thuế nội địa đã thu cho cơ quan Thuế.

Thứ tư, tập trung các khoản thu thuế nội địa vào NSNN và phân chia các khoản đã thu đó theo quy định của nhà nước đối với từng khoản thu cho NSNN.

***Về quyền lợi:***

- KBNN được thừa hưởng thông tin về NNT: mã số thuế, tên, địa chỉ, địa bàn thu, về số thuế phải nộp của NNT theo từng tháng của cơ quan Thuế gửi sang. Nên KBNN không phải nhập lại thông tin này vào hệ thống

quản lý thu, chi của KBNN mà xác định ngay tỷ lệ điều tiết NSNN để từ đó xác định ngay nguồn chi NSNN, in ngay giấy nộp tiền trả lại NNT, không khiến NNT chờ đợi lâu để nhận giấy nộp tiền vào NSNN. Do đó, NNT đánh giá cao công tác tổ chức thu nộp thuế của KBNN. Đồng thời, thông tin về NNT đã nộp tiền vào NSNN của KBNN thống nhất với cơ quan Thuế (đơn vị quản lý trực tiếp NNT).

- NHTM tham gia phối hợp thu như đơn vị thu của KBNN nên KBNN giảm tải được công việc tổ chức thu thuế nội địa như nhân lực, địa điểm tổ chức thu đặc biệt những ngày cao điểm nộp thuế như cuối tháng, cuối năm.

**Trách nhiệm, quyền lợi của NHTM trong phối hợp thu thuế nội địa thể hiện ở một số nội dung chính sau:**

***Về trách nhiệm:***

Thứ nhất, NHTM có trách nhiệm tổ chức các điểm thu thuế nội địa, phối hợp với KBNN, cơ quan Thuế tổ chức thu thuế nội địa, đảm bảo thu đầy đủ, nhanh chóng, an toàn và thuận lợi cho NNT.

Thứ hai, thực hiện in, quản lý chứng từ đã thu thuế nội địa phục vụ cho việc nộp tiền trực tiếp của NNT tại NHTM.

Thứ ba, nhận thông tin về danh bạ NNT, số thuế nội địa phải thu từ cơ quan thuế. Cung cấp thông tin về số thuế nội địa đã thu cho KBNN để tổng hợp, hạch toán vào NSNN. Cung cấp thông tin về số thuế nội địa đã thu cho cơ quan Thuế.

Thứ tư, tuân thủ việc sử dụng, bảo mật thông tin của NNT, số thuế nội địa đã thu của NNT theo đúng quy định của nhà nước.

***Về quyền lợi:***

- NHTM được thừa hưởng thông tin về NNT: mã số thuế, tên, địa chỉ, địa bàn thu, về số thuế phải nộp của NNT theo từng tháng của cơ quan Thuế gửi sang. Nên NHTM không phải nhập lại thông tin này vào hệ thống thu nộp thuế của NHTM mà in ngay giấy nộp tiền trả lại NNT, không khiến NNT chờ đợi lâu để nhận giấy nộp tiền vào NSNN. Đồng thời, thông tin về



NNT đã nộp tiền vào NSNN của NHTM thống nhất với cơ quan Thuế (đơn vị quản lý trực tiếp NNT), KBNN.

- NHTM tăng thêm lượng khách hàng, dịch vụ do có các thông tin về NNT của cơ quan Thuế gửi sang.

- NHTM là đơn vị tổ chức phối hợp thu thuế nội địa như đơn vị thu của KBNN nên NHTM huy động vốn từ nguồn thu thuế hàng ngày phục vụ hoạt động kinh doanh của mình. Đây là lợi ích kinh tế to lớn của các NHTM khi tham gia phối hợp thu thuế nội địa.

### ***1.2.8. Các hình thức phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại***

Có hai hình thức phối hợp thu chủ yếu là thu trực tiếp và thu gián tiếp.

*Thu trực tiếp* là phương thức thu mà NNT mang tiền nộp trực tiếp vào KBNN, NHTM, hoặc thu thuế nội địa bằng chuyển khoản khi NNT mở tài khoản tại NHTM hoặc KBNN.

*Thu gián tiếp* là phương thức mà NNT nộp tiền thuế nội địa qua cơ quan thuế. Theo phương thức này cơ quan thuế dùng biên lai thu thuế nội địa để trực tiếp thu tiền từ NNT. Định kỳ, theo lịch thoả thuận với KBNN, cơ quan thuế nộp tiền tại trụ sở KBNN, NHTM.

Mỗi khoản thu thuế nội địa và mỗi phương thức thu sẽ có quy trình thu, thủ tục thu thuế nội địa tương ứng. Hiện nay, tại các nước trên thế giới có các quy trình thu thuế nội địa chính sau đây:

(1) *Theo hình thức biểu hiện của tiền tệ*, có quy trình thu thuế nội địa bằng tiền mặt và bằng chuyển khoản.

(2) *Theo cơ quan tổ chức thu (Cơ quan thuế)*, có quy trình thu thuế nội địa trực tiếp qua KBNN, NHTM và thu thuế nội địa qua cơ quan thu.

Nội dung cơ bản của các quy trình thu thuế nội địa như sau:

#### **\* Thu bằng chuyển khoản**

Thực hiện quy trình này, NHTM, KBNN có nhiệm vụ: trích tài khoản tiền gửi của NNT (theo lệnh của chủ tài khoản hoặc lệnh của cơ quan thuế) để

nộp tiền thuế nội địa vào NSNN với các bước cụ thể như sau:

- Cơ quan thuế ra thông báo thu gửi NNT (đối với những khoản thu thuế nội địa chưa áp dụng cơ chế tự khai tự nộp) hoặc cơ quan thu ra Lệnh thu thuế nội địa gửi NHTM, KBNN nơi NNT mở tài khoản (đối với những trường hợp bị (trường hợp bị phạt, truy thu thuế) cưỡng chế thu thuế nội địa.

- NNT lập bảng kê nộp tiền thuế nội địa vào NSNN bằng chuyển khoản đề nghị NHTM, KBNN nơi mở tài khoản, trích số tiền từ tài khoản của mình để nộp vào tài khoản thu NSNN tại KBNN.

- NHTM, KBNN trích tài khoản tiền gửi của NNT để nộp tiền thuế nội địa vào NSNN, KBNN nhận được thông tin, chứng từ nộp tiền do NHTM, KBNN chuyển đến, kiểm tra nội dung và các yếu tố trên bảng kê, in Giấy nộp tiền (GNT) cho NNT, đối chiếu với bảng kê thanh toán và thực hiện hạch toán thu NSNN.

- KBNN, cơ quan thuế, NHTM phối hợp, kiểm tra, đối chiếu các khoản thu NSNN theo quy định.

**\* Thu bằng tiền mặt**

- Thu tại trụ sở của KBNN:

+ Cơ quan thuế ra thông báo thu gửi NNT (đối với những khoản thu chưa áp dụng cơ chế tự khai tự nộp).

+ NNT lập bảng kê nộp thuế vào NSNN bằng tiền mặt đến KBNN. KBNN kiểm tra nội dung và các yếu tố trên bảng kê thực hiện thu tiền, in GNT trả NNT và thực hiện hạch toán vào NSNN.

+ KBNN, cơ quan thuế phối hợp, kiểm tra, đối chiếu các khoản thu NSNN theo quy định.

- Thu qua điểm thu ngoài trụ sở của KBNN:

Quy trình thu tương tự như thu tại trụ sở nhưng chỉ khác là kế toán điểm thu không thực hiện hạch toán thu NSNN mà cuối ngày hoặc định kỳ (không quá 2 ngày làm việc) cán bộ phụ trách điểm thu căn cứ các liên giấy nộp tiền vào NSNN để lập bảng kê GNT, chuyển toàn bộ chứng từ (bảng kê

GNT, giấy nộp tiền vào NSNN) cho kế toán thu tại trụ sở để kiểm tra và hạch toán thu NSNN.

- Thu tại trụ sở của NHTM:

+ Cơ quan thuế ra thông báo thu gửi NNT (đối với những khoản thu chưa áp dụng cơ chế tự khai tự nộp).

+ NNT lập bảng kê nộp thuế vào NSNN bằng tiền mặt đến NHTM. NHTM kiểm tra nội dung và các yếu tố trên bảng kê thực hiện thu tiền. Cung cấp thông tin số tiền thuế nội địa đã thu cho KBNN để KBNN hạch toán vào NSNN.

+ NHTM, KBNN, cơ quan thuế phối hợp, kiểm tra, đối chiếu các khoản thu NSNN theo quy định.

#### **\* Thu bằng biên lai thu qua cơ quan thuế**

+ Cơ quan thuế ra thông báo thu, đồng thời viết biên lai và thu tiền trực tiếp từ NNT và xử lý chứng từ theo quy định.

+ Cuối ngày, cán bộ thu tập hợp, lập bảng kê biên lai thu theo từng sắc thuế và lập giấy nộp tiền vào NSNN bằng tiền mặt mang đến KBNN, NHTM để nộp tiền.

+ KBNN, NHTM kiểm tra, đối chiếu GNT với bảng kê biên lai thu; thực hiện thu tiền và hạch toán vào NSNN.

+ KBNN, cơ quan thuế và NHTM phối hợp, kiểm tra, đối chiếu các khoản thu NSNN theo quy định.

### **1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại**

#### **1.3.1. Nhân tố khách quan**

- Thứ nhất, cơ chế chính sách trong phối hợp thu thuế nội địa:

+ Phương thức và quy trình phối hợp thu thuế nội địa: mỗi khoản thu thuế nội địa đều có một phương thức và quy trình phối hợp thu riêng phù hợp với nội dung và đặc điểm khoản thu đó. Mỗi phương thức, quy trình có tác động trực tiếp đến tốc độ tập trung các khoản thu thuế nội địa vào NSNN, đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả công tác phối hợp thu thông qua chi phí,

thời gian cho việc thực hiện một khoản thu, tiêu chí đánh giá công tác phối hợp thu. Phương thức thu đa dạng sẽ góp phần tăng tính chủ động cho NNT; quy trình thu, quy trình phối hợp thu đơn giản, hợp lý sẽ giúp tiết kiệm được thời gian chi phí dành cho việc thực hiện mỗi khoản thu. Mạng lưới các điểm thu cũng ảnh hưởng đến công tác thu thuế trực tiếp qua KBNN, NHTM,...

+ Hệ thống chứng từ thu thuế nội địa: Nếu hệ thống chứng từ hoàn thiện, ổn định sẽ giúp NNT kê khai dễ dàng, đầy đủ, chính xác. Qua đó sẽ làm giảm thiểu thời gian của NNT và cũng giúp cho hệ thống KBNN, NHTM có đầy đủ thông tin và cơ sở để hạch toán NSNN chính xác, góp phần tập trung nhanh các khoản thu thuế nội địa vào NSNN, đồng thời bảo đảm cung cấp thông tin chính xác, có hiệu quả cho các cơ quan quản lý.

-Thứ hai, sự phân định trách nhiệm của KBNN, NHTM và cơ quan Thuế trong phối hợp thu thuế nội địa:

+Việc phân định trách nhiệm các cơ quan trong công tác phối hợp thu thuế nội địa là rất cần thiết vì công tác này có đặc điểm là liên quan đến nhiều cơ quan, ban ngành như KBNN, cơ quan thuế, NHTM, các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp NSNN, ..v.v...

+Việc phân định trách nhiệm của các cơ quan phải đảm bảo tính pháp lý, công khai, có thể kiểm tra, kiểm soát lẫn nhau, thể chế hoá thành các quy định cụ thể trên cơ sở đó từng cơ quan, cá nhân có liên quan biết được phạm vi quyền hạn cũng như trách nhiệm pháp lý của mình trong việc thực thi công việc, biết được tiêu chí đánh giá sự phối hợp thu thuế, qua đó công việc được tiến hành trôi chảy dựa trên nguyên tắc rõ ràng, minh bạch, góp phần nâng cao chất lượng phối hợp thu thuế nội địa.

-Thứ ba, phân cấp trong phối hợp thu thuế nội địa, quản lý thu nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính cho ngân sách địa phương thông qua việc điều chỉnh lại các nguồn thu và tăng tỷ lệ để lại cho địa phương theo hướng tự cân đối được chi thường xuyên. Cho phép chính quyền cấp tỉnh, thành phố quyết định một số loại phí, lệ phí nội địa và tạo điều kiện cho các cấp ngân sách chủ

động trong việc tổ chức và tận thu được các khoản thu thuế nội địa cho NSNN. Đối với hệ thống của ba cơ quan việc phân cấp quản lý thu thuế nội địa sẽ tạo điều kiện cho KBNN hạch toán kịp thời, chính xác các khoản thu trên địa bàn, không phải thực hiện chuyển số thu từ cấp trên xuống cấp dưới, chủ động bố trí các điểm thu, cán bộ thu, tạo điều kiện thuận lợi cho NNT về thời gian, không gian, nơi nộp thuế.

- Thứ tư, ý thức trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức kinh tế và các cá nhân (NNT) trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nội địa. NNT phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế là đồng đảo các tầng lớp dân cư trong xã hội, do vậy để công tác thu thuế nội địa, phối hợp thu thuế nội địa thực sự có hiệu quả thì điều cốt yếu trước hết là người dân phải nhận thức được rằng nộp thuế là quyền và nghĩa vụ của mỗi người, thuế nội địa là nguồn thu chủ yếu của NSNN, là nguồn lực tài chính giúp Nhà nước có thể thực hiện thành công các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội của mình. NNT cũng cần được trang bị đầy đủ các kiến thức về pháp luật thuế như phương pháp kê khai, thời hạn nộp, địa điểm nộp... để họ có thể hoàn toàn chủ động trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình với NSNN. Ngoài ra, thông tin về NNT, số thuế phải nộp của NNT ở ba cơ quan phải đầy đủ, thống nhất, rõ ràng để tạo thuận lợi cho NNT không phải kê khai nhiều thông tin, không gây phiền hà cho NNT.

- Thứ năm, các công cụ thanh toán của nền kinh tế: các công cụ thanh toán có tác động trực tiếp tới hiệu quả tập trung các khoản thu thuế nội địa. Khi nền kinh tế có hệ thống các công cụ thanh toán hoàn hảo sẽ giúp các chủ thể tham gia thanh toán nâng cao tính chủ động của mình. Đặc điểm thu nộp thuế nội địa là bị ràng buộc bởi tính thời hạn. Việc chậm nộp thuế nội địa sẽ bị xử lý theo pháp luật, do đó NNT luôn quan tâm đặc biệt tới hình thức thanh toán nhanh chóng, chính xác, tiện lợi và an toàn. Công nghệ thanh toán hiện đại sẽ góp phần giảm khối lượng thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, từ đó giảm chi phí, nâng cao hiệu quả quản lý thuế nội địa.

### ***1.3.2. Nhân tố chủ quan***

Thứ nhất, tổ chức bộ máy và trình độ cán bộ thực hiện phối hợp thu thuế nội địa. Quản lý thuế nội địa liên quan đến nhiều lĩnh vực hoạt động, công tác phối hợp thu thuế nội địa là một công việc phức tạp, khó khăn và liên quan tới lợi ích của nhiều người cần phải được tổ chức thuận tiện, đơn giản; đội ngũ cán bộ phối hợp, trực tiếp thu không chỉ giỏi về nghiệp vụ chuyên môn, biết giao tiếp, có khả năng về công nghệ thông tin mà còn phải có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, đam mê với công việc và có tư cách đạo đức tốt.

Thứ hai, trình độ ứng dụng khoa học, Công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác phối hợp thu thuế nội địa giữa KBNN, NHTM và cơ quan Thuế: CNTT đóng vai trò vô cùng quan trọng trong phối hợp thu thuế nội địa, góp phần làm tăng năng suất lao động, tiết kiệm thời gian và chi phí. Trong điều kiện nền kinh tế phát triển hiện nay, một mặt khối lượng thu thuế nội địa qua KBNN, NHTM ngày càng tăng nhanh cả về doanh số và số lượng NNT, mặt khác yêu cầu quản lý của các cơ quan nhà nước khác cũng ngày càng chi tiết hơn. Vì vậy, việc ứng dụng CNTT hiện đại vào phối hợp thu thuế nội địa ngày càng trở thành yêu cầu đặc biệt cấp thiết.

Thứ ba, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác phối hợp thu thuế nội địa: Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, khối lượng thu thuế nội địa trực tiếp qua KBNN, NHTM cũng ngày càng gia tăng nhanh chóng. Phối hợp thu thuế nội địa là giải pháp thiết thực để đáp ứng yêu cầu thu nhanh, thu đúng, thu đủ, vừa phải đảm bảo tuyệt đối an toàn. Để đạt được yêu cầu này, các điểm thu của KBNN, NHTM cần được trang bị đầy đủ các dụng cụ làm việc cần thiết như: máy đếm tiền, két sắt, xe chở tiền chuyên dụng, thuận tiện cho NNT khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế,...

#### **1.4. Kinh nghiệm phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm**

##### ***1.4.1. Kinh nghiệm của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa***

Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (gọi tắt là Trung Quốc) là nước được đánh giá là có nền kinh tế đang chuyển đổi và đã thu được những thành tựu to lớn, đồng thời Trung Quốc cũng là một nước có tỉ lệ tăng trưởng GDP trong những năm vừa qua cao nhất thế giới. Tốc độ tăng trưởng này là điều kiện cho việc tăng thu ngân sách quốc gia và công tác phối hợp giữa các cơ quan để thu thuế đã có những chuyển biến đáng chú ý.

Trước 1980, hệ thống tài chính Trung Quốc có đặc điểm là phân cấp trong việc thu thuế, không có sự phối hợp thu thuế giữa thuế, KBNN, NHTM và lợi nhuận cho chính quyền địa phương nhưng toàn bộ các khoản thu này lại được tập trung ở TW, sau đó được chuyển về ngân sách địa phương để chi tiêu theo Quyết định của TW. Theo cơ chế này, chính quyền cấp tỉnh, thành phố, khu tự trị (gọi tắt là tỉnh) ít có quyền hạn tự chủ trong việc phát triển kinh tế của tỉnh. Từ 1980, Trung Quốc đã chuyển sang cơ chế hợp đồng thu ngân sách. Theo cơ chế này, mỗi cấp chính quyền đều phải hợp đồng với cấp cao hơn để xác định mục tiêu thu ngân sách. Có thể nói đây là cơ chế phân chia nguồn thu giữa các cấp chính quyền, gắn liền với lợi ích kinh tế của các cấp chính quyền trung ương và tỉnh, góp phần tích cực vào việc tận thu thuế, có sự phối hợp thu thuế nội địa giữa KBNN và cơ quan thuế. Điều này làm cho các cấp chính quyền có nguồn thu ngân sách được tập trung đầy đủ, trang trải được các khoản chi, tăng cường được việc kiểm tra, giám sát thu thuế vào NSNN, chi NSNN và giảm gánh nặng cho NSNN cấp trung ương.

Từ đầu năm 1994, Trung Quốc thực hiện cải cách lại hệ thống giám sát thuế và quản lý thu thuế của trung ương và các khoản thuế phân chia giữa trung ương, tỉnh và thực hiện mở rộng tỉ lệ phân chia đối với các khoản thuế mới. Cải cách các cơ quan tài chính và thuế vụ của Trung Quốc được tiến hành đồng thời với cải cách thể chế tài chính dựa trên nguyên tắc kinh tế thị trường được áp dụng rộng rãi trên thế giới và lý luận về tài chính công cộng. Trên cơ sở phân cấp tài chính, Trung Quốc thực hiện hệ thống giám sát tài chính thông qua hệ thống luật bao gồm: Hiến pháp, Luật kiểm toán Nhà nước

và Quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc tăng cường công tác kiểm tra giám sát dự toán TW... Đây là những yếu tố tạo nên hệ thống luật cơ bản về cơ cấu, phương thức thực hiện và tạo điều kiện về pháp luật để Trung Quốc thực hiện phối hợp thu ngân sách sâu rộng giữa cơ quan thuế, KBNN và Ngân hàng ngày nay.

Đặc điểm quản lý tài chính, thu thuế, phối hợp thu thuế nội địa ở Trung Quốc:

*Một là*, thống nhất chỉ đạo, phân cấp quản lý. Trên cơ sở thống nhất phương châm, chính sách, chế độ và kế hoạch ngân sách của TW cho phép địa phương thực hiện đầy đủ quyền điều tiết dự toán thu chi của tỉnh và quyền quản lý tài chính của tỉnh cho thích hợp, quyền sử dụng linh hoạt nguồn lực tài chính, quyền thi hành những biện pháp tài chính cụ thể phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Từ đó, cơ quan thuế, KBNN và các ngân hàng phối hợp với nhau để đôn đốc, thu tiền thuế từ NNT.

*Hai là*, kết hợp chức trách với quyền lợi, trong đó chỉ rõ trách chức thực hiện phối hợp thu thuế của cơ quan thuế, KBNN và ngân hàng.

*Ba là*, Quản lý rất chặt chẽ theo luật, chủ yếu dựa vào Hiến pháp và Luật dự toán.

*Bốn là*, Hệ thống tài chính cấp tỉnh rất phức tạp: Chính quyền cấp tỉnh sử dụng đa dạng các công cụ tài chính, một số công cụ tài khoá như phân bổ thuế dựa trên sở hữu doanh nghiệp và những vùng phát triển kinh tế kém hơn, trợ cấp đặc biệt và hỗ trợ theo ngành dọc của cấp tỉnh đến các cấp huyện, xã. Từ đó, cơ quan Thuế phải xác định nguồn thu thuế nội địa để có kế hoạch phối hợp thu với KBNN, ngân hàng.

#### ***1.4.2. Kinh nghiệm của Cộng hòa Pháp***

Kể từ năm 1982, sau khi Luật về "Quyền hạn và tính tự chủ của các cấp xã, tỉnh, vùng" ra đời đã cho phép các cấp chính quyền địa phương có tư cách pháp nhân riêng, tách biệt với tư cách pháp nhân của Nhà nước. Các chính quyền địa phương này có thẩm quyền riêng trên địa bàn của mình và tự mình



điều hành một cách độc lập và không chịu sự chỉ đạo từ trên xuống của Nhà nước. Do vậy, ngân sách của Cộng hoà Pháp được phân thành 4 cấp phù hợp với cơ cấu tổ chức hành chính là: Ngân sách Nhà nước (ngân sách TW), ngân sách Vùng, ngân sách tỉnh, và ngân sách xã. Tuy các cấp ngân sách có tính độc lập tương đối nhưng về khía cạnh quản lý thu đều phải chấp hành một cơ chế thống nhất theo quy định của Luật. Dự toán thu ngân sách sau khi đã được Nghị viện phê chuẩn được coi như một đạo Luật về ngân sách mà Chính phủ và các thành viên Chính phủ (như cơ quan thuế, kho bạc,...) phải có trách nhiệm chấp hành. Việc thông qua Luật NSNN ngày 1/8/2001 hướng tới kết quả thu được và các chi phí bỏ ra (Điều 54 Luật Ngân sách mới).

Ở Pháp việc phối hợp thu giữa cơ quan thuế, KBNN và các Ngân hàng được thực hiện rất chặt chẽ, theo nguyên tắc:

*Lập số thu:* Những người chuẩn thu (ở Pháp gọi chung cho cả hai chức năng thu và chi), kế toán viên của KBNN cùng phối hợp cán bộ thuế lập số thu để có thể yêu cầu NNT phải nộp. Việc lập số thu bao gồm hai nghiệp vụ: Ghi khoản phải thu thuế và xác định khoản thu thuế. Ghi khoản phải thu thuế là nghiệp vụ ghi thu hoặc tính mức thuế nhằm xác định về mặt luật pháp và căn cứ tính thuế. Xác định khoản thu thuế là một bước tiếp nối logic của nghiệp vụ ghi khoản phải thu, nghiệp vụ này nhằm để xác định số thu. Công việc này được áp dụng mạnh mẽ CNTT nên thời gian thực hiện rất nhanh và chính xác.

- *Chấp hành thu thuế nội địa:* thực hiện thu thuế nội địa theo quy định chung được tổ chức xoay quanh việc chia nghiệp vụ này thành ba giai đoạn liên tiếp, hai giai đoạn đầu thuộc trách nhiệm của Người chuẩn thu. Giai đoạn thứ ba thuộc thẩm quyền riêng của Kế toán viên, nhân viên của các ngân hàng được phép thu. Ở đây có sự phối hợp thu từ NNT giữa Ngân hàng, KBNN. Giai đoạn này bắt đầu ngay từ khi kế toán viên, nhân viên của ngân hàng chịu trách nhiệm đưa vào các định khoản của mình lệnh thu do người chuẩn thu đưa ra. Trước khi bắt đầu giai đoạn nhập quỹ, kế toán viên, nhân

viên ngân hàng phải thực hiện một số kiểm tra. Kế toán viên, nhân viên ngân hàng kiểm tra văn bản phê chuẩn thu cũng như kiểm tra tính hợp thức của các khoản giảm trừ và huỷ bỏ thu thuế. Thông tin về thu thuế này được gửi lại cho cơ quan thuế để quản lý NNT.

Ở Pháp, NNT có nhiều sự lựa chọn phương thức nộp thuế qua KBNN hoặc Ngân hàng thậm chí nhiều lựa chọn trong việc hoàn thuế TNCN ở Ngân hàng, hoặc KBNN. Vì việc áp dụng CNTT là ưu tiên hàng đầu nên thời gian nộp thuế chỉ mất tối đa 15 phút hay hoàn thuế của NNT chỉ mất tối đa 2 tiếng.

### ***1.4.3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam***

Trên cơ sở lý luận về quản lý thu NSNN và những nghiên cứu, phân tích kinh nghiệm phối hợp thu thuế nội địa của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa Pháp có thể rút ra một số nội dung có ý nghĩa tham khảo, có thể vận dụng vào phối hợp thu thuế nội địa của Việt Nam:

#### ***1.4.3.1. Đa dạng hoá phương thức thu thuế nội địa***

Phương thức này là xu hướng của phương pháp quản lý hiện đại, đang được áp dụng tại rất nhiều quốc gia trên thế giới, có tác dụng nâng cao ý thức tự giác, đề cao trách nhiệm trước pháp luật của NNT. Đối với các tổ chức, cá nhân nộp thuế, áp dụng cơ chế quản lý này sẽ làm giảm bớt được nhiều thủ tục hành chính trong việc kê khai và nộp thuế; tạo điều kiện giảm bớt sự ùn tắc chứng từ tại KBNN, đồng thời giúp cơ quan thuế quản lý đối tượng nộp dễ dàng hơn, từ đó góp phần chống thất thu cho NSNN, giảm chi phí quản lý thuế...Đồng thời tạo thuận lợi cho việc phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan thuế, KBNN, ngân hàng.

Việc ứng dụng hiệu quả CNTT vào các hoạt động tác nghiệp của cơ quan Thuế và KBNN sẽ góp phần giảm thiểu tối đa công sức của cán bộ, trên cơ sở chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho NNT. Việc xây dựng được những cơ sở dữ liệu dùng chung sẽ giúp công tác điều hành, ra quyết định của các cấp quản lý được thuận lợi, dễ dàng và nhanh chóng hơn.

#### *1.4.3.2. Đổi mới quy trình thu thuế nội địa*

Tổ chức điểm thu, tổ chức quy trình thu NSNN ngoài trụ sở KBNN, tăng điểm thu tại NHTM cho các khoản thu thuế, phí, lệ phí do đối tượng không có điều kiện đến KBNN để nộp trực tiếp. Đổi mới quy trình nhằm hướng tới xã hội hóa các dịch vụ công, người dân không phải đến cơ quan công quyền để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, mà có thể thông qua các dịch vụ thuận lợi của hệ thống ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ của mình.

*1.4.3.3. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan ban ngành và sự chỉ đạo của các cấp chính quyền trong công tác thu thuế nội địa*

Công tác thu thuế nội địa liên quan đến nhiều cơ quan ban ngành như: chính quyền các cấp, cơ quan thuế, cơ quan tài chính và KBNN, ngân hàng. Mỗi cơ quan là một mắt xích không thể thiếu trong chu trình thu thuế nội địa. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan này trong quá trình thực hiện thu thuế nội địa sẽ tối ưu hoá được hiệu quả công tác quản lý các khoản thu thuế nội địa.

*1.4.3.4. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và cung cấp dịch vụ thuế để nâng cao tính tự giác và trách nhiệm của người nộp thuế*

Kinh nghiệm ở các nước cho thấy, yếu tố cơ bản để thực hiện thành công một sắc thuế mới không chỉ phụ thuộc vào hệ thống văn bản pháp luật mà còn rất cần có sự hiểu biết sâu sắc, kỹ lưỡng và ý thức tự giác chấp hành của mỗi cán bộ thuế và của quảng đại quần chúng nhân dân, đặc biệt là những người nộp thuế. Cần phải coi công tác tuyên truyền, giải thích về quyền lợi, trách nhiệm của người nộp thuế là một công việc quan trọng cần được thực hiện thường xuyên. Cơ quan thuế cần có sự phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền địa phương và các cơ quan thông tin tuyên truyền đại chúng.

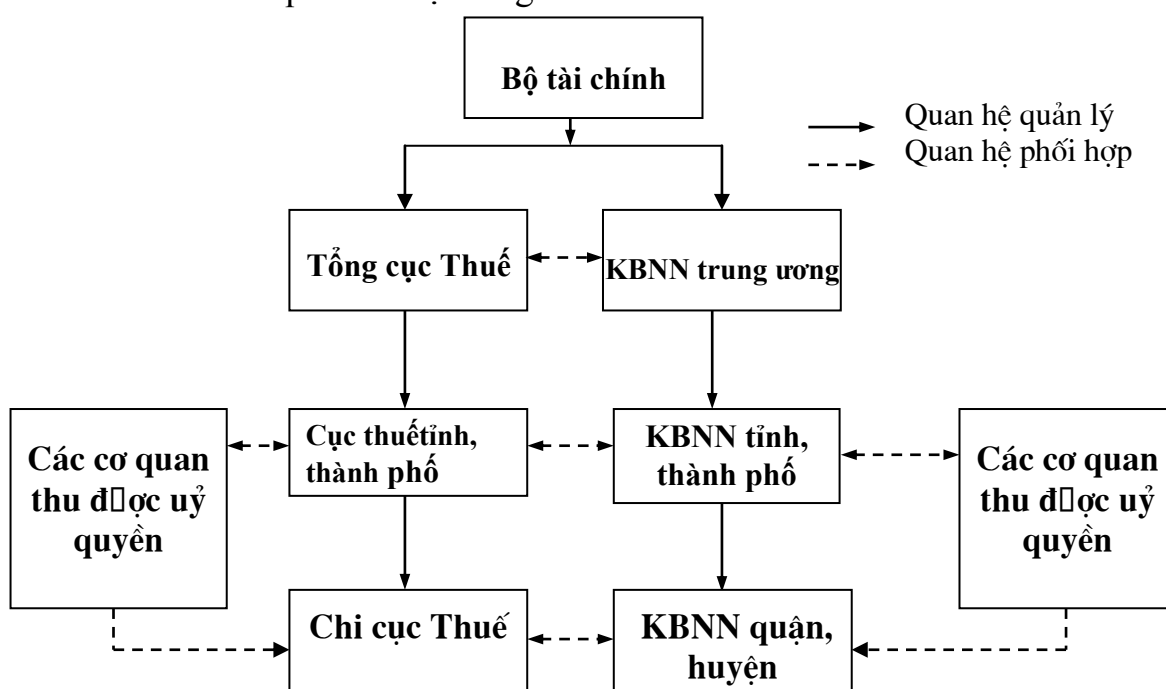
## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG PHỐI HỢP THU THUẾ NỘI ĐỊA GIỮA CƠ QUAN THUẾ - KHO BẠC NHÀ NƯỚC – NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

#### 2.1. Khái quát về tình hình thu thuế nội địa của Việt Nam

##### 2.1.1. Phân cấp quản lý thu thuế nội địa

Quản lý thu thuế nội địa gồm 3 cấp: cấp Trung ương; cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) và cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện). Mỗi cấp có cơ quan thuế, KBNN tương ứng để thực hiện quản lý và thu thuế nội địa. Trong đó, cấp tỉnh, thành phố và cấp quận, huyện, thị xã trực tiếp quản lý, thu thuế nội địa (thu thuế phát sinh, hoàn thuế) của NNT thuộc hoạt động, sản xuất kinh doanh tại địa bàn của mình. Còn cấp trung ương không trực tiếp thu thuế nội địa do không quản lý trực tiếp NNT nhưng quản lý nội dung thu thuế nội địa liên quan đến hoàn thuế giá trị gia tăng, các nội dung liên quan khác đến thu thuế thông qua báo cáo của cấp tỉnh, thành phố và cấp, quận, huyện, thị xã. Theo quy định, định kỳ hàng tháng các cấp lập báo cáo về thu thuế nội địa (thu thuế phát sinh, hoàn thuế) gửi cấp trên. Có thể khái quát hóa hệ thống như sau:



Hình 2.1. Phân cấp quản lý thu thuế nội địa

Trong đó cơ quan thu được ủy quyền có thể bao gồm: Các ngân hàng thương mại; các ủy nhiệm thu thuộc quản lý của ủy ban nhân dân các cấp.

### **2.1.2. Tổ chức thu thuế nội địa**

- Nguyên tắc hạch toán thu NSNN hiện KBNN đang áp dụng là kế toán theo luồng tiền

- Việt Nam có hai phương thức thu chủ yếu là thu trực tiếp và thu gián tiếp. Cụ thể:

#### **2.1.2.1. KBNN, NHTM (ủy nhiệm thu) trực tiếp thu**

Đây là phương thức thu trực tiếp hiện nay của Việt Nam. Với phương thức thu này, NHTM ủy nhiệm thu là ngân hàng được chính phủ, Bộ tài chính cho phép ủy nhiệm thu, nơi KBNN có tài khoản (tài khoản tiền gửi hoặc tài khoản chuyên thu) để tập trung các khoản thu thuế nội địa hoặc KBNN không mở tài khoản tại chi nhánh NHTM và coi là điểm thu (ngoài hệ thống) của KBNN.

Hệ thống KBNN, NHTM (ủy nhiệm thu) đó tổ chức hàng ngàn điểm để thu thuế nội địa trên địa bàn cả nước để trực tiếp thu thuế nội địa vào KBNN. Hiện nay phương thức thu này đang được áp dụng đối với các khoản thuế, phí, lệ phí của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, cá nhân, hộ kinh doanh hoạt động thường xuyên, có địa điểm cố định thuận lợi cho việc nộp. Thu trực tiếp qua KBNN (địa phương), NHTM (ủy nhiệm thu) được thực hiện bằng cả hai hình thức chuyển khoản và tiền mặt. Căn cứ vào giấy nộp tiền vào NSNN bằng chuyển khoản từ ngân hàng (không được ủy nhiệm thu) chuyển đến KBNN, NHTM (ủy nhiệm thu) hoặc căn cứ vào bảng kê nộp thuế của NNT nộp bằng tiền mặt KBNN (địa phương), NHTM (ủy nhiệm thu) sẽ trực tiếp thu tiền; đồng thời, hạch toán chứng từ thu thuế nội địa theo chế độ quy định. KBNN (địa phương) phân chia khoản thu theo các tỷ lệ điều tiết quy định cho các cấp ngân sách trên địa bàn, không thực hiện hạch toán qua các tài khoản trung gian nên tiền vào ngân sách nhanh hơn, kịp thời hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu chi tiêu của các cấp ngân sách. Hai năm trở lại đây, NHTM (ủy nhiệm

thu) trực tiếp thu phát triển mạnh và đã đem lại nhiều ưu điểm, lợi ích cho NNT:

- NNT có thể lựa chọn làm thủ tục nộp tiền tại các địa điểm phù hợp với mình nhất (nơi có trụ sở KBNN hoặc chi nhánh, điểm giao dịch của NHTM đã tham gia phối hợp thu).

- NNT có thể làm thủ tục nộp tiền ngoài giờ hành chính hoặc nộp vào ngày nghỉ (các chi nhánh, phòng Giao dịch của NHTM thường tổ chức thu tiền đến 18h hàng ngày và làm việc cả vào thứ 7).

- NNT được các NHTM tra cứu, hỗ trợ thông tin để bổ sung, hoàn thiện chứng từ nộp tiền thuế nội địa vào NSNN.

#### *2.2.2.2. Thu qua cơ quan Thuế*

Đây là phương thức thu gián tiếp qua cơ quan Thuế. Phương thức thu này, cơ quan thuế trực tiếp thu tiền từ NNT, sau đó, cuối ngày hoặc định kỳ nộp vào KBNN, NHTM để ghi thu NSNN (ủy nhiệm thu). Phương thức thu này hiện đang được áp dụng đối với các địa bàn ở xa KBNN, NHTM, NNT nộp phân tán; doanh số thu NSNN không lớn; thời gian nộp không tập trung; việc thu trực tiếp vào KBNN có khó khăn. Qua quá trình thực hiện, phương thức thu này tỏ ra rất phù hợp với các khoản thu thuộc các NNT nộp không thường xuyên, không ổn định như: thu thuế của NNT là các hộ kinh doanh cá thể, hộ kinh doanh theo phương pháp khoán; một số khoản phí, lệ phí, thu phạt có số tiền nhỏ. Theo phương thức thu này, cơ quan thuế trực tiếp thu tiền từ NNT, sau đó, cuối ngày hoặc định kỳ nộp vào KBNN, NHTM để ghi thu NSNN.

#### *2.2.2.3. Ủy nhiệm thu cho UBND xã, phường, thị trấn*

Phương thức thu này là phương thức thu gián tiếp được thực hiện từ những tháng cuối năm 2002. Đây là một chủ trương lớn của Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế nhằm thực hiện cải cách hành chính thuế, tập trung nguồn nhân lực vào việc quản lý các nguồn thu lớn chống thất thu có hiệu quả; đồng thời, ủy nhiệm thu còn nhằm mục đích đề cao trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong việc tăng cường khai thác và quản lý tốt các khoản thuế được ủy

nhệm, gắn thu NSNN với nhu cầu chi, khuyến khích các xã chăm lo phát triển kinh tế, khai thác nguồn thu, chống thất thu để tăng thu có hiệu quả.

Các khoản thuế đang đ- ợc thí điểm uỷ nhiệm thu gồm có: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, nông nghiệp; thuế nhà đất; thuế GTGT; thuế TNCN từ hoạt động sản xuất kinh doanh; thuế tiêu thu đặc biệt; thuế tài nguyên môi trường; thuế môn bài.

Trong thời gian qua, việc áp dụng các ph- ơng thức thu trên nhìn chung đã góp phần bao quát tốt hơn mọi đối t- ợng nộp, mọi khoản thu. Tuy nhiên, việc thực hiện các ph- ơng thức này còn một số hạn chế sau:

Các ph- ơng thức thu hiện tại chủ yếu dựa vào tính tự giác của NNT, ch- a mang tính c- ỡng chế cao do đó dẫn đến tình trạng số thuế nợ đọng của các đơn vị còn t- ợng đối lớn và để hoàn thành đ- ợc kế hoạch thu hiện nay cơ quan thuế vẫn mất rất nhiều công sức đốc thu. Ph- ơng thức uỷ nhiệm thu cho UBND xã, ph- ờng, thị trấn hiện mới chỉ đ- ợc áp dụng đối với một số sắc thuế, nên đã dẫn đến tình trạng cùng một NNT thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà n- ớc nh- ng khoản thu này thì nộp cho cán bộ thu ở chính quyền sở tại, khoản thu khác lại nộp cho cơ quan thuế, do đó làm cho đối t- ợng nộp không thực sự hiểu rõ ai là cơ quan quản lý việc nộp thuế nội địa vào NSNN của mình.

Dưới đây là bảng tỷ lệ thu gián tiếp và thu trực tiếp trong tổng thu thuế nội địa trong 22 năm từ năm 1990 đến 2012, có sự thay đổi về tỷ lệ thu gián tiếp và thu trực tiếp như bảng dưới:

Bảng 2.1: Tỷ lệ thu gián tiếp và thu trực tiếp trong tổng thu thuế nội địa

Đơn vị tính: %

Cơ quan	TB giai đoạn (1990-1996)	TB giai đoạn (1997-2003)	TB giai đoạn (2004-2006)	TB giai đoạn (2007-2012)
<b>Tổng số thu thuế nội địa</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>Thu trực tiếp</b>	<b>75</b>	<b>85</b>	<b>94</b>	<b>80</b>
<b>Thu gián tiếp</b>	<b>25</b>	<b>15</b>	<b>6</b>	<b>20</b>

Thu qua cơ quan Thuế	25	10	3,7	10,5
Ủy nhiệm thu phường, xã	0	5	2,3	9,5

*Nguồn:[11,24]*

### **2.1.3. Những kết quả chủ yếu**

*2.1.3.1. Các chính sách về thu thuế từng bước được đổi mới, phù hợp yêu cầu đổi mới quản lý tài chính, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Trước hết, việc ban hành Luật NSNN năm 1997 và các Luật sửa đổi, bổ sung năm 1998, 2002, hệ thống các luật thuế, hệ thống các văn bản hướng dẫn dưới luật về quản lý thu thuế nội địa vào NSNN, hệ thống các văn bản hướng dẫn phối hợp thu thuế nội địa giữa KBNN, Thuế và các NHTM (ủy nhiệm thu). NNT nộp thuế trực tiếp qua KBNN, NHTM (ủy nhiệm thu) đã tạo môi trường pháp lý cần thiết, đảm bảo việc động viên các khoản thu thuế vào NSNN, đảm bảo sự bình đẳng về nghĩa vụ nộp cho NNT. Sự phối hợp thu này làm minh bạch và lành mạnh hoá nguồn thu NSNN, tăng hiệu quả của bộ máy quản lý thu thuế nội địa và công tác chống thất thu thuế, là bước tiến mới trong quản lý NSNN nói chung, thu thuế nội địa nói riêng. Đã hình thành một hệ thống phối hợp thu thuế nội địa thống nhất, cả nước chịu sự lãnh đạo của cả trung ương và các cấp chính quyền địa phương, đảm bảo thực thi và triển khai thống nhất các luật thuế, chính sách phối hợp thu giữa các vùng, miền, địa phương. Hệ thống thuế, Kho bạc được thành lập theo ngành dọc từ trung ương đến địa phương, trở thành hệ thống quản lý thống nhất thu thuế nội địa vào NSNN, tạo ra những bước đổi mới sau:

*Thứ nhất*, KBNN, cơ quan Thuế và NHTM đã phối hợp với các cơ quan liên quan để thực hiện thành công công tác thu trực tiếp qua KBNN, NHTM (ủy nhiệm thu). Đây là cơ sở quan trọng để mọi khoản thu đ- ợc hạch toán kịp thời vào NSNN, khắc phục đ- ợc tình trạng chiếm dụng, biến thủ tiền thuế, thu để ngoài ngân sách hoặc chậm nộp vào NSNN. Đồng thời, ph- ơng thức thu



này còn tạo điều kiện giảm chi phí quản lý thu, nâng cao ý thức tự giác và thuận lợi cho NNT.

*Thứ hai*, KBNN phối hợp cơ quan Thuế, NHTM đã không ngừng mở rộng ph-ong thức thu, hiện đại hoá quy trình thu nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc tập trung các khoản thu vào NSNN.

*Thứ ba*, hệ thống KBNN luôn bảo đảm việc hạch toán thu NSNN đ-ợc chính xác, kịp thời.

*Thứ tư*, nhiệm vụ của các tổ chức và cá nhân trong công tác tập trung, quản lý thu thuế nội địa vào NSNN ngày càng đ-ợc phân định rõ ràng hơn; quan hệ phối hợp công tác giữa các cơ quan Thuế -NHTM - KBNN ngày càng chặt chẽ và hiệu quả hơn.

*Thứ năm*, hệ thống KBNN, cơ quan Thuế, NHTM đã ứng dụng thành tựu của CNTT vào quản lý. Do sử dụng thống nhất một cơ sở dữ liệu thông qua mã số NNT và KBNN, NHTM kết nối đ-ờng truyền thông tin với cơ quan thuế đã khai thác sử dụng toàn bộ dữ liệu số thuế đã thu nên đã giảm bớt một khối l-ợng lớn công việc cập nhật thông tin trùng lặp mà tr-ớc đây cả 2 cơ quan đều phải thực hiện.

Bảng 2.2 Kết quả thu theo phương thức thu

Đơn vị tính: %

Cơ quan	TB giai đoạn (1990-1996)	TB giai đoạn (1997-2003)	TB giai đoạn (2004-2006)	TB giai đoạn (2007-2012)
QUA KBNN	75	85,5	94	45,3
QUA NHTM (ủy nhiệm thu)	0	0	0	44
QUA CQ THUẾ	25	14,5	6	10,7

Nguồn: [11,24]

Nh- vậy, điều dễ thấy nhất qua số liệu trên là các khoản thu đ-ợc tập trung trực tiếp qua KBNN, NHTM (ủy nhiệm thu) ngày càng chiếm tỷ trọng lớn, phản ánh tính kịp thời của việc tập trung các khoản thu vào quỹ NSNN. Theo các giai

đoạn khác nhau của cơ chế quản lý tài chính, tỷ lệ các khoản thu qua cơ quan thuế đã giảm từ 25% đến 14,5% và xuống 10,5% trong tổng thu NSNN.

### 2.1.3.2. Quy mô thu thuế nội địa không ngừng gia tăng.

Sau 16 năm thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước (1997 - 2013), tổng số thu NSNN đã tăng hơn 11 lần. Riêng 5 năm (2008 - 2012), bình quân số thu thuế nội địa tăng 390% so với những năm trước, tỷ trọng thu thuế nội địa so với GDP tăng từ 17,54 % năm 1997 lên 19,39 % năm 2012, tỷ trọng thu thuế nội địa so với GDP tăng từ 17,54 % năm 1997-2002 lên 19,39 % năm 2008-2012. Đây thực sự là quá trình tập trung NSNN một cách triệt để nhằm đáp ứng kịp thời các nhu cầu chi tiêu của NSNN, kiềm chế bội chi ngân sách, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Bảng 2.3. Quy mô thu và cơ cấu thu thuế nội địa giai đoạn 1997- 2012

Thời gian	TB giai đoạn (1997-2002)	TB giai đoạn (2003-2007)	TB giai đoạn (2008-2012)
<b>Tổng thu NSNN (tỷ đồng)</b>	<b>88.825</b>	<b>242.056</b>	<b>731.696</b>
<b>Tổng thu nội địa (Tỷ đồng)</b>	<b>74.066,67</b>	<b>115.305,40</b>	<b>450.535</b>
Thu nội địa (trừ dầu thô) (Tỷ đồng)	55.166,67	80.498,60	367.110
Thu từ dầu thô (Tỷ đồng)	18.900	34.806,80	83.425
<b>GDP (Tỷ đồng)</b>	<b>422.214</b>	<b>955.327</b>	<b>2.323.000</b>
<b>Tỷ trọng thu nội địa/GDP (%)</b>	<b>17,54</b>	<b>12,07</b>	<b>19,39</b>

*Nguồn số liệu: [3, 11, 20, 23]*

Như vậy, sau 26 năm đổi mới, mức độ viên nguồn thu thuế nội địa cho NSNN đã tăng mạnh về quy mô, góp phần tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế. Mặc dù quy mô nền kinh tế còn nhỏ nhưng nhờ tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và liên tục, môi trường pháp lý được cải thiện đã động viên hợp lý nên tiềm lực tài chính quốc gia có mức tăng trưởng khá ở thu thuế, duy trì

nhịp tăng trưởng cao theo chiều hướng bền vững. Quy mô thu thuế nội địa năm 2007-2012 tăng 608 lần so với năm 1997-2002, tăng 390 lần so với năm 2003-2006. Cơ cấu nguồn thu đã thay đổi theo chiều hướng tích cực: Nguồn thu từ nội địa đã trở thành nguồn thu lớn nhất của Ngân sách quốc gia (chiếm gần 80%), trong đó tỷ trọng thu nội địa trừ dầu tăng nhanh, nếu năm 1997-2002 mới chiếm 62,1% trong tổng thu ngân sách thì năm 2008-2012 đã tăng lên 63,7%. Trong tổng thu nội địa (không kể dầu thô và tiền sử dụng đất), nguồn thu từ các cơ sở kinh doanh chiếm tỷ trọng chủ yếu và trở thành nguồn thu quan trọng của NSNN. Giai đoạn 1997 - 2002 chiếm 66,4% thì giai đoạn 2008-2012 tăng lên 81,4%, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 40,1%/1 năm.

*2.1.3.3. Số thu thuế nội địa tăng khá đều ở các địa phương, các khu vực kinh tế trong cả nước.*

Đã có 42/64 địa phương có tốc độ tăng trưởng thu đạt mức khá, trên 20,5%, trong đó có 25/33 địa phương có tốc độ tăng trưởng thu trên 20%. Quy mô thu thuế nội địa ở hầu hết các địa phương đều được cải thiện đáng kể, số địa phương có số thu nội địa trên 500 tỷ đồng tăng từ 38/61 địa phương năm 2007 lên 42/63 địa phương năm 2012. Do quy mô thu thuế nội địa tại nhiều địa phương tăng nhanh nên ngày càng có thêm nhiều địa phương tự cân đối được thu chi trên địa bàn và có điều tiết về trung ương. Năm 2001 chỉ có 5 địa phương, năm 2012 có 30 địa phương (tăng gấp 6 lần).

Nhờ thu thuế nội địa tăng khá nên ngoài việc đảm bảo nhu cầu chi thường xuyên, Nhà nước đẩy mạnh hơn đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế- xã hội, phát triển giáo dục, văn hoá, y tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh, thực hiện xoá đói giảm nghèo, tăng thêm dự trữ quốc gia, kiềm chế lạm phát, giảm bội chi ở mức cho phép (dưới 5%GDP) là yếu tố quyết định để lành mạnh nền tài chính quốc gia.

Bảng 2.4 Thu thuế nội địa theo khu vực kinh tế

STT	Chi tiêu	2007		2008		2009		2010		2011		2012	
		Số tiền (Tỷ đồng)	Tỷ trọn g so với tổng thu NS NN (%)	Số tiền (Tỷ đồng)	Tỷ trọn g so với tổng thu NS NN (%)	Số tiền (Tỷ đồng)	Tỷ trọn g so với tổng thu NS NN (%)	Số tiền (Tỷ đồng)	Tỷ trọn g so với tổng thu NS NN (%)	Số tiền (Tỷ đồng)	Tỷ trọn g so với tổng thu NS NN (%)	Số tiền (Tỷ đồng)	Tỷ trọn g so với tổng thu NS NN (%)
1	<i>Thu từ khu vực DNNN</i>	50.180	19	71.835	22	84.049	25	112.143	25	126.418	23	155.378	27
2	<i>Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu từ nước ngoài (không kể dầu thô)</i>	32.274	12	43.953	13	50.785	15	64.915	15	77.076	14	97.748	17
3	<i>Thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh</i>	31.192	12	43.527	13	47.903	14	70.023	16	84.503	15	111.161	19
4	<i>Thu từ dầu thô</i>	78.634	30	89.603	27	61.137	18	69.179	16	110.205	20	87.000	15
5	<i>Thu khác</i>	69.347	27	80.761	24	97.375	29	129.949	29	155.734	28	130.313	22

6	Tổng thu thuế nội địa	261.627	100	329.679	100	341.249	100	446.209	100	553.936	100	581.600	100
---	-----------------------	---------	-----	---------	-----	---------	-----	---------	-----	---------	-----	---------	-----

*Nguồn số liệu: [3]*

Ngoài ra, thu thuế nội địa tăng khá đều ở các khu vực kinh tế. Chủ yếu tăng mạnh ở khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng từ 19% năm 2007 đến 27% năm 2012; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 12% năm 2007 lên 17% năm 2012 và khu vực ngoài quốc doanh từ 12% năm 2007 đến 19% năm 2012.

Như vậy, thu thuế nội địa ngày càng gia tăng. Điều này càng khẳng định tình hình thu thuế nội địa ngày càng phát triển góp phần phát triển kinh tế bền vững cho Việt Nam.

## **2.2. Thực trạng phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - Kho bạc nhà nước – Ngân hàng thương mại**

Hiện nay thực trạng phối hợp 3 cơ quan thực hiện phối hợp thu theo cơ chế thực hiện, trách nhiệm và chế độ như sau:

### **- Cơ quan Thuế:**

+ Truyền, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về mã số thuế, tên người nộp NSNN, mục lục NSNN, kỳ thuế, số thuế phải nộp của từng người nộp NSNN.

+ Tổ chức nhận chứng từ thu thuế nội địa vào NSNN từ KBNN và đối chiếu số đã thu NSNN với KBNN theo quy định tại Thông tư số 128/2008/TT-BTC và Quyết định số 1027/QĐ-BTC.

+ Quản trị cơ sở dữ liệu và ứng dụng trao đổi dữ liệu của đơn vị. Kiểm soát việc truyền, nhận dữ liệu; phát hiện và phối hợp xử lý kịp thời các lỗi truyền, nhận dữ liệu.

+ Phối hợp với NNT, KBNN và NHTM trong việc đối chiếu số liệu, đảm bảo khớp đúng về số phải thu, số đã thu thuế; đồng thời, xử lý các vấn đề sai sót liên quan đến khoản thu, nộp thuế.

+ Phối hợp với KBNN và NHTM xây dựng giải pháp và thực hiện kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu, thông tin tập trung để tổ chức phối hợp thu NSNN, đảm bảo việc kết nối, trao đổi thông tin dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị được an toàn và đúng quy định của pháp luật.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu danh mục NNT và số phải thu NSNN tại Cổng thông tin điện tử của mình để kết nối, trao đổi thông tin với NHTM phục vụ thu thuế nội địa vào NSNN; đồng thời, thường xuyên cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, dữ liệu về danh mục dùng chung, danh mục người nộp NSNN và số phải thu NSNN qua Cổng thông tin điện tử của mình để NHTM tổ chức thu và đối chiếu khớp đúng số liệu giữa các bên theo chế độ quy định.

+ Phối hợp và thống nhất với NHTM phương thức trao đổi, đối chiếu thông tin, dữ liệu về số phải thu thuế, số đã thu thuế và đảm bảo các tiêu chí về bảo mật và kỹ thuật tin học liên quan.

+ Cơ quan Thuế chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng và trình Bộ Tài chính ban hành quy chế quản lý, sử dụng và bảo mật thông tin người nộp NSNN phục vụ cho việc phối hợp thu thuế nội địa với các NHTM.

+ Có nghĩa vụ định kỳ tiếp nhận thông tin từ KBNN và NHTM cung cấp về các tổ chức, cá nhân còn nợ thuế để thực hiện các biện pháp cưỡng chế thuế.

+ Phối hợp với KBNN và NHTM tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người nộp NSNN thực hiện nộp NSNN theo quy trình mới (như thu tiền mặt tại các chi nhánh, điểm giao dịch của NHTM; thu qua thẻ ngân hàng, thu qua Internetbanking, mobilebanking, ...).

#### **- Kho bạc Nhà nước:**

+ Chủ trì phối hợp với cơ quan Thuế và NHTM xây dựng thỏa thuận và quy trình chi tiết về việc tổ chức phối hợp thu NSNN giữa KBNN, Tổng cục Thuế với các NHTM.

+ Chủ trì thống nhất với NHTM phương thức kết nối mạng truyền thông; phương thức trao đổi, đối chiếu thông tin dữ liệu về thu NSNN.

+ Nhận thông tin, dữ liệu điện tử về số đã thu tại các chi nhánh NHTM để hạch toán đầy đủ, kịp thời vào NSNN.

+ Tổ chức quản lý và lưu trữ thông tin, dữ liệu điện tử về số đã thu thuế nội địa vào NSNN nhận từ NHTM theo quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính và hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo tính an toàn, bảo mật, toàn vẹn, đầy đủ, không bị thay đổi, sai lệch trong suốt quá trình lưu trữ; lưu trữ đúng và đủ thời hạn như quy định đối với việc lưu trữ chứng từ giấy về thu NSNN; in được ra giấy và tra cứu được khi có yêu cầu.

+ Truyền/gửi đầy đủ, kịp thời thông tin về số đã thu NSNN cho cơ quan Thuế theo đúng quy định. Gửi Bảng kê chứng từ điện tử nộp thuế vào NSNN cho cơ quan Thuế làm cơ sở hạch toán.

+ Tổ chức quản trị cơ sở dữ liệu và ứng dụng trao đổi thông tin của đơn vị. Kiểm soát việc truyền, nhận dữ liệu; phát hiện và phối hợp xử lý kịp thời các lỗi truyền, nhận dữ liệu. Quản trị hệ thống quản lý thu, chi để tham gia tổ chức phối hợp thu NSNN với các NHTM.

+ Phối hợp với NNT, NHTM, cơ quan Thuế đối chiếu số liệu, đảm bảo khớp đúng về số phải thu thuế, số đã thu thuế; đồng thời, xử lý các vấn đề sai sót phát sinh liên quan đến khoản thu, nộp thuế nội địa vào NSNN.

+ Phối hợp với cơ quan Thuế và NHTM xây dựng giải pháp và thực hiện kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu, thông tin tập trung phục vụ cho công tác tổ chức phối hợp thu NSNN.

+ Chủ trì phối hợp với Tổng cục Thuế và các NHTM tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người nộp NSNN thực hiện nộp NSNN theo quy trình.

**- Ngân hàng thương mại:**

+ Đảm bảo đầy đủ các điều kiện về hệ thống thông tin, trang thiết bị, cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ đáp ứng cho hoạt động tổ chức phối hợp thu NSNN;

+ Phối hợp và thống nhất với Tổng cục Thuế và KBNN phương thức kết nối mạng truyền thông; phương thức trao đổi thông tin dữ liệu; các tiêu chí về bảo mật và kỹ thuật tin học liên quan.

+ Hướng dẫn và cung cấp dịch vụ thanh toán nhanh chóng, thuận tiện và có chất lượng cho người nộp NSNN trong việc nộp NSNN theo đúng quy định của Bộ Tài chính và Ngân hàng nhà nước.

+ Thực hiện nhập đúng và đầy đủ các thông tin trên chứng từ thu thuế nội địa vào NSNN để truyền thông tin cho cơ quan KBNN và cơ quan thu.

+ Chuyển tiền thanh toán và hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản thu NSNN vào tài khoản của KBNN mở tại chi nhánh NHTM theo đúng quy định.

Trường hợp chuyển tiền thanh toán và hạch toán không đầy đủ, kịp thời các khoản đã thu NSNN, thì NHTM phải hoàn trả các khoản thu NSNN và tiền lãi phát sinh (nếu có) cho KBNN theo chế độ quy định của Bộ tài chính và NHNN.

+ Phối hợp với KBNN để truyền/nhận đầy đủ, kịp thời thông tin, chứng từ nộp thuế nội địa vào NSNN của NNT qua NHTM theo quy định.

+ In, quản lý và lưu trữ chứng từ thu NSNN theo quy định của Nhà nước.

+ Phối hợp với KBNN, Tổng cục Thuế để nhận dữ liệu danh mục dùng chung theo quy định của Bộ Tài chính; phối hợp với KBNN, cơ quan Thuế và xây dựng giải pháp và thực hiện kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu thông tin tập trung phục vụ cho công tác tổ chức phối hợp thu thuế nội địa.



+ Chấp hành nghiêm và đầy đủ quy chế quản lý, sử dụng và bảo mật thông tin của người nộp NSNN để phục vụ phối hợp thu NSNN do Bộ Tài chính quy định.

+ Quản trị cơ sở dữ liệu và ứng dụng trao đổi thông tin của đơn vị. Kiểm soát việc truyền, nhận dữ liệu; phát hiện và phối hợp xử lý kịp thời các lỗi trong quá trình truyền nhận dữ liệu.

+ Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về số, ký hiệu tài khoản, số dư tài khoản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế thuế theo đề nghị của cơ quan Thuế, đồng thời, phối hợp với cơ quan Thuế để thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế đối với người nợ thuế.

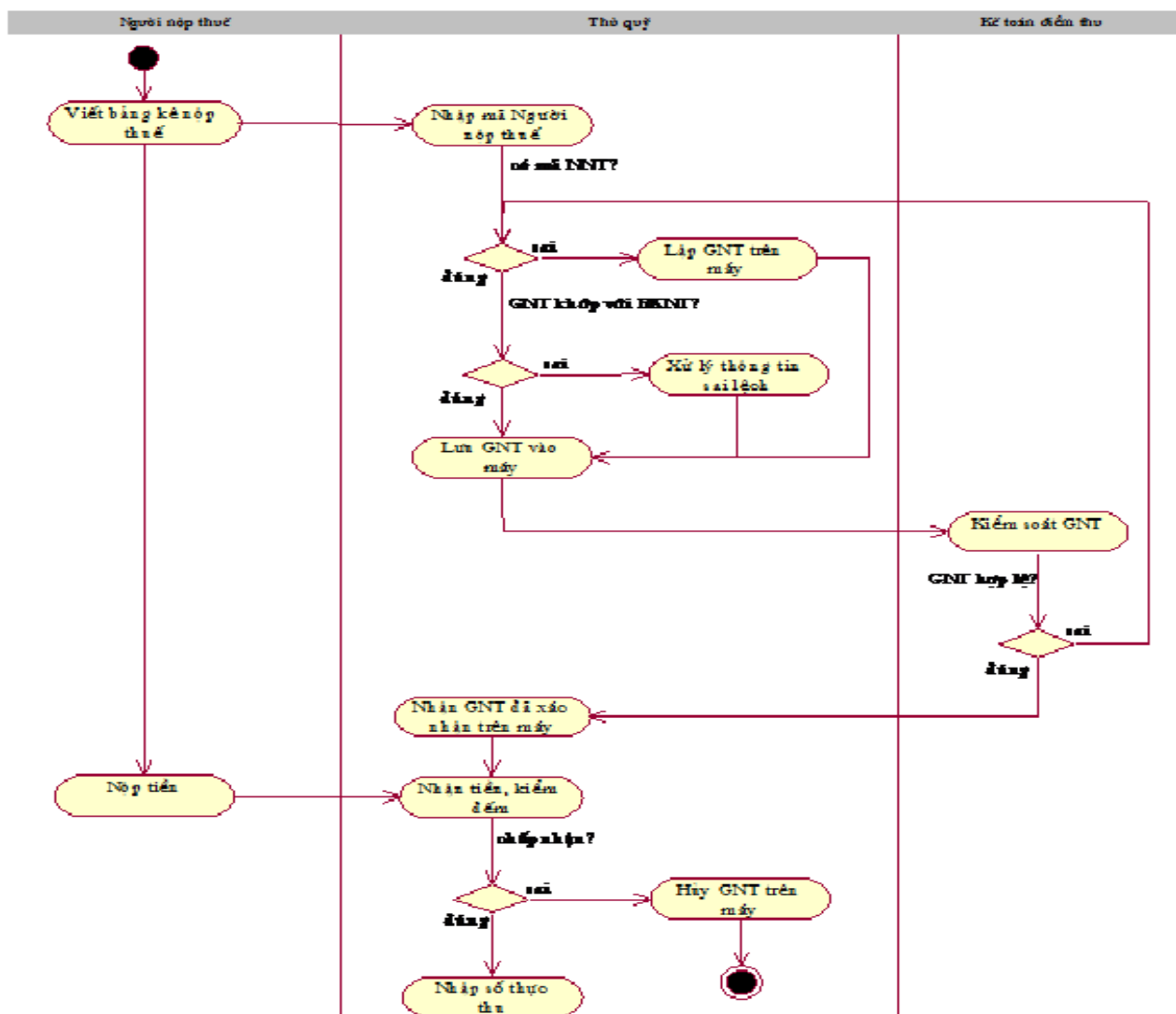
Các cơ chế thực hiện, trách nhiệm, chế độ của các bên chi tiết được thể hiện qua các nội dung phối hợp thu thuế nội địa cụ thể như sau:

### ***2.2.1. Phối hợp thu thuế nội địa bằng tiền mặt qua KBNN***

Tùy theo điều kiện cụ thể, KBNN bố trí điểm thu theo hai hình thức dưới đây.

#### ***2.2.1.1. Trường hợp thu quỹ KBNN nhận Bảng kê nộp thuế từ người nộp***

Hình 2.2. Quy trình phối hợp thu do thủ quỹ thu bằng tiền mặt qua KBNN



Nguồn: [11]

Để thực hiện phối hợp thu này, KBNN phải thực hiện 3 bước như sau:

- *Bước 1*: NNT lập Bảng kê nộp thuế theo hướng dẫn chuyển cho thủ quỹ của KBNN. Căn cứ Bảng kê nộp thuế, thủ quỹ nhập mã số thuế, kiểm tra các nội dung của Giấy nộp tiền vào NSNN trên máy tính như: mã số thuế, tên người nộp, tiền nộp, kỳ thuế, chương, nội dung kinh tế (sắc thuế)... Các thông tin này do cơ quan Thuế truyền sang theo định kỳ hoặc cuối buổi chiều hàng ngày. Trường hợp chưa có dữ liệu về NNT hoặc nội dung tiền nộp không khớp, thủ quỹ đề nghị người nộp ghi chi tiết các yếu tố trên Bảng kê nộp thuế và nhập vào chương trình máy tính. Đồng thời, thủ quỹ tổng hợp thông tin gửi cơ quan Thuế để tra soát, kiểm tra thông tin của NNT và truyền lại cho KBNN. Sau đó chuyển cho KTKB

để kiểm soát trên máy. Trường hợp thông tin hiện ra có sai khác so với NNT kê khai thì xử lý:

- Nếu số tiền NNT kê khai không giống với số tiền hiển thị trên chương trình máy tính: cán bộ Kho bạc sửa lại số tiền theo NNT đã kê khai.
- Nếu sai về mã số thuế, Mục lục ngân sách (MLNS) gồm Chương, Khoản: lấy theo thông tin cơ quan thu gửi sang.
- Nếu sai về MLNS (Tiểu mục): lấy theo kê khai của NNT vì doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về việc kê khai, nộp thuế.
- Nếu sai các thông tin khác như tên, địa chỉ,... thì lấy theo thông tin NNT kê khai trên Bảng kê nộp thuế, đồng thời hướng dẫn NNT đến cơ quan Thuế làm thủ tục bổ sung, thay đổi thông tin để lần sau được cập nhật. Cán bộ Kho bạc phải ghi lại các thông tin này và thông báo cho cơ quan thuế biết để kiểm tra, đối chiếu, bổ sung kịp thời.

Trường hợp trong CSDL không có mã số thuế và người nộp cũng không kê khai mã số thuế thì KTKB hạch toán theo mã số thuế tạm thời là 0000000017 vào chương trình máy tính để cơ quan thuế có thể xác định được các lỗi của từng chứng từ nộp thuế. Mã số thuế tạm này không hiển thị trên Giấy nộp tiền vào NSNN khi Kho bạc in ra để cấp cho NNT.

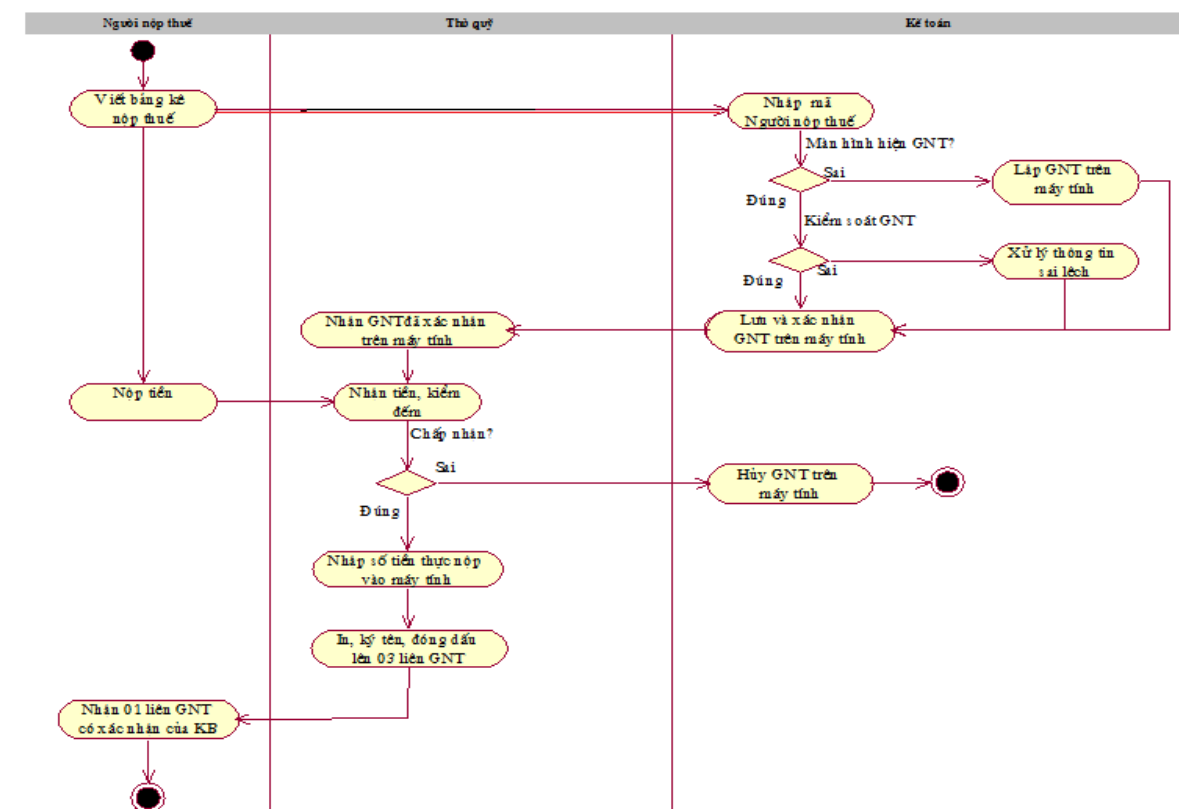
- *Bước 2:* KTKB kiểm tra các yếu tố của Giấy nộp tiền vào NSNN trên máy tính do thủ quỹ nhập như mã số thuế, tên người nộp, tiền nộp, kỳ thuế, chương, sắc thuế... đảm bảo khớp đúng thì phê duyệt, chuyển thủ quỹ để in Giấy nộp tiền vào NSNN. Thủ quỹ thu tiền từ người nộp, ghi sổ quỹ; in 2 liên Giấy nộp tiền vào NSNN từ chương trình máy tính, ký tên và đóng dấu “đã thu tiền”, dấu “KTKB” vào liên 2 của Giấy nộp tiền vào NSNN, chuyển trả cho người nộp 01 liên và chuyển cho Kế toán 01 liên để làm chứng từ hạch toán thu NSNN và lưu cùng với Bảng kê nộp thuế;

- *Bước 3:* **Cuối ngày hoặc chậm nhất vào sáng ngày hôm sau**, kế toán tổng hợp truyền dữ liệu vào hệ thống CSDL thu, nộp thuế; đồng thời **gửi bảng liệt kê chứng từ nộp thuế gắn chữ ký số cho cơ quan thuế** trực tiếp quản lý NNT để

làm căn cứ theo dõi tình hình thu nộp thuế của NNT và đối chiếu với KBNN ngang cấp.

2.2.1.2. Trường hợp KTKB nhận Bảng kê nộp thuế từ người nộp:

Hình 2.3. Quy trình phối hợp thu do kế toán thu bằng tiền mặt qua KBNN



Nguồn: [11]

Để thực hiện phối hợp thu này, KBNN phải thực hiện 3 bước như sau:

- *Bước 1:* NNT lập **Bảng kê nộp thuế** theo hướng dẫn chuyển cho kế toán thu của KBNN. *Bước 2:* Kế toán nhập mã số thuế, kiểm tra các nội dung của Giấy nộp tiền vào NSNN trên máy tính như: mã số thuế, tên người nộp, số tiền nộp, kỳ thuế, chương, sắc thuế... Trường hợp chưa có dữ liệu về NNT hoặc nội dung tiền nộp không khớp, kế toán đề nghị NNT ghi chi tiết các yếu tố trên Bảng kê nộp thuế và nhập vào chương trình máy tính. Nếu có sự khác nhau giữa thông tin do NNT kê khai trên Bảng kê nộp thuế với thông tin trên chương trình máy tính hoặc NNT kê khai thiếu thông tin thì thực hiện kiểm tra các thông tin theo nguyên tắc kiểm tra tại bước 2 của trường hợp thủ quỹ

KBNN nhận Bảng kê nộp thuế.

- *Bước 2:* Kế toán thu in 2 liên **Giấy nộp tiền vào NSNN** từ chương trình máy tính; chuyển cho thủ quỹ và thông báo cho người nộp tiền đến thủ quỹ để nộp tiền. *Bước 4:* Thủ quỹ căn cứ Giấy nộp tiền vào NSNN do kế toán chuyển đến để thu tiền từ người nộp, ghi sổ quỹ, đóng dấu “Đã thu tiền” trên Giấy nộp tiền vào NSNN và chuyển cho kế toán ký tên, đóng dấu trên chứng từ, trả liên 2 cho NNT. Kế toán dùng liên 1 để hạch toán thu NSNN và lưu cùng với Bảng kê nộp thuế;

- *Bước 3:* **Cuối ngày hoặc chậm nhất vào sáng ngày hôm sau**, kế toán tổng hợp truyền dữ liệu vào hệ thống CSDL thu, nộp thuế; đồng thời **gửi bảng liệt kê chứng từ nộp thuế gắn chữ ký số cho cơ quan thuế** trực tiếp quản lý NNT để làm căn cứ theo dõi tình hình thu nộp thuế của NNT và đối chiếu với KBNN ngang cấp.

### **2.2.2. Phối hợp thu thuế nội địa bằng tiền mặt qua Ngân hàng thương mại.**

#### **2.2.2.1. Tại chi nhánh NHTM nơi KBNN có tài khoản (tài khoản tiền gửi hoặc tài khoản chuyên thu)**

Tính đến 12/ 2013, có 4 ngân hàng được KBNN mở tài khoản chuyên thu, tài khoản tiền gửi gồm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (tên tắt bằng tiếng Anh là **BIDV**), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (tên tắt bằng tiếng Anh là **Vietcombank**), Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam (tên tắt bằng tiếng Anh là **VietinBank**) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (tên tắt bằng tiếng Anh là **Agribank**).

Để thực hiện phối hợp thu này, NHTM cần thực hiện 2 bước sau:

-*Bước 1:* Căn cứ **Bảng kê nộp thuế của NNT** nội địa gửi đến, **cán bộ thu thuế nội địa** của chi nhánh NHTM vào chương trình thu NSNN **nhập đầy đủ các thông tin** như: mã số thuế, tên người nộp, số tiền nộp, kỳ thuế, chương, sắc thuế... Trường hợp chưa có dữ liệu về NNT hoặc nội dung tiền nộp không khớp, kế toán đề nghị NNT ghi chi tiết các yếu tố trên Bảng kê

nộp thuế và nhập vào ứng dụng tin học. Nếu có sự khác nhau giữa thông tin do NNT kê khai trên Bảng kê nộp thuế với thông tin trên chương trình máy tính hoặc NNT kê khai thiếu thông tin thì thực hiện kiểm tra các thông tin theo nguyên tắc kiểm tra tại bước 2 của trường hợp thủ quỹ KBNN nhận Bảng kê nộp thuế. **Cán bộ thu NSNN làm thủ tục thu tiền mặt từ NNT hoặc trích tài khoản của NNT để chuyển vào tài khoản của KBNN mở tại chi nhánh NHTM.** Sau đó, in 02 liên Giấy nộp tiền vào, ký, đóng dấu lên các liên chứng từ và xử lý: lưu 01 liên tại chi nhánh NHTM để làm chứng từ hạch toán; 01 liên trả cho NNT.

**-Bước 2: Cuối ngày, chi nhánh NHTM kết xuất và truyền dẫn đầy đủ dữ liệu về số đã thu NSNN qua NHTM cho KBNN;** đồng thời, in 02 liên Bảng liệt kê các giấy nộp tiền (thuế nội địa) vào NSNN: 01 liên chuyển KBNN làm chứng từ hạch toán; 01 liên lưu tại chi nhánh NHTM làm cơ sở đối chiếu cuối ngày theo quy định.

*2.2.2.2. Tại chi nhánh NHTM thuộc hệ thống NHTM có tham gia phối hợp thu NSNN, song KBNN không mở tài khoản tại chi nhánh NHTM đó*

**Căn cứ Bảng kê nộp thuế của NNT gửi đến, cán bộ thu thuế nội địa của chi nhánh NHTM nhập đầy đủ các thông tin** trên Bảng kê nộp thuế vào chương trình thu NSNN như: mã số thuế, tên người nộp, số tiền nộp, kỳ thuế, chương, sắc thuế... Trường hợp chưa có dữ liệu về NNT hoặc nội dung tiền nộp không khớp, kế toán đề nghị NNT ghi chi tiết các yếu tố trên Bảng kê nộp thuế và chương trình máy tính. Nếu có sự khác nhau giữa thông tin do NNT kê khai trên Bảng kê nộp thuế với thông tin trên chương trình máy tính hoặc NNT kê khai thiếu thông tin thì thực hiện kiểm tra các thông tin theo nguyên tắc kiểm tra tại bước 2 của trường hợp thủ quỹ KBNN nhận Bảng kê nộp thuế. **Cán bộ thu thuế nội địa từ NNT và làm thủ tục trích tài khoản của người nộp NSNN để chuyển vào tài khoản của KBNN** ghi trên Bảng kê nộp thuế. Sau đó, in 02 liên Giấy nộp tiền vào NSNN ký, đóng dấu lên các liên chứng từ và xử lý: lưu 01 liên tại chi nhánh NHTM để làm chứng từ hạch

toán; 01 liên trả cho NNT.

### 2.2.2.3. Thu NSNN qua máy rút tiền tự động (ATM)

Hình thức phối hợp thu này, tất cả NHTM tham gia phối hợp thu thuế nội địa với KBNN, cơ quan thuế đều được thực hiện. Tính đến 12/2013, chỉ có Ngân hàng Vietinbank thực hiện và đang thí điểm ở Quận 1, Quận 4 – thành phố Hồ Chí Minh.

- **Nguyên tắc:** Chỉ triển khai dịch vụ thu thuế nội địa qua thẻ ngân hàng tại những địa bàn mà KBNN và cơ quan Thuế đã tổ chức phối hợp thu NSNN với chi nhánh NHTM nơi quản lý các máy ATM đó.

- Các bước thực hiện:

+ **Bước 1:** NNT đến máy rút tiền tự động sử dụng thẻ ngân hàng để thực hiện **nộp thuế** cho mình hoặc nộp hộ thuế nội địa vào NSNN theo hướng dẫn của máy ATM. Nếu nộp hộ, NNT phải tự nhập thông tin nội dung nộp, số tiền nộp trên màn hình ATM (do màn hình ATM không hiển thị các thông tin về số tiền nộp của mã số thuế đó để bảo mật thông tin của NNT chính). **Máy ATM in biên lai** thông tin số tiền đã nộp **cho NNT** như: mã số thuế, tên người nộp thuế, số tài khoản thẻ ngân hàng, thời điểm thực hiện nộp NSNN; tổng số tiền nộp thuế vào NSNN, chi tiết theo từng nội dung nộp thuế; tên chi nhánh NHTM quản lý máy ATM, số máy ATM nơi giao dịch. **Trường hợp NNT có yêu cầu in chứng từ phục hồi**, NNT đến các điểm giao dịch của chi nhánh NHTM để đề nghị in chứng từ phục hồi. **Cán bộ** thu thuế của **chi nhánh NHTM in 01 liên Giấy nộp tiền vào NSNN** chuyển đổi từ chứng từ điện tử, ký, đóng dấu lên chứng từ và gửi NNT.

+ **Bước 2:** Cuối ngày, **chi nhánh NHTM** (nơi quản lý máy ATM và KBNN có tài khoản chuyên thu, tài khoản tiền gửi) mà NNT đã thực hiện nộp tiền có trách nhiệm **kết xuất và truyền đầy đủ dữ liệu** về số thuế đã nộp của NNT cho KBNN. Đồng thời, **in 02 liên Bảng liệt kê các giấy nộp tiền (thuế nội địa) vào NSNN: 01 liên chuyển KBNN** làm chứng từ hạch toán; **01 liên lưu tại chi nhánh NHTM** làm cơ sở đối chiếu cuối ngày theo quy định.

#### 2.2.2.4. Dịch vụ ủy nhiệm thu NSNN không chờ chấp thuận và dịch vụ nộp NSNN qua mạng internet

Hình thức phối hợp thu này, tất cả NHTM tham gia phối hợp thu thuế nội địa với KBNN, cơ quan thuế đều được thực hiện. Tính đến 12/2013, có Ngân hàng Agribank và Ngân hàng Vietcombank đã thực hiện nộp thuế qua mạng internet, chưa có NHTM nào triển khai dịch vụ ủy nhiệm thu NSNN không chờ chấp thuận do NNT chưa đăng ký dịch vụ này.

- *Nguyên tắc:*

+ NNT có tài khoản tại chi nhánh NHTM tự nguyện đăng ký sử dụng dịch vụ ủy nhiệm thu không chờ chấp thuận (NHTM được tự động trích tài khoản của NNT để nộp NSNN khi đến hạn) hoặc dịch vụ nộp thuế nội địa qua mạng internet với NHTM.

+ NHTM có phần mềm ứng dụng về thu NSNN qua mạng internet và các giải pháp kỹ thuật cần thiết, đảm bảo tính đầy đủ, kịp thời, chính xác, an toàn và bảo mật trong suốt quá trình thanh toán qua mạng internet về thu NSNN; đồng thời, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu của NNT.

- Các bước thực hiện gồm 2 bước sau:

+ **Bước 1:** NNT sử dụng phần mềm ứng dụng về thu NSNN qua mạng internet của NHTM có tài khoản của mình để thực hiện **nộp thuế** cho mình theo hướng dẫn của phần mềm. **Hoặc NHTM tự động trích tài khoản của NNT để nộp thuế nội địa vào NSNN** khi đến hạn nếu NNT đăng ký dịch vụ ủy nhiệm thu không chờ chấp thuận.

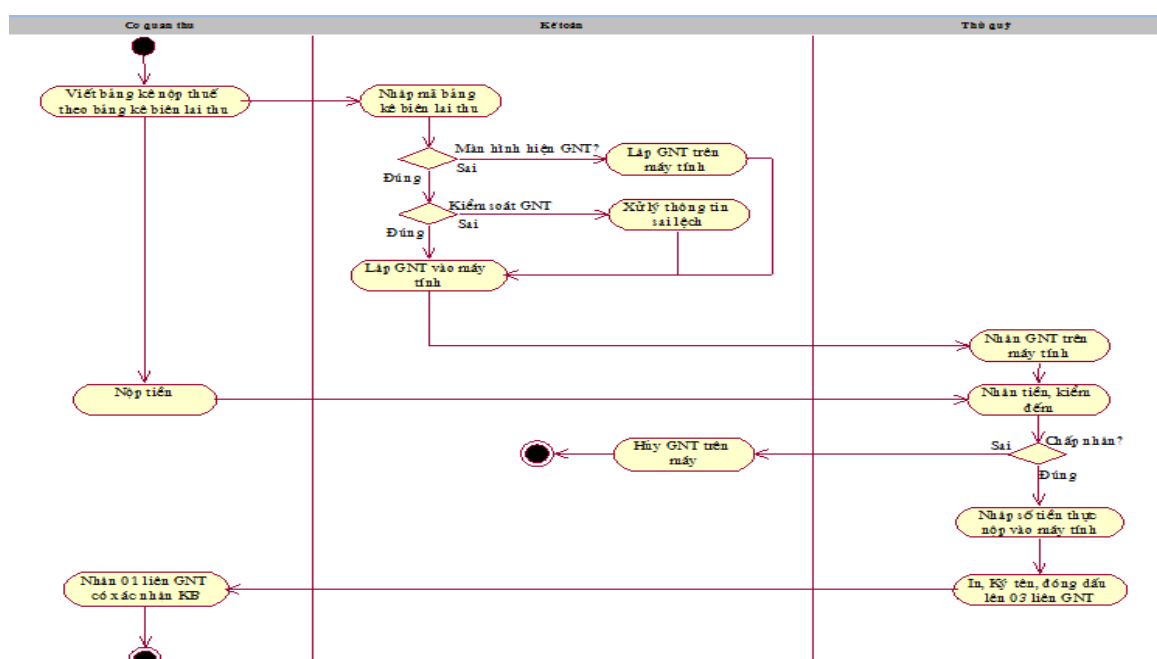
+ **Bước 2:** Phần mềm thu NSNN của NHTM hiển thị biên lai hoặc gửi email, tin nhắn cho NNT về thông tin số tiền đã nộp **cho NNT** như: mã số thuế, tên người nộp thuế, số tài khoản thẻ ngân hàng, thời điểm thực hiện nộp NSNN; tổng số tiền nộp thuế vào NSNN, chi tiết theo từng nội dung nộp thuế; tên chi nhánh NHTM. **Trường hợp NNT có yêu cầu in chứng từ phục hồi**, NNT đến các điểm giao dịch của chi nhánh NHTM để đề nghị in chứng từ phục hồi. **Cán bộ** thu thuế của **chi nhánh NHTM in 01 liên Giấy nộp tiền vào NSNN** chuyển đổi từ chứng từ điện tử, ký, đóng dấu lên chứng từ và gửi NNT. Cuối ngày, **chi**



**nhánh NHTM** (nơi KBNN có tài khoản chuyên thu, tài khoản tiền gửi) mà NNT đã thực hiện nộp tiền có trách nhiệm **kết xuất và truyền đầy đủ dữ liệu** về số thuế đã nộp của NNT cho KBNN. Đồng thời, **in 02 liên Bảng liệt kê các giấy nộp tiền (thuế nội địa)** vào NSNN: **01 liên chuyển KBNN** làm chứng từ hạch toán; **01 liên lưu tại chi nhánh NHTM** làm cơ sở đối chiếu cuối ngày theo quy định.

### 2.2.3. Phối hợp thu thuế nội địa bằng tiền mặt qua cơ quan Thuế

Hình 2.4. Quy trình phối hợp thu thuế nội địa bằng tiền mặt qua cơ quan Thuế



Nguồn: [11]

Cơ quan Thuế khi thu tiền mặt trực tiếp từ người nộp phải sử dụng biên lai. Sau đó nộp toàn bộ số tiền đã thu vào KBNN nên gồm 2 quy trình chi tiết sau:

#### 2.2.3.1. Quy trình thu tại cơ quan thuế

Khi thu tiền từ người nộp, cơ quan thu phải chuyển trả 1 liên biên lai thu cho người nộp, cụ thể đối với từng loại biên lai thu như sau:

- **Đối với biên lai thu không in mệnh giá:** Cơ quan thu dùng biên lai thu không in mệnh giá để trực tiếp thu tiền từ NNT. Khi NNT đến nộp tiền, cán bộ thuế thực hiện thu tiền, viết 3 liên biên lai: 1 liên lưu tại cơ quan thuế, 1

liên trả lại người nộp, 1 liên lưu cuống để quyết toán biên lai.

- **Đối với biên lai thu in từ chương trình máy tính:** Biên lai thu in từ chương trình máy tính được sử dụng cho các cơ quan thu được cấp có thẩm quyền cho phép dùng chương trình phần mềm để quản lý việc thu, nộp tiền bằng biên lai, in biên lai, in bảng kê biên lai thay cho việc quản lý trên sổ và viết tay trên các liên biên lai.

Cơ quan Thuế thực hiện như sau: Khi NNT đến nộp tiền, cán bộ thuế thực hiện thu tiền và nhập dữ liệu vào chương trình máy tính. Cán bộ thuế in 2 liên biên lai: 1 liên lưu và 1 liên trả cho NNT.

#### 2.2.3.2. Quy trình nộp tiền vào KBNN

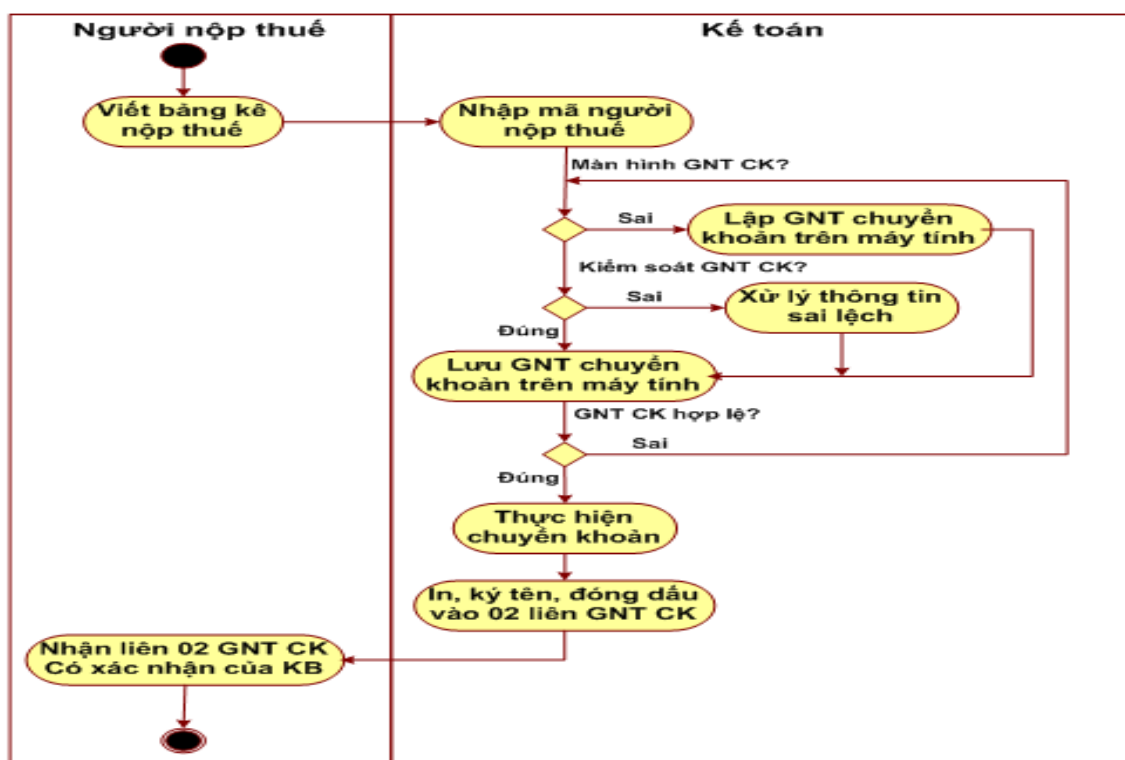
Cán bộ thuế phối hợp với KBNN, NHTM thực hiện quy trình này như sau:

- Cuối ngày hoặc định kỳ, cơ quan thuế lập Bảng kê biên lai (tổng hợp của các biên lai đã thu của NNT) và lập Bảng kê nộp thuế căn cứ trên Bảng kê biên lai thu và nộp toàn bộ số tiền đã thu vào KBNN hoặc NHTM ủy nhiệm thu. **Cán bộ thu của KBNN hoặc NHTM** ủy nhiệm thu làm thủ tục thu tiền, **nhập đầy đủ thông tin** về mã số cơ quan thuế, tên cơ quan thuế, nội dung từng khoản nộp,... để hạch toán thu NSNN và **in 2 liên giấy nộp tiền**: 01 liên trả lại cán bộ thuế, 01 liên lưu tại KBNN hoặc NHTM ủy nhiệm thu.

- Định kỳ, **cơ quan thuế thực hiện quyết toán biên lai thu** (đối với biên lai không in mệnh giá) với bộ phận cấp biên lai, đảm bảo khớp đúng giữa số biên lai đã sử dụng, số biên lai huỷ, số còn lại chưa sử dụng, số tiền đã thu và nộp vào NSNN, đối chiếu giữa bảng kê biên lai và các liên giấy nộp tiền vào NSNN.

#### 2.2.4. Phối hợp thu thuế nội địa bằng chuyển khoản qua KBNN

Hình 2.5. Quy trình phối hợp thu thuế nội địa bằng chuyển khoản qua KBNN



Nguồn: [11]

Để thực hiện phối hợp thu này, các cơ quan thực hiện qua 2 bước:

- *Bước 1*: NNT lập bảng kê nộp thuế chuyển cho kế toán của KBNN nơi mở tài khoản. Căn cứ Bảng kê nộp thuế, kế toán nhập mã số thuế, kiểm tra các nội dung của Giấy nộp tiền vào NSNN trên máy tính như: mã số thuế, tên người nộp, tiền nộp, kỳ thuế, chương, nội dung kinh tế (sắc thuế), KBNN nơi KBNN nhận tiền thuế... Các thông tin này do cơ quan Thuế truyền sang theo định kỳ hoặc cuối buổi chiều hàng ngày. Trường hợp chưa có dữ liệu về NNT hoặc nội dung tiền nộp không khớp, kế toán đề nghị người nộp ghi chi tiết các yếu tố trên Bảng kê nộp thuế và nhập vào chương trình thu NSNN. **Đồng thời**, kiểm soát trên máy. Trường hợp thông tin hiện ra có sai khác so với NNT kê khai thì xử lý như Bước 1 của Phối hợp thu thuế nội địa bằng tiền mặt qua KBNN.

- *Bước 2*: Kế toán thực hiện chuyển khoản, đồng thời in 2 liên giấy nộp tiền vào NSNN bằng chuyển khoản; chuyển các liên chứng từ cho Kế toán trưởng ký và đóng dấu “Kế toán KBNN” trên các liên giấy nộp tiền và xử lý

các liên giấy nộp tiền:Liên 1: Làm chứng từ ghi nợ tài khoản tiền gửi của NNT, đồng thời hạch toán thu NSNN;Liên 2: Kế toán thu gửi cho NNT. Cuối ngày hoặc định, kế toán truyền dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu thu, nộp thuế; đồng thời **gửi bảng liệt kê chứng từ nộp thuế gắn chữ ký số cho cơ quan thuế** trực tiếp quản lý NNT để làm căn cứ theo dõi tình hình thu nộp thuế của NNT và đối chiếu với KBNN ngang cấp.

#### ***2.2.5. Phối hợp thu thuế nội địa bằng chuyển khoản qua Ngân hàng thương mại***

Thực hiện tương tự như Phối hợp thu thuế nội địa bằng chuyển khoản qua KBNN. Cuối ngày, chi nhánh NHTM kết xuất và truyền dẫn đầy đủ dữ liệu về số đã thu NSNN qua NHTM cho KBNN; đồng thời, in 02 liên Bảng liệt kê các giấy nộp tiền (thuế nội địa) vào NSNN: 01 liên chuyển KBNN làm chứng từ hạch toán; 01 liên lưu tại chi nhánh NHTM làm cơ sở đối chiếu cuối ngày theo quy định.

#### ***2.2.6. Trao đổi số liệu, kiểm tra, đối chiếu thông tin trong thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại***

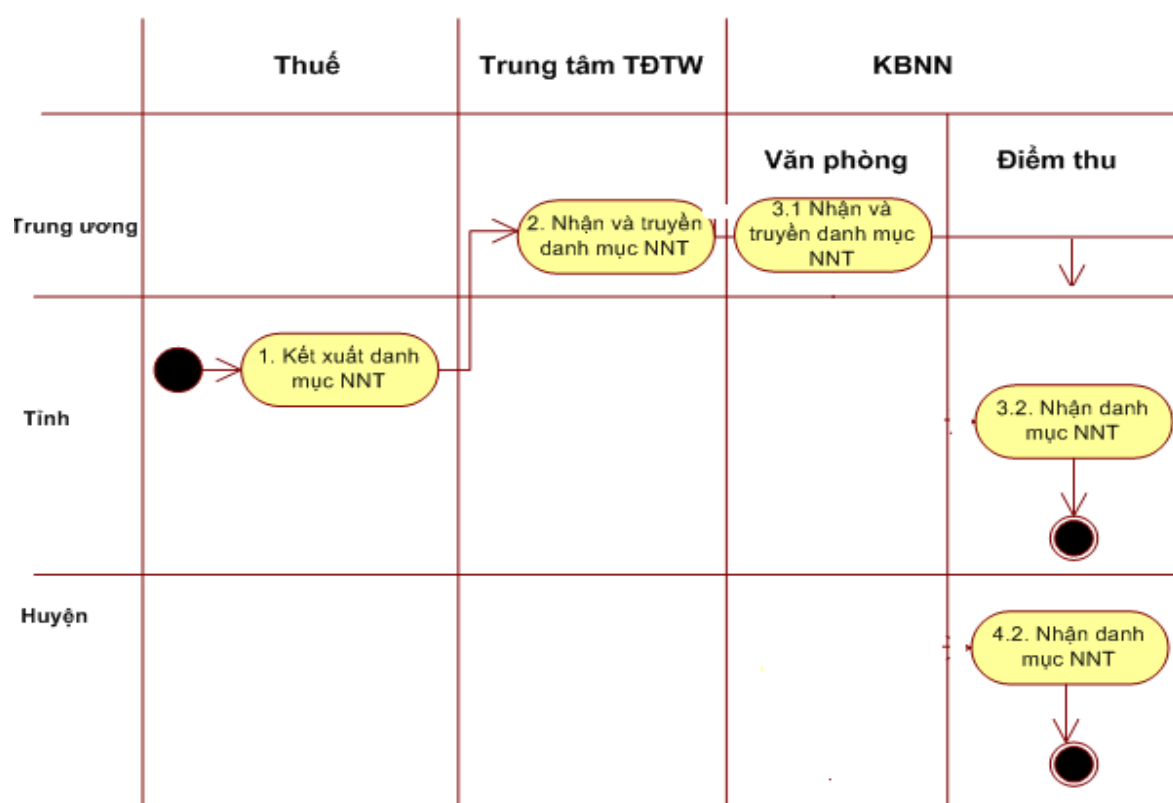
Định kỳ, cơ quan thuế và KBNN có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, đối chiếu tình hình thu nộp thuế nội địa; phát hiện kịp thời các trường hợp chậm nộp, nợ đọng thuế để có biện pháp đôn đốc, xử lý theo chế độ quy định.

Định kỳ, theo thoả thuận với cơ quan thuế, KBNN lập bảng tổng hợp thu NSNN, chi tiết theo từng cơ quan thu, mục lục NSNN, số phân chia cho ngân sách các cấp, gửi cơ quan thuế để đối chiếu, kiểm tra và theo dõi quản lý. Trong quá trình kiểm tra, đối chiếu thu NSNN, nếu có sai sót thì cơ quan thuế gửi văn bản đề nghị điều chỉnh. Tất cả các trường hợp điều chỉnh, KBNN phải lập chứng từ để làm căn cứ hạch toán điều chỉnh. Hết năm ngân sách, KBNN, cơ quan thuế chính lý quyết toán thu NSNN. Các trường hợp vi phạm chế độ quy định về thu nộp NSNN như: kê khai, tính thuế sai; che dấu nguồn thu; trì hoãn hoặc không nộp đầy đủ khoản phải nộp NSNN; thu sai chế độ quy định; miễn giảm không đúng thẩm quyền; chiếm dụng, giữ lại nguồn thu

của NSNN sai chế độ; hạch toán sai chế độ kế toán thống kê, không đúng mục lục NSNN, phân chia sai nguồn thu và tỷ lệ phân chia giữa ngân sách các cấp; sử dụng hoá đơn, chứng từ không hợp pháp,... đều là những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách. Căn cứ vào tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Cụ thể gồm các quy trình sau:

### 2.2.6.1. Quy trình trao đổi danh mục NNT (danh sách NNT)

Hình 2.6. Quy trình trao đổi danh mục NNT



Nguồn: [11]

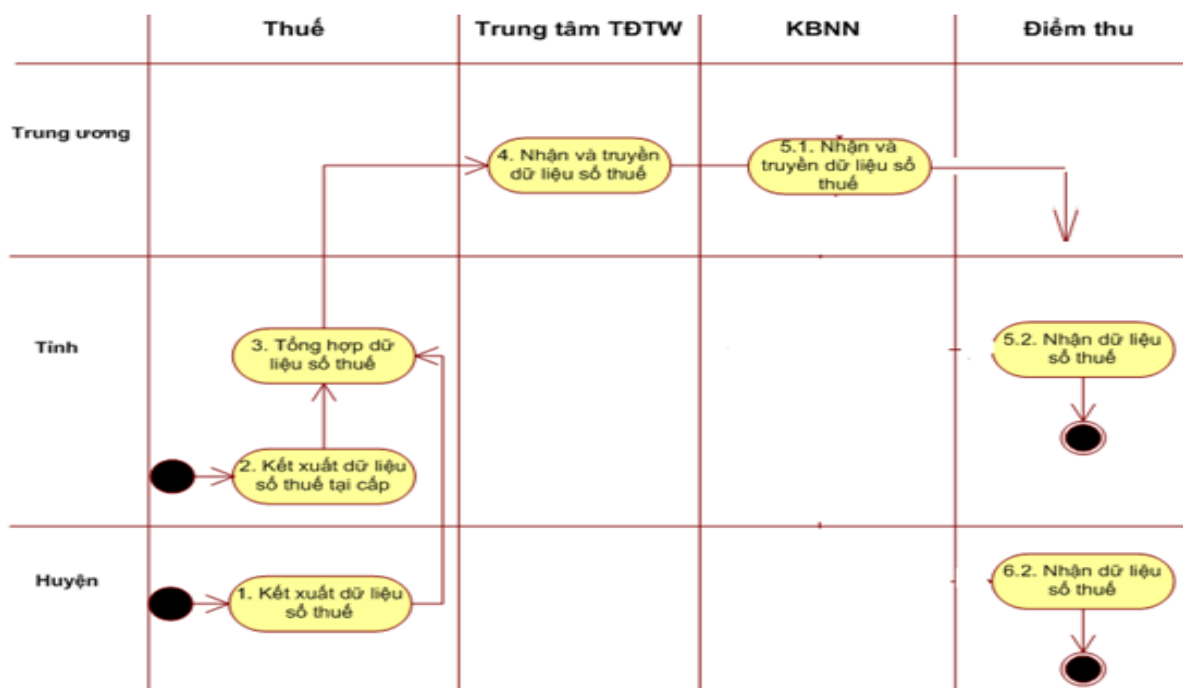
Các cơ quan thực hiện quy trình này như sau:

- Cục Thuế tổng hợp toàn bộ danh sách NNT trên toàn địa bàn tỉnh và những thay đổi (khi có phát sinh) gửi lên Tổng cục Thuế. Tổng cục Thuế gửi danh sách NNT cho Trung tâm trao đổi trung ương để nhận toàn bộ dữ liệu về NNT do Cục Thuế truyền lên, đồng thời gửi cho KBNN trung ương.

- KBNN TW nhận dữ liệu NNT vào chương trình thu NSNN, đồng thời truyền dữ liệu cho điểm thu tại KBNN tỉnh và KBNN huyện để điểm thu nhận dữ liệu NNT vào chương trình và truyền cho trụ sở chính của NHTM ủy nhiệm thu để nhận dữ liệu NNT vào chương trình thu NSNN, truyền dữ liệu cho các chi nhánh tương ứng với cấp tỉnh/thành phố, quận/huyện với KBNN, cơ quan Thuế. Chi nhánh NHTM tỉnh/thành phố, quận/huyện nhận dữ liệu NNT vào chương trình thu NSNN.

### 2.2.6.2. Quy trình trao đổi số thuế nội địa phải nộp

Hình 2.7. Quy trình trao đổi số thuế nội địa phải nộp



Nguồn: [10]

Các cơ quan thực hiện quy trình này như sau:

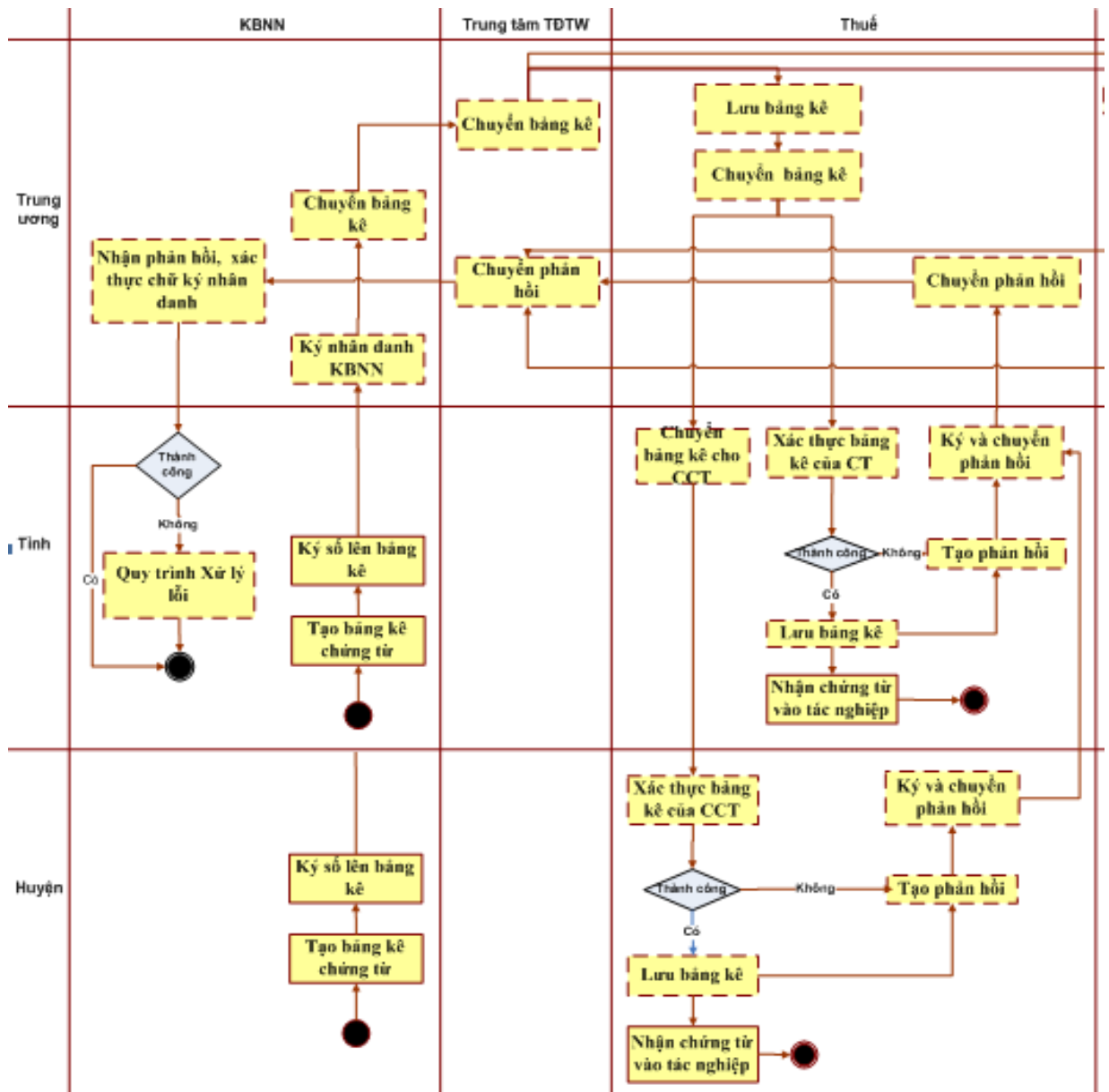
- Định kỳ vào ngày 11 và ngày 21 hàng tháng hoặc khi có phát sinh, thay đổi, Chi cục Thuế tổng hợp toàn bộ danh sách số thuế phải nộp của NNT chi tiết theo từng kỳ thuế, MLNS, số tiền gửi lên Cục Thuế để tổng hợp danh sách số thuế phải nộp của NNT do Cục Thuế quản lý chi tiết theo từng kỳ thuế, MLNS, số tiền. Cục Thuế tổng hợp

truyền lên Tổng cục Thuế. Tổng cục Thuế gửi số thuế phải nộp của Cục Thuế, Chi cục Thuế cho Trung tâm trao đổi trung ương.

- Trung tâm trao đổi trung ương nhận dữ liệu số thuế phải nộp do Cục Thuế truyền lên và truyền cho KBNN TW. KBNN TW nhận dữ liệu số thuế phải nộp theo từng địa bàn vào chương trình thu NSNN của KBNN, đồng thời truyền dữ liệu số thuế phải nộp cho điểm thu KBNN tỉnh và KBNN huyện, NHTM ủy nhiệm thu để nhận số thuế phải nộp và truyền cho chi nhánh NHTM ngang cấp với KBNN, Cơ quan thuế cấp tỉnh/thành phố, quận/huyện. Chi nhánh ngân hàng tỉnh/thành phố, quận/huyện nhận dữ liệu số thuế phải nộp vào chương trình thu NSNN.

#### *2.2.6.3. Quy trình trao đổi bản kê chứng từ thu thuế nội địa*

Hình 2.8. Quy trình trao đổi bản kê chứng từ thu thuế nội địa



Nguồn: [10]

3 cơ quan thực hiện quy trình này như sau:

- Kết thúc ngày làm việc, sau khi đã khóa sổ trên chương trình thu NSNN, kế toán trưởng của KBNN tỉnh, huyện kiểm tra và ký bảng kê chứng từ điện tử, gửi cơ quan Thuế tất cả các chứng từ thu và hoàn thu thuế nội địa. Đồng thời, thực hiện lưu dữ liệu gốc của bảng kê chứng từ điện tử gắn chữ ký số nguyên vẹn tại hệ thống của KBNN tỉnh, huyện theo quy định hiện hành. Cán bộ KBNN thực hiện ký nhân danh KBNN TW lên bảng kê chứng từ điện tử và chuyển bảng kê chứng từ điện tử lên Trung tâm trao đổi thông tin



trung ương(TTTĐ TW) để gửi bảng kê gắn chữ ký số cho Tổng cục Thuế. Đồng thời, gửi phản hồi cho KBNN.

- Chương trình nhận chứng từ thu thuế của Tổng cục Thuế lưu dữ liệu gốc của bảng kê chứng từ điện tử gắn chữ ký số nguyên vẹn với thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành, gửi phản hồi cho TTTĐ TW. Đồng thời, chuyển bảng kê chứng từ điện tử gắn chữ ký số về các Cục Thuế tương ứng. Chương trình nhận chứng từ thu thuế của Cục Thuế nhận bảng kê chứng từ điện tử gắn chữ ký số từ Tổng cục Thuế, gửi phản hồi cho Tổng cục Thuế. Đồng thời, gửi bảng kê của Chi cục cho Chi cục Thuế tương ứng. Chương trình nhận chứng từ thu thuế của Chi cục Thuế nhận bảng kê chứng từ điện tử gắn chữ ký số từ Cục Thuế và gửi phản hồi cho Cục Thuế.

### **2.3. Đánh giá phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - Kho bạc nhà nước – Ngân hàng thương mại**

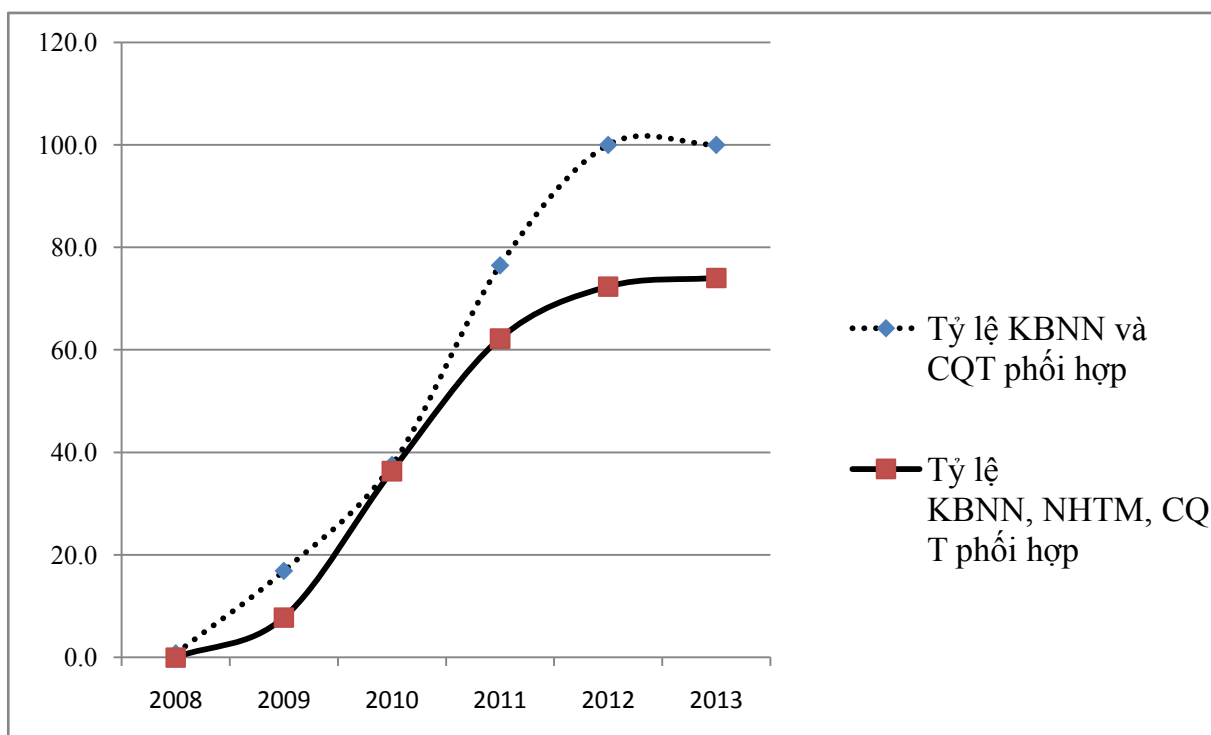
#### ***2.3.1. Những kết quả đạt được trong phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - Kho bạc nhà nước – Ngân hàng thương mại***

*2.3.1.1. Xây dựng cơ chế trao đổi thông tin, phối hợp thu thuế nội địa giữa hệ thống của cơ quan Thuế - KBNN – NHTM ủy nhiệm*

Bảng 2.5 Tỷ lệ phối hợp thu

<b>Đơn vị tính: %</b>						
<b>Năm</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>
<b>Tỷ lệ KBNN và cơ quan thuế phối hợp thu</b>	0,8	16,9	37,5	76,5	100	100
<b>Tỷ lệ KBNN, cơ quan Thuế, NHTM phối hợp thu</b>	0,0	7,8	36,4	62,2	72,3	74,0

Hình 2.9 Biểu đồ tỷ lệ phối hợp thu thuế



*Nguồn: [11]*

Từ tháng 5 năm 2008, Cơ quan Thuế, KBNN và Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã xây dựng cơ chế trao đổi thông tin, phối hợp thu thuế nội địa ở quận Hồng Bàng, Ngô Quyền – thành phố Hải Phòng. Tiếp theo đó các Ngân hàng khác tham gia, đến hết 12/2013 đã có 11 ngân hàng tham gia phối hợp thu (ủy nhiệm thu) với 557 Chi cục Thuế và 557 KBNN quận/huyện trên cả nước. Đến 31/12/2012, riêng Ngân hàng Agribank có 520 chi nhánh triển khai Thu ngân sách nhà nước với 1.216 điểm thu trên cả nước. Trong khi đó tính đến 31/05/2011, mới có 51 cơ quan Thuế, KBNN tỉnh, thành phố với khoảng 415 Chi cục Thuế và KBNN quận/huyện trực thuộc tổ chức công tác phối hợp thu NSNN với các NHTM; trong đó, có khoảng 400 KBNN quận, huyện đã triển khai phối hợp thu NSNN với NHTM cả bằng tiền mặt và chuyển khoản (15 Chi cục Thuế và KBNN quận/huyện mới chỉ triển khai phối hợp thu bằng chuyển khoản). Số lượng các điểm giao dịch của NHTM (bao gồm cả chi nhánh và phòng giao dịch trực thuộc) là trên 900 đơn vị, gần gấp trên 2 lần số đơn vị Chi cục Thuế và KBNN quận/huyện tức là số

điểm giao dịch cho người nộp thuế tại những địa bàn đã triển khai phối hợp thu đã được tăng gấp trên 3 lần.

Trong qua trình phối hợp thu thuế nội địa, cơ quan Thuế, KBNN và các NHTM thường xuyên phối hợp để tháo gỡ những vướng mắc trong việc thực hiện nhiệm vụ thu thuế nội địa như:

- Cơ quan Thuế phối hợp với các NHTM và KBNN các tỉnh/thành phố, quận/huyện thống nhất ghi đầy đủ các chỉ tiêu của chứng từ như mã số thuế, tên NNT, sắc thuế, địa chỉ đối tượng nộp thuế... để làm căn cứ hạch toán đúng, đủ vào NSNN kịp thời. Trước đây, không có sự thống nhất ghi đầy đủ thì các thông tin về chỉ tiêu này mỗi cơ quan xử lý một cách khác nhau nên mất nhiều công sức, thời gian.

- Phối hợp để giải đáp, chấn chỉnh các đơn vị cấp dưới thực hiện đúng các quy định về hạch toán thu NSNN, đảm bảo đúng quy định của mục lục NSNN.

*2.3.1.2. Cung cấp thông tin giữa cơ quan Thuế, Ngân hàng thương mại và Kho bạc nhà nước*

- Tại cấp trung ương:

- + Tổng cục Thuế và KBNN TW đã thực hiện kết nối thông tin số liệu hàng ngày: thu dầu thô, hoàn thuế tại các địa phương và tình hình thanh toán tài khoản quỹ hoàn thuế và tổng hợp số thu hàng tháng. Việc kết nối thông tin số liệu thu dầu thô và tình hình hoàn thuế vận hành tương đối tốt phục vụ kịp thời cho việc tổng hợp số thu về dầu thô, số chi hoàn thuế và việc thanh toán hoàn thuế tại tài khoản quỹ hoàn thuế, giảm tải việc nhập lại chứng từ, số liệu đảm bảo khớp đúng.

- + NHTM: có 2 sự lựa chọn: thiết lập kênh trực tuyến để kết nối thông tin hàng ngày về số thuế phải thu, danh bạ NNT để NHTM hoặc cập nhật thống nhất số thuế phải thu NSNN, danh bạ NNT do KBNN TW chuyển đến sau khi nhận từ cơ quan thuế để thực hiện thu NSNN từ người nộp thuế tại các chi nhánh, phòng Giao dịch của NHTM. Đồng thời, NHTM tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng và bảo mật thông tin về người nộp thuế theo đúng mục

đích để tổ chức phối hợp thu NSNN.

- Tại cấp địa phương: hàng tháng, cơ quan Thuế, NHTM và KBNN đã có sự thống nhất phối hợp trao đổi thông tin về NNT đã được phân loại theo cấp quản lý. Quá trình phối hợp tổ chức thu nộp thuế nội địa trên địa bàn được tiến hành nhịp nhàng, nhanh gọn, kịp thời và hiệu quả. Kết quả thể hiện cụ thể trên các mặt như sau:

+ Cơ quan Thuế: Đã cập nhật và cung cấp thông tin để sử dụng thống nhất trong hệ thống như: cập nhật danh mục cơ quan Thuế, danh bạ NNT. Gửi dự toán thu từng quý tới KBNN đồng cấp. Hàng tháng cung cấp thông tin NNT, số thuế nội địa phải nộp của từng NNT, lệnh hoàn trả khoản thu của từng NNT cho KBNN đồng cấp, chi nhánh NHTM ủy nhiệm thu đồng cấp đảm bảo công tác thu đúng, đủ, kịp thời và chính xác (riêng lệnh hoàn trả khoản thu chỉ gửi cho KBNN đồng cấp).

+ Cơ quan KBNN: Đã cập nhật và cung cấp các thông tin thống nhất của 2 ngành như danh mục của cơ quan Kho bạc, mã kho bạc, hàng ngày có trách nhiệm tổng hợp dữ liệu thu thuế nội địa và số thuế đã hoàn trả trực tiếp cho NNT qua KBNN trên địa bàn kèm chứng từ thu NSNN gửi cơ quan Thuế. Phối hợp với cơ quan Thuế, NHTM tổ chức các điểm thu, lịch thu, đảm bảo nộp kịp thời các khoản thu vào NSNN.

+ NHTM: Hàng ngày có trách nhiệm tổng hợp dữ liệu thu thuế nội địa qua NHTM trên địa bàn kèm chứng từ thu NSNN gửi KBNN. Phối hợp với cơ quan Thuế, KBNN tổ chức các điểm thu, lịch thu, đảm bảo nộp kịp thời các khoản thu vào NSNN.

Nhìn chung, dữ liệu trao đổi giữa các cơ quan khá tốt giúp việc tổng hợp số thu thuế nội địa chính xác, nhanh chóng, kịp thời. Hầu hết các đơn vị KBNN đã nhận được số liệu NHTM chuyển sau khoảng thời gian từ 30 phút đến 1 giờ.

*2.3.1.3. Kết quả thực hiện quy trình trao đổi thông tin giữa cơ quan Thuế và Kho bạc nhà nước*

Từ năm 2008, ba cơ quan Thuế, NHTM và KBNN phối hợp thu thuế nội địa đã giảm tình trạng chênh lệch số liệu thu NSNN trước đây. Kết quả đạt được đánh giá như sau:

Bảng 2.6. Tổng kết thu thuế nội địa qua các cơ quan

Đơn vị tính: tỷ đồng

Thời gian	2008	2009	2010	2011	2012
<b>Tổng thu NSNN (tỷ đồng)</b>	548.529	629.187	777.283	962.982	740.500
Thu trực tiếp qua KBNN	447.512	489.076	490.478	367.890	265.190
Thu qua trực tiếp qua NHTM	3.428	21.351	166.162	461.016	378.360
Thu trực tiếp qua cơ quan Thuế	97.589	118.760	120.643	134.076	96.950

(Nguồn số liệu: Số liệu số thu chi tiết của cơ quan Thuế, KBNN)

#### - Về phía người nộp thuế:

+ Quy trình, thủ tục thu nộp NSNN được đơn giản hóa, giảm thiểu thời gian và thủ tục nộp NSNN theo nguyên tắc: người nộp thuế chỉ cần lập 1 liên bảng kê nộp thuế theo mẫu tương đối đơn giản; thời gian chờ đợi để mỗi người nộp thuế làm thủ tục nộp tiền được giảm bớt xuống còn khoảng 5 – 7 phút cho một lần giao dịch nộp thuế thay vì trước đây mất cả buổi.

+ Không gian và thời gian thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN được mở rộng (người nộp có thể thực hiện nộp tiền tại nhiều địa điểm khác nhau, nơi có trụ sở KBNN hoặc chi nhánh, điểm giao dịch của NHTM; hoặc có thể nộp tiền ngoài giờ hành chính, nộp vào ngày nghỉ). Ngoài ra, NNT được tiếp đón tận tình và hướng dẫn chu đáo nên đã gây được thiện cảm và nhận được sự đồng tình, ủng hộ của đông đảo người nộp thuế. được các NHTM tra cứu, hỗ trợ thông tin để bổ sung, hoàn thiện chứng từ nộp NSNN

+ Từng bước được sử dụng các dịch vụ thu nộp NSNN văn minh, hiện đại do các ngân hàng cung cấp như: nộp NSNN qua thẻ ATM, qua internetbanking...

**- Về phía cơ quan Thuế:**

+ Không cần nhập lại dữ liệu thu thuế nội địa, mà có thể nhận đầy đủ, chính xác dữ liệu thu, hoàn trả trong ngày từ cơ quan KBNN truyền sang, phục vụ cho công tác quản lý thu NSNN an toàn và hiệu quả theo nguyên tắc dữ liệu chứng từ thu được nhập ở một nơi và được sử dụng ở nhiều nơi; đồng thời, được hỗ trợ trong việc thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

**- Về phía KBNN:**

+ Giảm đáng kể việc nhập liệu thông tin chứng từ đặc biệt các thông tin chung về NNT do thông tin về dữ liệu nộp thuế đã được nhận tự động từ hệ thống của cơ quan Thuế nên thời gian nhập, in chứng từ chỉ mất 5 – 7 phút thay vì 30 phút – 45 phút như trước đây và tập trung nguồn thu nhanh chóng do các NHTM truyền đầy đủ, chính xác, nhanh chóng sang KBNN; hầu hết các đơn vị KBNN đã nhận được số liệu NHTM chuyển sau khoảng thời gian từ 30 phút đến 1 giờ.

+ Từng bước giảm bớt áp lực về biên chế, kinh phí cho hệ thống KBNN khi phải tổ chức các điểm thu ngoài trụ sở, thu phạt ngoài giờ hành chính do việc thu đã được NHTM phối hợp, tổ chức thu,... Ước tính hàng năm kể từ khi NHTM phối hợp thu NSNN KBNN tiết kiệm kinh phí tổ chức điểm thu ngoài khoảng 1258 tỷ đồng.

**- Về phía các NHTM đang thực hiện phối thu NSNN:**

+ Với việc được cung cấp thông tin về người nộp thuế, nên các ngân hàng này có thể bổ sung huy động vốn thường xuyên đồng thời nghiên cứu, phát triển và nâng cao số lượng, chất lượng các dịch vụ thanh toán hiện đại.

Như vậy, việc thông nhất và đối chiếu được đầy đủ, kịp thời thông tin, dữ liệu về thu NSNN giữa KBNN – cơ quan Thuế - NHTM đã khắc phục được

cơ bản tình trạng chứng từ thu NSNN chuyển từ ngân hàng về KBNN và cơ quan thuế bị thiếu/hoặc sai thông tin. Qua đó, giúp cơ quan thuế theo dõi tình trạng thu, nộp (tính thuế, đốc thuế,...) và việc hạch toán thu NSNN của KBNN được nhanh chóng, chính xác và kịp thời. Thông qua việc tổ chức phối hợp thu NSNN đã nâng cao vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện chủ trương của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt trong khu vực công nói riêng và trong nền kinh tế nói chung; đồng thời, việc thu, nộp NSNN đã được phát triển hiện đại hơn - nộp trực tiếp vào tài khoản của KBNN tại ngân hàng, tiến tới toàn bộ các khoản thu NSNN đều được nộp bằng chuyển khoản qua ngân hàng. Đồng thời, thông qua việc xây dựng Trung tâm trao đổi dữ liệu trung ương; chương trình kết nối, trao đổi thông tin với cơ quan thuế, đơn vị có liên quan; chương trình thu NSNN của KBNN và của các NHTM,... đã thúc đẩy xu hướng kết nối và trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử giữa các cơ quan, đơn vị thay cho phương thức luân chuyển, trao đổi thông qua chứng từ giấy như hiện nay để từng bước hình thành hệ thống thông tin tài chính tích hợp. Từ đó, đáp ứng yêu cầu cải cách, hiện đại hóa công tác quản lý tài chính-ngân sách và xây dựng Chính phủ điện tử.

### ***2.3.2. Hạn chế phối hợp thu thuế nội địa vào NSNN***

#### ***2.3.2.1. Về quy trình phối hợp thu thuế nội địa***

Phối hợp, quản lý thu thuế nội địa vào NSNN (thu NSNN qua KBNN) như quy định hiện nay còn mang nặng tính thủ công vẫn còn thủ tục rườm rà, chưa hợp lý.

- Cơ chế chính sách hiện nay chưa hoàn toàn theo hướng cải cách thủ tục hành chính, giảm bớt giấy tờ. Quy trình xử lý cuối ngày của cơ quan kho bạc vẫn còn rườm rà, chưa hợp lý. Quy định cơ quan kho bạc, NHTM phải in 02 liên chứng từ chứng từ nộp thuế nội địa, 01 liên gửi cho NNT và 01 liên lưu tại KBNN, NHTM để làm căn cứ theo dõi, đối chiếu là chưa hợp lý, gây tốn kém chi phí của nhà nước cũng như thời gian của cán bộ kho bạc, NHTM. Ngoài ra, NHTM cũng phải in 02 liên bảng kê chứng từ thu thuế nội địa trong

ngày, 01 liên gửi cho KBNN, 01 liên lưu tại NHTM để làm căn cứ theo dõi, đối chiếu, tổng hợp, gây tổn kém nhiều chi phí in, lưu trữ của NHTM.

- Cơ sở pháp lý về nộp thuế điện tử chưa được đầy đủ và cụ thể nên chưa khuyến khích được các doanh nghiệp nộp thuế theo hình thức nộp tiền thuế điện tử (qua ATM, Internet Banking,...). Hơn nữa, để được xác minh NNT đã nộp thuế thì theo quy định vẫn phải có dấu đỏ xác nhận của NHTM hoặc KBNN nơi NNT nộp tiền nên mặc dù nộp qua ATM, internet Banking vẫn phải đến NHTM, KBNN xin xác nhận. Các quy định hiện nay làm tăng tính thủ tục hành chính cho người nộp thuế và gây tâm lý ngại sử dụng hình thức nộp thuế điện tử của người nộp thuế. Do đó, cơ chế chính sách hiện hành chưa tạo động lực mạnh để thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt khu vực công cũng như trong nền kinh tế nói chung.

- Quy định thời gian NHTM tạm ngừng truyền nhận chứng từ thanh toán trong ngày để đối chiếu số liệu với KBNN và chuyển tiền về tài khoản của KBNN tại Ngân hàng nhà nước vào lúc 15 giờ 30 hàng ngày là chưa hợp lý. Việc quy định như vậy sẽ gây khó khăn cho công tác đối chiếu và kiểm tra giữa số thu NSNN và số tiền do NHTM chuyển từ tài khoản chuyên thu về tài khoản của KBNN tại Ngân hàng nhà nước. Đồng thời, NNT bị tính phạt oan đi nộp thuế sau thời gian này thì bị tính là nộp thuế vào ngày hôm sau mặc dù đã nộp thuế đúng hạn.

#### *2.3.2.2. Về phương thức phối hợp thu thuế nội địa*

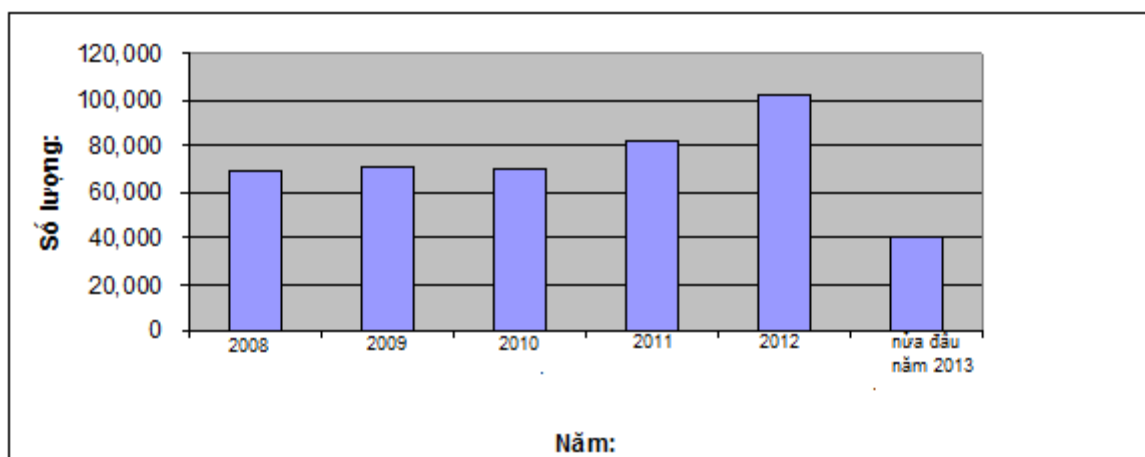
Như đã phân tích ở phần trên, phương thức phối hợp thu NSNN chủ yếu hiện nay đang được áp dụng là thu trực tiếp qua KBNN, NHTM; thu qua cơ quan thu. Các phương thức này chủ yếu dựa vào tính tự giác của người nộp, chưa mang tính cưỡng chế cao do đó dẫn đến tình trạng số thuế nợ đọng của các đơn vị còn tương đối lớn và để hoàn thành được kế hoạch thu hiện nay cơ quan thuế, KBNN vẫn mất rất nhiều công sức đốc thúc. Phương thức ủy nhiệm thu cho UBND xã, phường, thị trấn hiện chỉ được áp dụng đối với một số sắc thuế, nên đã dẫn đến tình trạng cùng NNT thực hiện nghĩa vụ đối với



Nhà nước nhưng khoản thu này thì nộp cho cán bộ thu ở chính quyền sở tại, khoản thu khác lại nộp cho cơ quan thu, do đó làm cho NNT không thực sự hiểu rõ ai là cơ quan quản lý việc nộp NSNN của mình. Bên cạnh đó nguồn kinh phí để UBND chi trả thù lao cho cán bộ ủy nhiệm thu hạn hẹp, UBND thường bố trí những cán bộ cao tuổi đã nghỉ hưu hoặc cán bộ thuộc tổ dân phố phường, xã không hiểu biết nhiều về thuế nội địa, về công nghệ, và không có sự phối hợp chặt chẽ với KBNN, NHTM nên việc thu NSNN gặp khó khăn.

### 2.3.2.3. Về công tác hạch toán thu thuế nội địa

Công tác hạch toán gặp khó khăn do chất lượng chứng từ thu NSNN chưa đáp ứng yêu cầu: còn có chứng từ do NNT lập chưa đáp ứng đầy đủ thông tin cần thiết; cơ quan Thuế phối hợp, truyền thông tin NNT, số thuế phải nộp cho KBNN, NHTM chưa đầy đủ, thường xuyên và chậm thể hiện tại hình 2.10. Số lượng số thuế phải nộp của NNT truyền chậm:

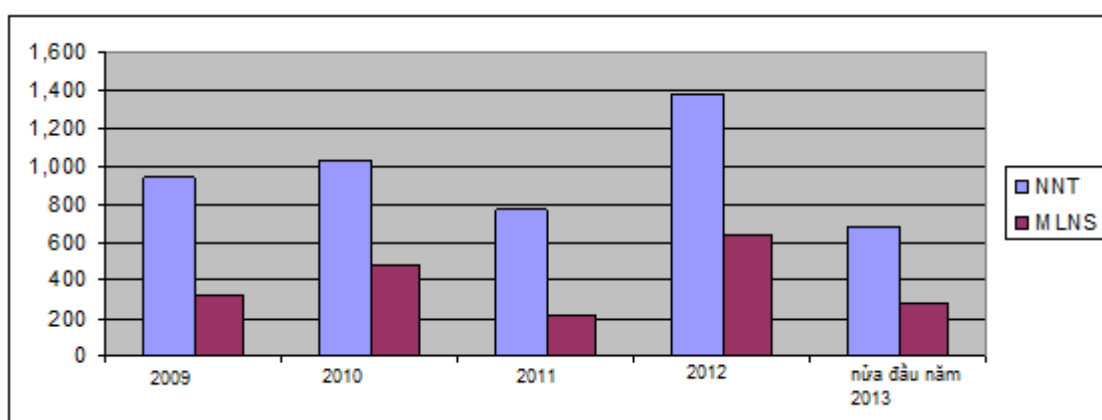


(Nguồn: Báo cáo hỗ trợ dự án trao đổi số liệu thu nộp thuế của Bộ Tài chính)

KBNN, NHTM chưa cập nhật thông tin NNT nhận từ cơ quan Thuế đầy đủ, ngoài ra Ngân hàng chưa ủy nhiệm thu chuyên chứng từ chuyên khoản cho KBNN thiếu như mã số thuế, sắc thuế... nên khối lượng chứng từ thu còn phải điều chỉnh phát sinh quá nhiều, nhiều chứng từ KBNN không hạch toán được phải trả lại dẫn đến việc thu ngân sách bị chậm, do chứng từ ghi không chính xác nên kế toán hạch toán sai, từ đó làm cho việc phạt vi phạm hành chính thuế không chính xác, đặc biệt từ năm 2004, thực hiện cơ

chế tự khai tự nộp, bỏ quy định cơ quan thu gửi thông báo thu cho từng đơn vị nên hiện tượng sai sót xảy ra ngày càng phổ biến. Tình trạng này gây khó khăn cho KBNN và cơ quan thuế trong việc quản lý, theo dõi tình hình thu nộp NSNN của các đối tượng. KBNN, cơ quan Thuế vẫn thường xuyên phải tra soát với nhau, gây mất thời gian, nhân lực trong khâu điều chỉnh thông tin số thuế nội địa đã nộp.

Số lượng chứng từ bị sai thông tin về NNT và MLNS được thống kê tại hình 2.11. Số lượng chứng từ bị sai thông tin:



(Nguồn: Báo cáo hỗ trợ dự án trao đổi số liệu thu nộp thuế của Bộ Tài chính)

Một hạn chế nữa trong công tác hạch toán thu NSNN đó là: hiện nay mỗi NNT chỉ được cơ quan thuế cấp một mã chương duy nhất theo ngành nghề kinh doanh chính của NNT. Vì vậy, khi thực hiện nghĩa vụ với NSNN, mặc dù có những NNT phát sinh nhiều khoản phải nộp thuộc các ngành nghề kinh doanh khác nhau song KBNN vẫn chỉ hạch toán được vào chung một mã chương. Điều này làm cho số liệu báo cáo thu NSNN theo nội dung kinh tế không được hoàn toàn chính xác và việc đối chiếu báo cáo thu giữa KBNN, cơ quan Thuế chưa khớp ở trường hợp này. Ngoài ra, việc hạch toán chung một mục lục ngân sách cho mọi khoản thu của cùng một đối tượng còn ảnh hưởng đến việc phân chia nguồn thu cho ngân sách các cấp (vì đối với thuế thu nhập doanh nghiệp của NNT hạch toán ngành thì tỷ lệ phân chia số thu từ hoạt động kinh doanh chính khác với tỷ lệ phân chia số thu từ các hoạt

động phụ trợ).

#### 2.3.2.4. Về công tác thông tin, báo cáo

Theo cơ chế hiện hành, KBNN là cơ quan thực hiện kế toán NSNN và cung cấp mọi thông tin số liệu thu NSNN. Tuy nhiên, việc thực hiện cơ chế này vẫn còn một số hạn chế cơ bản sau đây:

Việc cung cấp báo cáo quản trị cho các cơ quan điều hành ngân sách trên địa bàn và cung cấp các báo cáo tài chính theo yêu cầu của các cơ quan quản lý, các cơ quan phân tích thống kê của hệ thống KBNN hiện nay còn nhiều điều bất cập. Sự bất cập này xuất phát từ chỗ các cơ quan quản lý, cơ quan phân tích thống kê có nhu cầu về các loại thông tin khác nhau vào các thời điểm khác nhau. Trong khi đó, số liệu của các báo cáo quản trị và báo cáo tài chính mà KBNN cung cấp cho các cơ quan này lại cố định theo quy định của Bộ Tài chính. Do đó nảy sinh tình trạng mặc dù KBNN có đầy đủ số liệu, nhưng không đáp ứng đủ yêu cầu thông tin của người cần cung cấp, trong khi các thông tin từ báo cáo tài chính theo quy định lại dần trải thừa thiếu không phù hợp.

Hơn nữa, tiêu chí báo cáo của KBNN và cơ quan Thuế khác nhau mặc dù báo cáo cho cùng cấp quản trị, có nhiều tiêu chí quan trọng với KBNN nhưng không quan trọng với cơ quan Thuế và ngược lại dẫn đến báo cáo số thuế đã nộp khác nhau, gây khó khăn trong việc điều hành ngân sách của Bộ tài chính, chính phủ.

Ngoài ra, theo Luật NSNN, toàn bộ các khoản thu ngân sách đều phải nộp vào KBNN, nhưng hiện nay vẫn còn những khoản thu chưa được tập trung vào ngân sách qua KBNN, NHTM như: học phí; viện phí; phụ thu tiền điện, tiền nước; lệ phí lãnh sự ngoài nước để lại cho Bộ Ngoại giao đầu tư cho các dự án mua nhà và nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài... Đối với các khoản thu này, đơn vị sử dụng biên lai thuế hoặc biên lai tài chính để tự thu, tự chi, sau đó làm thủ tục ghi thu ghi chi NSNN đồng thời. Tình hình trên không những chỉ ảnh hưởng tới công

tác báo cáo số liệu của KBNN mà còn làm cho khối lượng thu trực tiếp qua KBNN, NHTM trở nên càng nhỏ bé, nguồn thu không được tập trung kịp thời vào NSNN, đồng thời, hạn chế vai trò kiểm soát chi của KBNN. Cơ quan thu, KBNN không thể kiểm soát được mọi nguồn thu và vì vậy, dễ nảy sinh tiêu cực trong công tác quản lý thu, chi tài chính tại các đơn vị.

### ***2.3.3 Những nguyên nhân chủ yếu của hạn chế phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại***

#### ***2.3.3.1. Cơ chế phối hợp thu thuế chưa hoàn thiện***

Kể từ khi triển khai mô hình phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế, KBNN và NHTM, Bộ Tài chính đã xây dựng mới cũng như cập nhật, sửa đổi nhiều văn bản quy phạm pháp luật để đáp ứng với điều kiện triển khai thực tế cũng như là cơ sở pháp lý cho việc triển khai, áp dụng chính thức mô hình phối hợp thu. Mặc dù, cơ chế chính sách đã có nhiều chuyển biến theo chiều hướng tích cực, nhưng còn thiếu tính đồng bộ và chưa thực sự hoàn thiện. Một số quy trình, thủ tục còn rườm rà, áp đặt, chưa hoàn toàn xây dựng theo hướng triệt để cải cách thủ tục hành chính theo chủ trương của Chính phủ, theo quy định hiện nay thì cán bộ kho bạc, NHTM vẫn còn phải in giấy tờ rất nhiều như in giấy nộp tiền trả cho NNT, NHTM in bảng kê để lưu và gửi KBNN để đối chiếu, làm cơ sở hạch toán tiền thuế vào NSNN, tổng hợp, báo cáo số thu thuế. Hơn nữa, văn bản chính sách phối hợp chưa có quy định xác định các tiêu chí phối hợp để đánh giá chất lượng phối hợp, khắc phục những hạn chế trong phối hợp thu thuế giữa cơ quan Thuế,

Chính sách cho việc triển khai thu thuế không dùng tiền mặt cũng chưa được hoàn thiện, chính sách khuyến khích NNT qua hình thức điện tử như InternetBanking, ATM,...chưa có. Hệ thống chính sách chưa bắt kịp sự phát triển của các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin, do đó các phương thức thu còn hạn chế.

#### ***2.3.3.2. Công tác tổ chức cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu***

Dù đã có kinh nghiệm tốt trong thời kỳ đổi mới nhưng so với yêu cầu

hiện đại hoá và hội nhập quốc tế thì công tác tổ chức cán bộ vẫn còn có những khoảng cách rất xa, chất lượng của nhiều cán bộ phối hợp thu thuế nội địa chưa bắt kịp được kỹ năng quản lý hiện đại, chuyên sâu, kiến thức cơ bản về máy tính còn hạn chế nên gặp nhiều khó khăn khi phải sử dụng phần mềm tin học trong xử lý công việc hàng ngày. Chưa có biện pháp để giữ ổn định tổ chức bộ máy, chưa có những ưu đãi, hỗ trợ kịp thời cho những người có năng lực, trình độ chuyên môn tốt nên nhiều cán bộ đã bỏ đi làm cho các đơn vị khác. Công tác đào tạo, tập huấn phối hợp thu cho cán bộ của các ngành đặc biệt là cán bộ mới chưa được đồng bộ, thường xuyên liên tục. Một số cán bộ phong cách phục vụ chưa văn minh, lịch sự, chưa coi NNT là khách hàng quan trọng nhất, là người bạn đồng hành thân thiện để giúp đỡ. Ý thức trách nhiệm của một số cán bộ làm công tác thu NSNN chưa cao, nhiều cán bộ thu chỉ quan tâm tới số thuế thu được mà chưa làm tròn trách nhiệm hướng dẫn NNT thực hiện đúng quy trình nộp thuế, đặc biệt trong việc viết giấy nộp tiền vào NSNN; một số cán bộ còn thoả hiệp với NNT để làm sai lệch số phải nộp, nhiều trường hợp còn gây phiền hà cho NNT... Thậm chí trong quá trình phối hợp, cán bộ KBNN gây khó khăn cho cơ quan Thuế trong khâu nhận chứng từ để hạch toán số thu thuế cho NNT.

#### *2.3.3.3. Sự phối hợp của các cơ quan ban ngành và cấp uỷ địa phương trong công tác quản lý thu NSNN chưa chặt chẽ*

Phối hợp thu thuế nội địa có sự tham gia của nhiều đơn vị, cơ quan ban ngành, có đơn vị trong nội bộ ngành tài chính, có những đơn bên ngoài ngành, phạm vi triển khai rộng, từ trung ương xuống địa phương, số lượng đơn vị tham gia triển khai mô hình lên đến hàng nghìn đơn vị. Do đó công tác phối hợp giữa các đơn vị là rất phức tạp và gặp nhiều khó khăn. Qua thực tế triển khai, sự phối hợp giữa các ngành Thuế, KBNN và NHTM cũng như các ngành có liên quan chưa thực sự hiệu quả, mỗi khi có vướng mắc liên quan đến nhiều đơn vị thì việc xử lý mất rất nhiều thời gian và phải trải qua nhiều thủ tục hành chính, như phải có phiếu xác nhận vướng mắc khi phát sinh, gửi

công văn yêu cầu phối hợp nên phải rất lâu mới xử lý xong. Bên cạnh đó hiện nay, Bộ Tài chính - cơ quan chủ quan của KBNN, cơ quan Thuế cùng Ngân hàng nhà nước đã thành lập Ban chỉ đạo (Ban giám sát) từ cấp trung ương tới cấp tỉnh/thành phố, quận/huyện, với thành phần là lãnh đạo của 3 cơ quan và được quy định trách nhiệm, quyền lợi thông qua Quyết định thành lập. Tuy nhiên, Ban giám sát này chỉ hoạt động trong thời gian từ 2-3 tháng khi phối hợp giữa 3 cơ quan triển khai thực hiện, sau đó chưa tổ chức họp tổng kết, rà soát, chưa có tiêu chí đánh giá liên ngành để rút kinh nghiệm và đưa ra các biện pháp nhằm giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nên không giải quyết được các vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp tiếp theo, chưa công khai thông tin phối hợp giữa 3 cơ quan, gây nhiều hạn chế trong phối hợp.

*2.3.3.4. Công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm của người có nghĩa vụ với NSNN còn hạn chế*

Qua kinh nghiệm triển khai thực tế thì sự hiểu biết đầy đủ của cán bộ trong ngành tài chính cũng như NNT về phối hợp thu thuế nội địa còn nhiều hạn chế. Tình trạng này một phần bắt nguồn từ việc các đơn vị chưa coi trọng đúng mức công tác tuyên truyền giáo dục về quy trình thủ tục nộp thuế mới cho người dân và ngay cả cán bộ trong ngành, mặt khác là do tính cưỡng chế thi hành luật của chúng ta chưa cao, việc xử lý vi phạm pháp luật chưa nghiêm minh. Các văn bản mới chỉ chủ yếu được in ở các tập tin nội bộ và đăng trên một số báo chuyên ngành mà chưa được phổ biến rộng rãi tới các tổ chức, cá nhân nộp thuế; nội dung tuyên truyền vẫn còn chung chung, chưa tuyên truyền được những nội dung cụ thể, liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp; Chưa có hình thức phổ biến, tuyên truyền mô hình, quy trình thu thuế nội địa như hội thảo, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

*2.3.3.5. Hệ thống các công cụ thanh toán không dùng tiền mặt còn thấp*

Các công nghệ thanh toán hiện đại chưa được đầu tư triển khai áp dụng trong công tác tổ chức quản lý, tập trung thu thuế nội địa vào NSNN. Hiện tại,

NNT mới chỉ có quyền lựa chọn hai hình thức thanh toán là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán bằng chuyển khoản. Hình thức thanh toán chuyển khoản dù có độ an toàn cao, chi phí thấp song chưa đáp ứng tốt yêu cầu về mặt thời gian (một khoản thanh toán qua hệ thống KBNN khác địa bàn phải mất từ 3 – 4 ngày mới hoàn tất xong). Hiện nay, NNT có thể sử dụng hình thức nộp thuế bằng internet banking hoặc ATM nhưng sau đó muốn có xác nhận đã nộp thuế thì phải mất thời gian đến xin xác nhận dấu của ngân hàng. Do đó nhiều NNT vẫn sử dụng hình thức thanh toán bằng tiền mặt, chấp nhận chi phí cao, độ an toàn thấp để kịp về hạn định thời gian.

#### *2.3.3.6. Công tác ứng dụng tin học trong quản lý thu NSNN chưa thực sự hiện đại*

Kể từ khi phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế, KBNN và NHTM thực hiện, hầu hết các quy trình nghiệp vụ đã được tin học hóa. Tuy nhiên, công tác ứng dụng tin học chưa thực sự hiện đại và đồng bộ.

Để triển khai phối hợp thu thuế nội địa, từng ngành Thuế, KBNN và NHTM đã xây dựng triển khai các phần mềm tin học phục vụ cho công tác tổng hợp, khai thác của từng ngành cũng như phục vụ cho việc trao đổi thông tin giữa các ngành với nhau. Tuy nhiên, các ứng dụng tin học của các ngành cơ bản đã được xây dựng từ trước đó và chủ yếu triển khai theo mô hình phân tán dẫn đến việc chia sẻ, trao đổi thông tin phục vụ cho việc thu thuế từ NNT cũng như việc cung cấp thông tin về số thuế đã thu cho các đơn vị có liên quan còn bị chậm và làm ảnh hưởng đến việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; hệ thống ứng dụng CNTT của các ngành chưa thực sự áp dụng những công nghệ hiện đại để nâng cao an ninh, an toàn thông tin cho ngành tài chính cũng như cho NNT, giảm thiểu thủ tục hành chính trong việc kiểm tra, kiểm soát, đối chiếu dữ liệu giữa các đơn vị; do ứng dụng của các ngành không được triển khai đồng bộ, nền tảng công nghệ cũng khác nhau dẫn đến việc thống nhất và trao đổi dữ liệu giữa các ngành cũng gặp những khó khăn nhất định.

Hạ tầng truyền thông của cơ quan Thuế, KBNN và NHTM đã được

triển khai thông suốt từ trung ương xuống địa phương phục vụ cho tin học hóa ngành tài chính, điều này có ý nghĩa rất quan trọng cho việc xử lý và trao đổi thông tin giữa các ngành tham gia triển khai phối hợp thu. Tuy nhiên, do hạ tầng truyền thông đã được đầu tư từ lâu, đồng thời yêu cầu triển khai, trao đổi thông tin giữa các ngành ngày càng nhiều, khối lượng thông tin phải xử lý và trao đổi với nhau là rất lớn nên hạ tầng hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ triển khai dự án. Mặt khác, do đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất không đồng bộ cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của phối hợp.

*Tóm lại:* Phối hợp thu thuế từ những năm 2008 và đặc biệt hai năm trở lại đây đã có những bước cải thiện đáng kể trên cả phương diện cơ cấu tổ chức và kết quả thực hiện thu. Điều này đã góp phần quan trọng vào việc gia tăng nguồn thu cho NSNN. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển đổi, cải cách kinh tế nói chung, đổi mới hệ thống quản lý thu thuế nội địa còn bộc lộ những hạn chế, bất cập như đã phân tích, đáng chú ý là quy trình, phương thức thu còn chưa hợp lý, chưa vận dụng triệt để các phương tiện kỹ thuật hiện đại vào công tác quản lý thu.... tất cả những điều đó cho thấy, phối hợp thu thuế cần phải được tiếp tục hoàn thiện bằng hệ thống các giải pháp đồng bộ.



## CHƯƠNG 3

### GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI PHỐI HỢP THU THUẾ NỘI ĐỊA GIỮA CƠ QUAN THUẾ - KHO BẠC NHÀ NƯỚC – NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

#### 3.1. Mục tiêu và những cơ hội, thách thức đặt ra cho phối hợp thu thuế nội địa giai đoạn 2010 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

##### 3.1.1. Mục tiêu

Phối hợp thu thuế nội địa phải đạt đến:

- Những chuẩn mực tài chính công quốc tế, hoàn thiện các chế tài theo hướng minh bạch, hiệu quả;
- Xử lý thông tin tập trung trên phạm vi toàn quốc, bao trùm mọi đối tượng;
- Hệ thống thu nộp, theo dõi trong và sau quá trình thu nộp được kịp thời, hiệu quả, khoa học, có tính đến những khả năng, tiềm năng và rủi ro trong phối hợp thu thuế;
- Tự động hoá cao độ, ứng dụng hoàn toàn công nghệ thông tin và đối với mọi đối tượng liên quan trong xã hội.

##### 3.1.2. Cơ hội và thách thức

Trong thời gian tới, Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và sẽ tham gia nhiều tổ chức khác trên thế giới, thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa, quy mô nền kinh tế ngày càng phát triển, số lượng NNT sẽ tăng lên nhanh chóng (gấp khoảng 5-7 lần hiện nay), môi trường đầu tư trong nước mở rộng hơn, ngoài các nguồn thu truyền thống, sẽ gia tăng các nguồn thu mới như thu nhập từ thị trường bất động sản, chứng khoán, các loại dịch vụ có cơ hội để mở rộng quy mô và tiếp cận với nền quản lý tiên tiến, tiếp cận các thị trường lớn, điều đó sẽ làm gia tăng nguồn thu thuế nội địa nên yêu cầu phải có các phương thức quản lý thu thuế, phối hợp thu thuế phù hợp. Việc áp dụng Luật Thuế thu nhập cá nhân đã kéo theo NNT tăng lên gấp nhiều lần, nhưng việc triển khai hệ thống để tạo điều kiện thuận lợi cho mọi tầng lớp dân cư thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân là một vấn đề

khó khăn hiện nay và trong tương lai.

Tuy nhiên, thách thức đặt ra cho nguồn thu thuế, phối hợp thu thuế là rất lớn:

*Thứ nhất*, nguồn thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước sẽ giảm nếu không được tổ chức tốt trong điều kiện cạnh tranh. Bởi tác động gián tiếp của hội nhập đến các ngành kinh tế trong nước có thể sẽ tác động lớn đến tính ổn định và bền vững của thu thuế nội địa trong thời gian tới, đặc biệt là về cơ cấu thu thuế nội địa: Một mặt do các cải cách sẽ được thực hiện trong hệ thống chính sách thuế; mặt khác, số thu từ khu vực kinh tế trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước giảm do tái cấu trúc và tái cấu trúc đầu tư công thất chặt chi tiêu, làm cho các doanh nghiệp khó mở rộng quy mô và phát triển. Yếu tố được coi là lợi thế so sánh của Việt Nam hiện nay so với các nước trong khu vực và thế giới đó là có nguồn tài nguyên thiên nhiên và lao động rẻ. Tuy nhiên những xu thế này đang có xu hướng giảm nhanh trên thị trường khu vực và thế giới trong khi đó lao động kỹ năng để phục vụ nhu cầu chuyển giao công nghệ và công nghiệp hóa đất nước đang là một thách thức lớn, và khoảng cách này càng xa trong thời đại kinh tế tri thức hiện nay tác động đến chất lượng và hiệu quả tăng trưởng, thu nhập nội địa. Đồng thời, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và những thay đổi của thị trường trong điều kiện hội nhập cũng sẽ làm thay đổi nguồn thu giữa các địa phương, các khu vực kinh tế, giữa các lĩnh vực hoạt động; từ đó có những tác động lớn đến sự biến động của nguồn thu thuế nội địa và cơ cấu thu thuế nội địa.

Tiếp theo đó là việc cắt giảm thuế nhập khẩu theo các cam kết gia nhập WTO và tham gia các khu vực mậu dịch tự do sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp tới thuế xuất nhập khẩu, sẽ làm số thu giảm khoảng 10% tổng số thu thuế từ hoạt động nhập khẩu. Do đó ảnh hưởng gián tiếp tới số thuế nội địa: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân,...

*Thứ hai*, cùng với quá trình hội nhập, sự gia tăng các hoạt động kinh tế ngầm (ngoài luật) như thông tin không tương xứng, các thủ đoạn trốn thuế, ản

lậu thuế, lừa đảo, tham nhũng để chiếm dụng nguồn thu của NSNN ngày càng tinh vi hơn, phức tạp hơn cũng tác động xấu tới phối hợp thu thuế nội địa.

*Thứ ba*, sự phát triển nhanh của quy mô và đối tượng nộp thuế sẽ làm tăng tính phức tạp của sự phối hợp, để hoàn thiện cần có điều kiện và thời gian, thể chế làm căn cứ phối hợp, hệ thống chi tiêu kết nối và đánh giá các công cụ thanh toán, nguồn nhân lực, năng lực quản lý điều hành của 3 cơ quan thực hiện sự phối hợp trong việc cung cấp thông tin và trách nhiệm giải trình, các động lực để phát triển phối hợp bền vững.

*Thứ tư*, ngày nay khoa học công nghệ đặc biệt là công nghệ thông tin thay đổi rất nhanh chóng, thường xuyên cập nhật và thay đổi vì thế hệ thống ứng dụng phần mềm trong phối hợp thu cũng phải thường xuyên thay đổi để đáp ứng các yêu cầu thay đổi về thể chế, chính sách, về yêu cầu quản lý chặt chẽ hơn cũng như yêu cầu về an toàn bảo mật thông tin.

### **3.2. Phương hướng đổi mới phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại**

Trong thời gian qua, về cơ bản phối hợp thu thuế nội địa giữa ngành Thuế, KBNN và NHTM đã được rà soát và hoàn thiện theo hướng đơn giản, thuận tiện cho người nộp thuế cũng như tăng cường công tác quản lý của các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên để khắc phục những yếu kém tồn tại trong quản lý thu tiếp tục hoàn thiện phối hợp thu, đáp ứng mục tiêu đặt ra thì phương hướng hoàn thiện trong thời gian sắp tới là:

- Tiếp tục, rà soát hoàn thiện cơ chế chính sách, quy trình phối hợp thu thuế nội địa theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy trình thực hiện đơn giản, dễ hiểu, thuận tiện nhất cho NNT, nội dung phối hợp cần được xây dựng thành quy chế quy định cụ thể của 3 cơ quan, trách nhiệm cá nhân, người đứng đầu các bộ phận trong việc phối hợp; việc trao đổi dữ liệu giữa các ngành được thực hiện hoàn toàn bằng điện tử, giảm thiểu phải in giấy nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nộp thuế cũng như cơ quan quản lý nhà nước trong việc phối hợp thu thuế nội địa.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả phối hợp thu thuế nội địa, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế nộp đúng, nộp đủ, kịp thời tiền thuế vào NSNN và cơ quan quản lý thu đúng thu đủ tiền thuế.

- Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan Thuế, KBNN, NHTM và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp thu thuế nội địa.

- Tăng cường việc áp dụng công nghệ tin học vào công tác phối hợp thu thuế nội địa giữa ngành Thuế, KBNN và NHTM. Hiện đại hoá cơ chế quản lý, công nghệ quản lý cả về bộ máy và con người. Thực hiện quản lý theo phương pháp tiên tiến, khoa học, theo các chuẩn mực quốc tế, đưa công nghệ hiện đại vào mọi khâu để nâng cao hiệu quả của việc triển khai phối hợp thu thuế nội địa.

- Tăng cường đầu tư các công cụ thanh toán hiện đại thực hiện chủ trương gia tăng việc thanh toán không dùng tiền mặt mà bằng internet banking, ATM, có cơ chế khuyến khích người nộp thuế sử dụng các công cụ này.

- Tăng cường đội ngũ cán bộ triển khai phối hợp thu: giỏi về kỹ năng quản lý, nắm chắc được các quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp của mô hình phối hợp thu, sử dụng thành thạo các công nghệ, tiến bộ của công nghệ thông tin, vừa có kiến thức sâu rộng, phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình với công việc.

### **3.3. Một số giải pháp đổi mới phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại**

#### ***3.3.1. Xây dựng phương pháp mới trong phối hợp thu thuế nội địa***

- Từ những hạn chế trong thực tế hiện nay về quy trình thu thuế nội địa, phương thức thu thuế nội địa, công tác hạch toán thu thuế nội địa, công tác thông tin, báo cáo và nhu cầu hoàn thiện phối hợp thu thuế nội địa cấp bách nên tất yếu cần đòi hỏi phải xây dựng phương pháp mới trong phối hợp thu thuế nội địa mới. Do đó, tác giả xin đề xuất quy trình quản lý thu, nộp thuế giữa cơ quan Thuế - Kho bạc Nhà nước trao đổi thông tin với các ngân hàng, cụ thể như sau:

- Thông tin người nộp thuế, sổ thuế sẽ do cơ quan Thuế cung cấp trực

tuyên cho các ngân hàng thông qua Cổng thông tin của Thuế theo hình thức ngân hàng truy xuất vào Cổng thông tin của cơ quan Thuế để truy vấn thông tin về NNT, sổ thuế. Tất cả các NHTM đều có quyền tham gia phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế, KBNN, không hạn chế 3 ngân hàng: Ngân hàng

- Cơ quan Thuế sẽ nhận thông tin chứng từ thu NSNN, bảng kê đối chiếu điện tử (có chữ ký số) từ NHTM ngay trong ngày, sau khi kiểm tra đối chiếu, hạch toán thu NSNN sẽ truyền số liệu cho KBNN. Điều này ngược lại với hiện tại nhưng sẽ tạo thuận lợi cho NNT vì số thuế đã thu được cơ quan Thuế trừ nợ ngay cho NNT, không có thời gian trễ như hiện nay.

Với phương pháp mới này, có nhiều ưu điểm hơn phương pháp thu hiện nay đã nêu ở chương 2:

- Tổ chức bộ máy phối hợp thu thuế nội địa không thay đổi, vẫn tổ chức như hiện nay nên nhà nước không phải mất nhân lực, thời gian, NSNN để tổ chức lại bộ máy.

- NHTM được nhận thông tin NNT trực tiếp từ cơ quan Thuế nên có ngay mọi thông tin của NNT tại mọi thời điểm, không phải chờ đợi KBNN truyền thông tin NNT sang như đã nêu tại mục 2.2.6.1; mục 2.2.6.2. Vì vậy, NNT đến nộp tiền tại trụ sở của NHTM hoặc nộp thuế qua ATM, internetbanking không phải chờ đợi.

- NHTM gửi thông tin số thuế đã nộp cho cơ quan Thuế vào cuối ngày nên cơ quan Thuế có ngay thông tin số thuế đã nộp vào NSNN ngay trong ngày, không phải chờ đợi đến ngày hôm sau mới có số thuế đã nộp như hiện nay nêu tại mục 2.2, tránh tình trạng bức xúc của cán bộ thuế khi phải chờ đợi số đã thu vào NSNN. Do đó, cơ quan Thuế trừ nợ ngay cho NNT, không còn tình trạng NNT bị phạt nộp chậm oan. Đồng thời, chất lượng chứng từ nộp NSNN tốt hơn bởi tất cả các NHTM được tham gia phối hợp thu, phải nhập đầy đủ thông tin NNT nên tất cả các chứng từ nộp thuế vào NSNN có đầy đủ thông tin mà cơ quan Thuế, KBNN cần. Hơn nữa, cơ quan Thuế xác định,

tổng hợp được số thuế đã thu vào NSNN ngay trong ngày để lập báo cáo, xác định ngay nhiệm vụ thu và dự toán được số thuế còn phải thu trong thời gian tiếp.

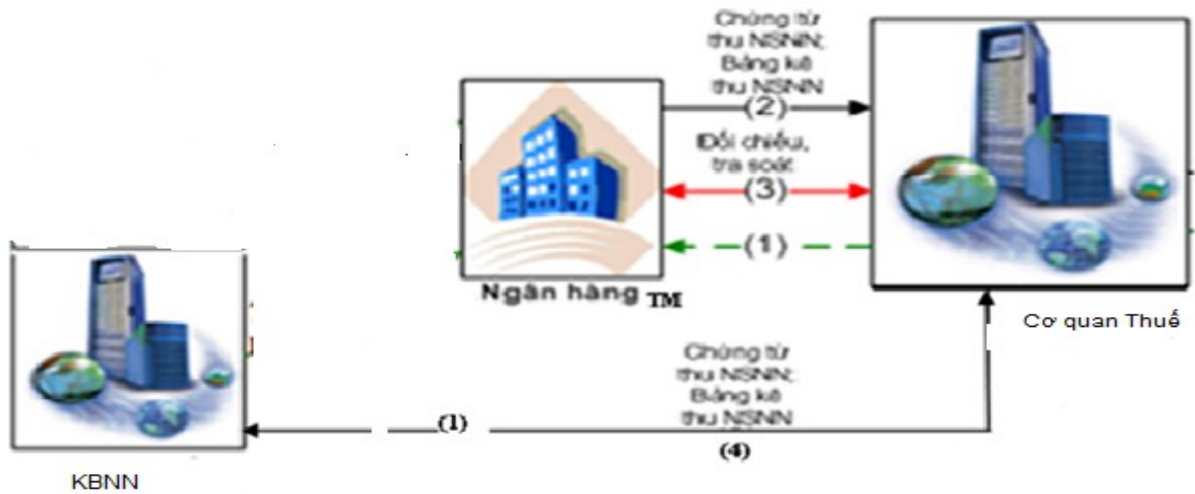
- Tất cả NHTM trên cả nước được tham gia phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế, KBNN nên đều có quyền bình đẳng trong việc huy động vốn từ số thuế đã nộp vào NSNN, tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các NHTM. Các NHTM muốn thu hút nhiều khách hàng đến nộp thuế thì phải cải tiến chất lượng, số lượng dịch vụ cung cấp cho NNT, nhờ đó NNT sẽ thuận lợi hơn và hài lòng khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào NSNN của mình. Vì vậy, nhu cầu sử dụng công nghệ thanh toán hiện đại không dùng tiền mặt được thúc đẩy.

- Khi nhiều NHTM được tham gia phối hợp thu thuế nội địa tức là có nhiều đơn vị tổ chức thu thuế: nhân lực, địa điểm thu. Nên KBNN giảm được nhân lực, công sức, địa điểm tổ chức thu mà có nhiều điều kiện tập trung vào công tác quản lý chi NSNN của mình.

- KBNN nhận được thông tin chứng từ đã thu vào NSNN ngay trong ngày từ cơ quan Thuế - đơn vị quản lý trực tiếp từ NNT nên mọi thông tin trên chứng từ thu vào NSNN có đầy đủ thông tin đặc biệt thông tin địa bàn thu, KBNN xác định tỷ lệ điều tiết NSNN dễ dàng, thuận lợi, nhanh chóng hơn.

*3.3.1.1. Mô hình tổng thể trao đổi thông tin thu, nộp thuế với các Ngân hàng*

Hình 3.1 Mô hình tổng thể phối hợp thu theo phương pháp mới



### ***Mô tả quy trình***

(1) Ngân hàng truy vấn dữ liệu về người nộp thuế (danh mục dùng chung, danh bạ NNT, số thuế) trực tiếp từ các cổng online của cơ quan Thuế.

(2) Ngân hàng thực hiện thu NSNN và truyền dữ liệu cho cơ quan Thuế:

- Theo định kỳ hoặc cuối ngày ngân hàng sẽ kết xuất toàn bộ chứng từ thu phát sinh trong ngày và bảng kê gắn chữ ký số đối chiếu để truyền về cơ quan Thuế qua Cổng thu NSNN của cơ quan Thuế.

- Dữ liệu về số thu nội địa và bảng kê đối chiếu sẽ được kiểm tra xác thực chữ ký số tại Cổng thu NSNN của cơ quan Thuế. Sau khi cơ quan Thuế thực hiện đối chiếu với ngân hàng khớp đúng, chứng từ thu NSNN được kiểm soát tại hệ thống của cơ quan Thuế, tổng hợp để lập báo cáo cho lãnh đạo các cấp trong ngành Thuế, Bộ Tài chính. Sau đó chứng từ đã thu được cơ quan Thuế hạch toán trừ nợ cho NNT. Cuối cùng bảng kê thu thuế nội địa gắn chữ ký số sẽ được chuyển đến hệ thống Trao đổi thông tin thu nộp thuế giữa các cơ quan Thuế, Kho bạc để chuyển đến KBNN.

(3) Đối chiếu, tra soát:

- Cuối ngày, ngân hàng sẽ tổng hợp bảng kê đối chiếu gồm toàn bộ số thu NSNN phát sinh trong ngày để gửi về Cơ quan Thuế qua Cổng thu thuế nội địa. Dữ liệu bảng kê đối chiếu sẽ được ký chữ ký số trước khi truyền cho cơ quan Thuế.

- Cơ quan Thuế nhận bảng kê đối chiếu kiểm tra xác thực chữ ký số và thực

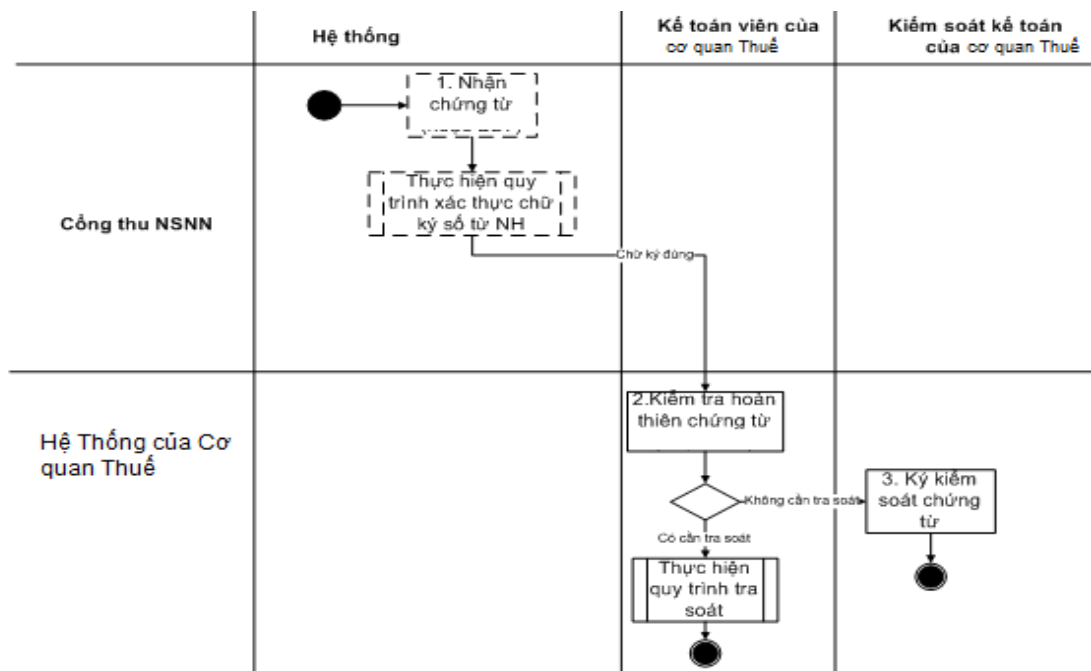
hiện đối chiếu. Trong quá trình đối chiếu nếu có sai lệch giữa bảng kê đối chiếu và dữ liệu số thu NSNN nhận được thì cơ quan Thuế và Ngân hàng cùng phối hợp để xác định nguyên nhân sai lệch và biện pháp xử lý bằng tự động hóa.

- KBNN nhận bảng kê gắn chữ ký số từ cơ quan Thuế đối chiếu kiểm tra xác thực chữ ký số và thực hiện đối chiếu. Trong quá trình đối chiếu nếu có sai lệch giữa bảng kê đối chiếu và dữ liệu số thu NSNN nhận được thì cơ quan Thuế và KBNN cùng phối hợp để xác định nguyên nhân sai lệch và biện pháp xử lý bằng tự động hóa.

### 3.3.1.2. Quy trình nhận chứng từ từ Ngân hàng

#### Mô hình quy trình nghiệp vụ

Hình 3.2. Quy trình nhận chứng từ từ ngân hàng



#### Mô tả các bước trong quy trình

##### Bước 1: Hệ thống nhận chứng từ từ Ngân hàng

- Cuối ngày hoặc theo định kỳ Ngân hàng kết xuất các chứng từ trong ngày và của ngày hôm trước sau giờ cutofftime. Dữ liệu chứng từ phải được ký chữ ký số trước khi truyền về Cổng thu NSNN của cơ quan Thuế.



- Công thu NSNN của cơ quan Thuế tự động nhận và xác thực chữ ký số. Nếu chữ ký số đúng thì chuyển sang bước 2.

**Bước 2: Kiểm tra, hoàn thiện chứng từ vào hệ thống cơ quan Thuế**

- Kế toán viên của cơ quan Thuế sẽ nhận chứng từ vào hệ thống của cơ quan Thuế. Trong quá trình nhận dữ liệu Kế toán viên sẽ kiểm tra thông tin chứng từ và hoàn thiện chứng từ (nếu cần):
  - Nếu cần tra soát lại thông tin thì thực hiện *tra soát*.
  - Nếu không cần tra soát thì chuyển tiếp sang thực hiện bước 3

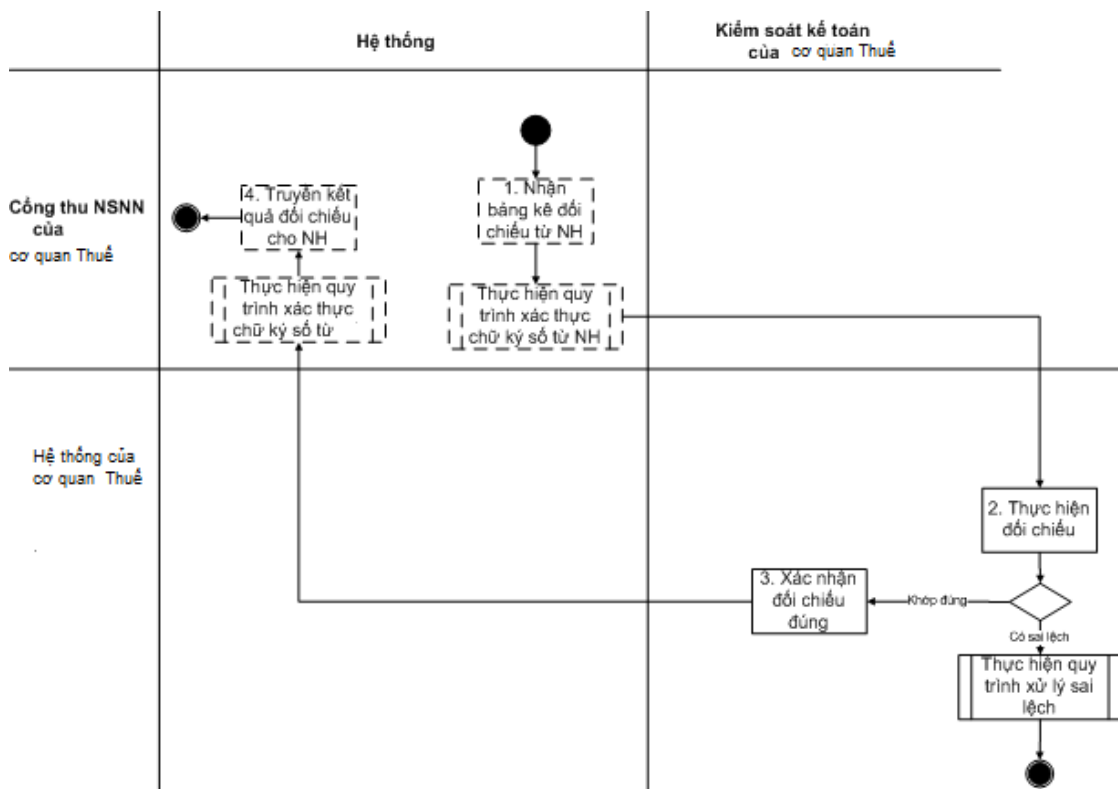
**Bước 3: Ký kiểm soát chứng từ**

- Kiểm soát kế toán của KBNN ký kiểm soát các chứng từ nhận từ ngân hàng. Trong quá trình kiểm soát nếu các thông tin hạch toán tại cơ quan Thuế chưa đúng thì thực hiện *quy trình xử lý sai lầm*.

**3.3.1.3. Quy trình đối chiếu, tra soát**

Đến giờ đối chiếu Ngân hàng sẽ tạo bảng kê đối chiếu gồm các chứng từ phát sinh trong ngày và các chứng từ của ngày trước sau giờ cutofftime để gửi cho cơ quan Thuế thực hiện đối chiếu.

Hình 3.3. Quy trình đối chiếu, tra soát



### Mô tả các bước trong quy trình

#### Bước 1: Nhận bảng kê đối chiếu từ Ngân hàng

- Đến giờ đối chiếu, Ngân hàng sẽ tạo bảng kê đối chiếu (bao gồm: các chứng từ phát sinh trong ngày và các chứng từ sau giờ cutofftime của ngày hôm trước để gửi về cho cơ quan Thuế qua Cổng thu NSNN của cơ quan Thuế).
- Cổng thu NSNN của cơ quan Thuế nhận bảng kê đối chiếu, thực hiện quy trình xác thực chữ ký số. Nếu đúng thì sẽ gửi bảng kê đối chiếu đã được xác thực cho hệ thống của cơ quan Thuế.

#### Bước 2: Thực hiện đối chiếu

- Kiểm soát kế toán của cơ quan Thuế thực hiện đối chiếu giữa bảng kê đối chiếu và chứng từ:
  - Nếu có sai lệch đối chiếu thì thực hiện *Quy trình xử lý sai lệch*
  - Nếu khớp đúng thì chuyển sang thực hiện bước 4

### **Bước 3: Xác nhận đối chiếu đúng**

- Trường hợp thực hiện đối chiếu khớp đúng thì Kiểm soát kế toán của cơ quan Thuế xác nhận đối chiếu đúng và tạo điện kết quả đối chiếu để gửi về NHTM.
- Kết quả đối chiếu này phải được Kiểm soát kế toán của cơ quan Thuế ký chữ ký số trước khi phản hồi về cho NHTM.
- Kết quả đối chiếu được truyền qua Cổng thu NSNN của cơ quan Thuế cho NHTM.
- Cổng thu NSNN của cơ quan Thuế nhận kết quả đối chiếu từ Hệ thống của cơ quan Thuế.
- Tại Cổng thu NSNN của cơ quan Thuế sẽ thực hiện quy trình xác thực chữ ký số từ Kho bạc.

### **Bước 4: Truyền kết quả đối chiếu về cho Ngân hàng.**

- Cổng thu NSNN của cơ quan Thuế truyền kết quả đối chiếu về cho Ngân hàng
- Tại Ngân hàng sẽ phải thực hiện:
  - Xác thực chữ ký số: nếu không xác thực được phải phản hồi về cho cơ quan Thuế biết đã nhận được kết quả đối chiếu nhưng sai chữ ký.
  - Cập nhật trạng thái xác nhận đối chiếu đúng cho bảng kê đối chiếu.

#### ***3.3.2. Xây dựng một số tiêu chí đánh giá sự phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại.***

Để sự phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại tốt hơn, khắc phục những hạn chế như hiện nay cần phải xây dựng một số tiêu chí đánh giá chia thành 2 nhóm như sau:

- Nhóm tiêu chí tiên quyết phải đạt gồm:

+ Bảo đảm tính chuẩn xác các thông tin ban đầu NNT như tên NNT, mã số thuế, số thu nộp, kỳ thuế, chương, sắc thuế làm căn cứ để phối hợp thu thuế

ngoài đối tượng nộp thuế ổn định, hàng năm có hàng ngàn doanh nghiệp phá sản, hàng ngàn doanh nghiệp mới ra đời có tác động tới nguồn thu vì vậy việc cập nhật thông tin ban đầu về sự biến động này là một tiêu chí quan trọng. Thông tin này không đầy đủ, chính xác thì KBNN, NHTM, cơ quan Thuế thu nhằm gây ra thông báo phạt, nợ thuế oan cho NNT và làm mất thời gian của 3 cơ quan trong việc đối chiếu, tra soát thông tin NNT khi thu thuế, xác định số thuế đã thu vào NSNN, dẫn tới việc tập trung số thuế đã thu vào NSNN chậm, không chính xác.

+ Tiêu chí thời gian truyền nhận dữ liệu giữa các cơ quan. Thời gian truyền nhận giữa các cơ quan đúng quy định (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) được đánh giá là thực hiện thời gian truyền nhận tốt. Nếu thời gian truyền nhận giữa các cơ quan không đúng quy định như NHTM phải truyền số thuế đã thu vào NSNN cho cơ quan Thuế ngay trong ngày nhưng đến ngày hôm sau, hoặc nhiều ngày sau đó thì gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng: cơ quan Thuế xác định số thuế đã thu được chậm, trừ nợ cho NNT chậm gây trừ nợ sai cho NNT, không xác định nhanh nhiệm vụ còn phải thu thuế của mình, không tổng hợp số thuế đã thu nhanh để báo cáo chính phủ, vì thế chính phủ không thuận lợi trong điều hành kinh tế vĩ mô. Tương tự, nếu cơ quan Thuế không gửi số thuế đã thu được ngay trong ngày cho KBNN thì KBNN cũng không xác định được ngay số NSNN sẽ được chi, ảnh hưởng tới công tác tổng hợp báo cáo chính phủ về số thuế đã nộp, số được chi, số còn thiếu và ảnh hưởng tới công tác quản lý ngân quỹ của KBNN nên chính phủ cũng gặp khó khăn trong điều hành kinh tế vĩ mô.

+ Tiêu chí về sự hài lòng của NNT khi nộp thuế tại KBNN, NHTM, cơ quan Thuế thông qua sự bỏ phiếu về sự hài lòng cho KBNN, NHTM, cơ quan Thuế được thể hiện thông qua việc rút ngắn thời gian nộp thuế. Thu thuế nội địa từ NNT là nguồn thu chủ yếu của Việt Nam nên nhân dân thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế của mình tức là NSNN đã có nguồn thu đầy đủ. Nhưng thời gian thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của NNT mất quá nhiều: vài tiếng, nửa

ngày thậm chí một ngày do KBNN, NHTM, cơ quan Thuế gây khó khăn, những nhiều sẽ gây bức xúc cho NNT. Họ sẽ không hài lòng, sẽ ngại và có thể chây ỳ nộp thuế. Do đó, cần phải rút ngắn thời gian nộp thuế, tạo điều kiện tối đa cho NNT hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

+ Tiêu chí về chất lượng dữ liệu truyền nhận: phải đồng bộ, đảm bảo đầy đủ theo yêu cầu của từng cơ quan đáp ứng quy định được đánh giá là dữ liệu truyền nhận tốt. Thực trạng hiện nay, dữ liệu truyền nhận về chứng từ số thuế đã thu gửi từ KBNN chưa đảm bảo theo yêu cầu của cơ quan Thuế như thiếu số quyết định phạt, truy thu thuế, nội dung kinh tế (tiểu mục) nên cơ quan Thuế không có căn cứ trừ nợ cho khoản nộp của NNT dẫn đến trừ nợ sai, gây bức xúc cho NNT. Ngoài ra, chứng từ số thuế đã thu gửi từ NHTM thiếu thông tin địa bàn thu, tỷ lệ điều tiết NSNN nên gây khó khăn cho KBNN trong điều tiết NSNN, tổng hợp báo cáo. NHTM nhận thông tin NNT thông qua KBNN nên thông tin đến chậm, không đồng bộ với cơ quan Thuế, KBNN như cơ quan Thuế và KBNN cùng có thông tin mới ra kinh doanh của NNT nhưng NHTM chưa có nên NNT đến nộp thuế thì NHTM không có thông tin nên yêu cầu NNT kê khai nhiều, nhập sai thông tin. Vì vậy, chất lượng dữ liệu truyền nhận giữa 3 cơ quan rất quan trọng.

+ Tiêu chí về sự hài lòng giữa cơ quan này với hai cơ quan còn lại thông qua sự bỏ phiếu tín nhiệm đối với cán bộ làm trực tiếp phối hợp. Nếu phiếu tín nhiệm đạt 80% trở lên là đạt tiêu chí này. Hiện nay, cán bộ làm trực tiếp của cơ quan Thuế luôn không hài lòng với cán bộ làm trực tiếp của KBNN về việc truyền số thuế đã thu do cán bộ của KBNN truyền dữ liệu chứng từ số thuế đã thu chậm, không đúng quy định, gây khó khăn, thậm chí những nhiều với cơ quan Thuế nhưng cơ quan Thuế không dám nêu ra. Nên cơ quan Thuế không có số thuế đã thu đúng quy định dẫn đến xác định số thuế đã thu chậm, trừ nợ sai cho NNT. Điều này còn ảnh hưởng tới hiệu quả phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế, KBNN, NHTM.

- Nhóm tiêu chí bổ sung gồm:

+ Về định lượng: Tốc độ tăng trưởng nguồn thu (quý, năm); Giảm thời gian nộp thuế bình quân (theo giờ); Giảm sai lệch (số vụ).

+ Tiêu chí về báo cáo phối hợp: báo cáo về sự phối hợp giữa cơ quan Thuế - KBNN – NHTM được ba cơ quan cùng lập định kỳ theo tháng, quý, năm gửi Bộ tài chính. Trong báo cáo đánh giá chính xác điểm yếu, điểm mạnh của từng cơ quan trong phối hợp và đúng hạn, báo cáo kỳ sau rút kinh nghiệm của báo cáo kỳ trước. Với báo cáo như vậy được coi là báo cáo phối hợp tốt. Hiện nay, báo cáo về sự phối hợp không thực hiện thường xuyên theo tháng, quý, năm và nếu có báo cáo chỉ báo cáo những kết quả đạt được không thẳng thắn nêu điểm yếu, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm nên việc đánh giá phối hợp ở từng tỉnh/thành phố, quận/huyện gặp nhiều khó khăn: khó xác định KBNN, NHTM nào tổ chức thu thuế nội địa tốt, khó xác định cơ quan Thuế phối hợp tốt để có giải pháp điều chỉnh phối hợp thu thuế tại địa phương đó.

+ Tiêu chí về đối chiếu báo cáo sau khi tổng hợp dữ liệu chứng từ đã thu. Các cơ quan phải xây dựng được hệ thống báo cáo vừa phù hợp với đặc thù ngành vừa có các chỉ tiêu báo cáo tương ứng nhau. Đó là đạt tiêu chí này. Thực trạng hiện nay, cuối tháng, quý, năm KBNN và cơ quan Thuế rất vất vả: thông thường mất từ 1 đến 2 tuần, 3-5 người trong việc đối chiếu số thuế đã thu vào NSNN do mỗi cơ quan có tiêu chí lập báo cáo khác nhau, không thống nhất nhau. Ngoài ra, báo cáo của 3 cơ quan lên chính phủ có tổng số thuế đã thu vào NSNN khác nhau nên gây khó khăn cho điều hành kinh tế vĩ mô của chính phủ. Nên cần phải xây dựng tiêu chí báo cáo thống nhất giữa 3 cơ quan.

Như vậy, đánh giá sự phối hợp tốt giữa cơ quan Thuế - KBNN – Ngân hàng thương mại dựa trên căn cứ phải đạt toàn bộ các tiêu chí của nhóm tiêu chí tiên quyết và một trong các tiêu chí của nhóm tiêu chí bổ sung.

Ngoài việc đánh giá sự phối hợp, về lâu dài có thể nghiên cứu điều kiện để gắn kết lâu bền, ngoài chức năng nhiệm vụ về sự phối hợp, cần có cơ chế khuyến khích trên cơ sở hiệu quả của sự phối hợp mang lại, gia tăng chu

chuyển tiền tệ, sử dụng phân ngân sách chờ thanh toán vào cho vay, điều hòa các quan hệ lợi ích cho mỗi cơ quan nhờ hiệu quả của sự phối hợp mang lại.

### ***3.3.3. Xây dựng cơ chế giám sát việc thực thi trách nhiệm của cơ quan Thuế, KBNN và Ngân hàng thương mại trong phối hợp thu thuế nội địa***

Hiện nay, Bộ Tài chính - cơ quan chủ quan của KBNN, cơ quan Thuế cùng Ngân hàng nhà nước đã thành lập Ban chỉ đạo (Ban giám sát) từ cấp trung ương tới cấp tỉnh/thành phố, quận/huyện, với thành phần là lãnh đạo của 3 cơ quan và được quy định trách nhiệm, quyền lợi thông qua Quyết định thành lập. Tuy nhiên, Ban giám sát này chỉ hoạt động trong thời gian từ 2-3 tháng khi phối hợp giữa 3 cơ quan triển khai thực hiện nên không giải quyết được các vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp tiếp theo, chưa công khai thông tin phối hợp giữa 3 cơ quan, gây nhiều hạn chế trong phối hợp như đã phân tích tại mục 2.3.3 của chương 2. Vì vậy, tác giả đề xuất Ban giám sát thực hiện giám sát theo Quyết định thành lập, theo tiêu chí đánh giá phối hợp nêu tại mục 3.3.2 với thời gian định kỳ hàng quý, hàng năm. Đồng thời, Ban giám sát xây dựng quy định khen thưởng, kỷ luật rõ ràng, minh bạch cho ba cơ quan cùng thực hiện. Mọi thông tin về sự phối hợp gây ảnh hưởng tới NNT đều được đăng tải công khai cho toàn xã hội được biết và đánh giá. Điều này, vừa giúp Ban giám sát hoàn thành nhiệm vụ, vừa khắc phục nhanh chóng mọi vướng mắc, giúp hoàn thiện phối hợp giữa 3 cơ quan.

Vì vậy, sự phối hợp giữa cơ quan Thuế, KBNN và Ngân hàng thương mại sẽ được thực hiện tốt, nguồn thu thuế sẽ được tập trung đúng, đủ, chính xác và nhanh chóng.

### ***3.3.4. Kiến nghị đối với Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính***

Với những ưu điểm của phương pháp phối hợp thu thuế nội địa, tiêu chí đánh giá sự phối hợp, xây dựng cơ chế giám sát đã được phân tích tại mục 3.3.1, 3.3.2, 3.3.3, tác giả đưa ra một số kiến nghị sau để giải pháp này đạt hiệu quả, cụ thể:

#### *3.3.4.1. Kiến nghị đối với Quốc hội*

- Hoàn thiện hệ thống chính sách thuế nội địa: thuế TNCN, thuế TNDN, Thuế GTGT, ....tiên tiến tới phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế.

- Ngoài ra, gắn việc phân cấp ngân sách với sự phân chia quyền lợi về kinh tế - xã hội. Việc phân chia các nguồn thu và các nhiệm vụ chi phải rõ ràng, cụ thể và ổn định trong một thời gian tương đối dài để các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch và phát huy vai trò, trách nhiệm trong việc xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương một cách ổn định, hỗ trợ trực tiếp phối hợp thu thuế đặc biệt là ủy nhiệm thu phường xã.

#### *3.3.4.2. Kiến nghị đối với Chính Phủ*

Trình độ công nghệ thanh toán của nền kinh tế đặc biệt là công nghệ thanh toán của hệ thống ngân hàng và KBNN có tác động trực tiếp đến hiệu quả công tác tập trung, quản lý và phối hợp thu. Vì vậy, Chính phủ cần có các giải pháp hỗ trợ cụ thể để tạo dựng được một hệ thống công nghệ thanh toán hiện đại, hạn chế tối đa việc sử dụng tiền mặt trong các quan hệ thanh toán, tiến tới sử dụng phổ biến hình thức thanh toán không dùng tiền mặt góp phần tiết kiệm chi phí xã hội và nâng cao hiệu quả quản lý NSNN. Để đạt được mục tiêu này, trước mắt Nhà nước cần có sự hỗ trợ kinh phí để cơ quan Thuế, hệ thống KBNN, Ngân hàng nhà nước có thể nhanh chóng thực hiện đầu tư trang bị hệ thống máy móc hiện đại, đào tạo nâng cao trình độ cho các cán bộ thanh toán, xây dựng và đưa vào áp dụng chương trình thanh toán điện tử liên kho bạc, liên kho bạc – ngân hàng, liên cơ quan Thuế - ngân hàng... trong đó, đặc biệt lưu ý vấn đề bảo mật, an ninh an toàn thông tin.

Ngoài ra, chính phủ chỉ đạo Ban giám sát thực hiện hiệu quả trong giám sát phối hợp thu thuế nội địa của ba cơ quan như đã nêu tại mục 3.3.3.

#### *3.3.4.3. Kiến nghị với Bộ Tài chính*

- Xây dựng và triển khai nhanh chóng đề án kế toán thuế nội địa đáp ứng phương pháp mới trong phối hợp thu thuế nội địa giữa các cơ quan Thuế -



KBNN và NHTM đã nêu tại mục 3.3.1. Mục đích là để thông tin nhanh, nhiều về số liệu thu nộp NSNN vào cơ quan Thuế để nhanh chóng trừ nợ cho NNT, tập nguồn thu nhanh chóng, minh bạch, dễ dàng cho công tác quản lý các khoản thu của ba cơ quan.

- Xây dựng hệ thống báo cáo với các chỉ tiêu báo cáo thống nhất giữa cơ quan Thuế, KBNN. Do đó, việc đối chiếu số liệu định kỳ giữa hai cơ quan về số thuế đã thu giảm thiểu công sức, thời gian và nhân lực, đảm bảo nguồn thu đúng, chính xác để Bộ Tài chính, Chính phủ điều hành chính xác thu, chi ngân sách.

## KẾT LUẬN

Thu NSNN nói chung, thu thuế nội địa nói riêng là công cụ tài chính quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Thu NSNN không chỉ nhằm tập trung nguồn lực tài chính vào quỹ NSNN, đáp ứng nhu cầu chi tiêu và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước các cấp, mà còn là công cụ điều tiết, điều chỉnh rất quan trọng trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Đây cũng là công cụ rất nhạy cảm, tác động mạnh tới mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước với các chủ thể kinh tế - xã hội khác. Do vậy, việc quản lý thu thuế nội địa nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu vào quỹ NSNN là vấn đề bức xúc và có tính cơ bản, lâu dài, đòi hỏi phải tổ chức cả hệ thống bộ máy cùng với các phương thức, quy trình thu rất chặt chẽ. Để đáp ứng yêu cầu đó, hệ thống KBNN được hình thành ở nước ta với chức năng chủ yếu là quản lý quỹ NSNN và các quỹ khác của Nhà nước; tập trung phản ánh các khoản thu NSNN; thực hiện chi trả và kiểm soát chi NSNN; còn các Ngân hàng thương mại được hình thành cung cấp các dịch vụ tài chính cho nhân dân và nhà nước. Trong đó, phối hợp, quản lý thu thuế nội địa vào NSNN qua Ngân hàng thương mại, cơ quan Thuế, KBNN là một nội dung quan trọng của thu thuế nội địa vào NSNN và thể hiện phương thức quản lý thuế nội địa theo hướng tiến bộ khai thác các tiềm năng của mỗi cơ quan và phù hợp với xu thế chung của thế giới.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, đề tài luận văn: ***"Phối hợp thu thuế nội địa giữa cơ quan Thuế - Kho bạc - Ngân hàng thương mại ở Việt Nam"*** đã được lựa chọn nghiên cứu với mong muốn tìm ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập trung, quản lý thu thuế nội địa vào NSNN, góp phần tập trung nhanh nhất các khoản thu vào NSNN nhằm đảm bảo nguồn thu NSNN bền vững. Luận văn đã đạt được một số kết quả sau đây:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phối hợp thu thuế nội địa giữa 3 cơ quan Thuế, KBNN và Ngân hàng thương mại.
- Phân tích thực trạng phối hợp thu thuế nội địa giữa 3 cơ quan, kết quả,

tồn tại và nguyên nhân

- Đề xuất một số giải pháp tiếp tục đổi mới sự phối hợp giữa 3 cơ quan Thuế - KBNN- NHTM: phương pháp phối hợp, mô hình trao đổi thông tin, xây dựng tiêu chí đánh giá sự phối hợp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan nên đề tài vẫn còn những hạn chế nhất định. Tác giả mong muốn nhận được sự tham gia, đóng góp của các nhà khoa học, các cán bộ chuyên môn, các đồng nghiệp trong và ngoài ngành quan tâm đến lĩnh vực thu thuế nội địa để có thể hoàn thiện đề tài nghiên cứu được tốt hơn.

Tác giả xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và hướng dẫn tận tình của **PGS.TS. Nguyễn Cúc**, các thầy cô giáo và bạn bè đã giúp tác giả hoàn thành luận văn này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Ăng-ghe-n (1962), “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và Nhà nước”, Nxb Sự thật, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Bất, Vũ Duy Hào (đồng chủ biên) (2002), *Giáo trình Quản lý thuế*, Nxb Thống kê.
3. Bộ tài chính, Sổ liệu công khai các năm 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012.
4. Bộ Tài chính, Thông tư số 59/2003/TT- BTC ngày 23/06/2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ- CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN.
5. Bộ Tài chính, Thông tư số 80/2003/TT- BTC ngày 13/08/2003 hướng dẫn tập trung, quản lý các khoản thu NSNN qua KBNN.
6. Bộ Tài chính, Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24/12/2008 về việc Hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu NSNN qua KBNN.
7. Bộ Tài chính, Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.
8. Bộ Tài chính, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 về hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu ngân sách giữa Kho bạc Nhà nước - Tổng cục Thuế - Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại.
9. Bộ Tài chính, Quyết định số 1027/QĐ-BTC ngày 19/5/2009 về việc ban hành quy trình quản lý thu, nộp NSNN.
10. Bộ tài chính, Quyết định số 654/QĐ-BTC ngày 02/4/2013 về việc bổ sung Quy trình quản lý thu ngân sách Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định 1027/QĐ-BTC ngày 19/5/2009.

11. Bộ Tài chính, Dự án hiện đại hoá quy trình thu nộp thuế giữa cơ quan Thuế - Kho bạc Nhà nước - Hải quan – Tài chính.

12. Nguyễn Thành Danh (2011), *Xây dựng mô hình quản lý chất lượng toàn diện trong quản lý thuế - Nghiên cứu tình huống Chi cục Thuế quận Phú Nhuận*, Thành phố Hồ Chí Minh, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.

13. Đặng Đình Đào, Hoàng Đức Thân, (đồng chủ biên)(2008), *Giáo trình Kinh tế Thương Mại*, Nxb Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

14. Nguyễn Hồng Hà (2011), *Đổi mới quy trình thu ngân sách nhà nước giữa Kho bạc nhà nước và cơ quan Thuế*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

15. Học viện tài chính (2009), *Giáo trình Ngân sách Nhà nước*, Nxb Tài chính, Hà Nội.

16. Học viện Tài chính (2007), *Giáo trình thuế Nhà nước*, Nxb bản Tài chính, Hà Nội.

17. Trịnh Khánh Huyền (2010), *Đổi mới cơ cấu thu ngân sách đảm bảo bền vững Ngân sách Nhà nước*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

18. Đậu Thị Thùy Hương (2008), *Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tập trung, quản lý thu ngân sách qua Kho bạc Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, Đề tài nghiên cứu khoa học, KBNN thành phố Hà Nội, Hà Nội.

19. Nguyễn Thị Thanh Hương (2006), *Đổi mới công tác quản lý thu ngân sách nhà nước qua hệ thống Kho bạc Nhà nước*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Học viện tài chính, Hà Nội.

20. Kho bạc Nhà nước, Báo cáo thu NSNN các năm 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012.

21. Kho bạc Nhà nước, *Tạp chí Quản lý Ngân quỹ Quốc gia*, các số năm 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010.

22. Mác, Ăng-ghe-n (1961), *Tuyển tập*, tập 2, Nxb Sự thật, Hà Nội.
23. Tổng cục Thuế, Báo cáo thu NSNN các năm 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012.
24. Tổng cục Thuế, *Tạp chí Thuế Nhà nước*, các số năm 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012.
25. Phạm Thượng Tình (2012), *Hoàn thiện mô hình phối hợp thu thuế xuất nhập khẩu giữa Ngành Thuế - Kho bạc Nhà nước – Hải quan – Tài chính*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
26. Nguyễn Hữu Tiệp (2005), *Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp thu NSNN giữa các cơ quan Thuế – Hải quan- Kho bạc Nhà nước*, Tạp chí Ngân quỹ Quốc gia, số 33.
27. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, luật số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 về Ngân sách nhà nước.
28. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, luật số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 về Ngân sách nhà nước.
29. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, luật số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 về quản lý thuế.

**Website:**

1. <http://gdt.gov.vn>
2. <http://mof.gov.vn>
3. <http://www.tapchitaichinh.vn>